

**DOHAMIDE
DOROHIM**

ân-tộc Chăm lược sử

ဟို ကတကု ခံ



Tựa của **NGHIÊM-THẨM**
 Nguyên Giám-đốc Viện Khảo-Cổ
 Giáo-Sư tại Đại-Học Văn-Khoa Saigon
 và Đại-Học Vạn-Hạnh

★ *Kính dâng Cha Mẹ.*

D.H.M

D.R.H

DOROHİEM

Tốt-Nghiệp Thủ-Khoa

Ban Cao-Nguyên

Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh



DOHAMIDE

Tốt-Nghiệp Thủ-Khoa Ban Cao-Nguyên

Ban Hành-Chánh

Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh



DÂN - TỘC CHÀM

LƯỢC - SỬ



IN LẦN THỨ NHẤT

1965

TỰA

Của **NGHIÊM THẨM**

Nguyên Giám-đốc Viện Khảo-Cổ
Giáo-Sư tại Đại-Học Văn-Khoa Saigon
và Đại-Học Vạn-Hạnh



DỌC LỊCH-SỬ VIỆT-NAM, ta thấy luôn-luôn nói đến một dân-tộc trước đây ở những miền đồng-bằng của Trung-Việt, đã từng nhiều lần đem quân tới đánh phá các tỉnh ở phía Bắc Trung-Việt và có khi quân-đội đó tới phá cả thành Thăng-Long nhiều lần vào hồi cuối thế-kỷ XV.

Dân-tộc đã có một quá-khứ hùng-mạnh đó là dân-tộc Chăm.

Người Chăm lập quốc từ năm 192, hồi đó nước Việt-Nam còn đang bị người Trung-Hoa đô-hộ. Đó là nước Lâm-Áp. Đến thế-kỷ thứ VIII, ta thấy sử Trung-Hoa dùng danh-từ Hoàn-Vương đề chỉ Vương-Quốc của người Chăm. Và từ cuối thế-kỷ thứ IX, ta thấy Vương-Quốc Chăm được gọi là Chiêm-Thành.

Người Chăm chịu ảnh-hưởng rất sâu-sắc của tôn-giáo và học-thuật của Ấn-Độ. Hiện nay từ Quảng-Nam vào đến Phan-Thiết, ta còn thấy nhiều tháp xây bằng gạch, rất đồ-sộ còn đứng vững. Đó là những kiến-trúc tôn-giáo của đạo Bà-La-Môn hay của đạo Phật. Có những tháp đã được xây cất từ hơn một nghìn năm nay, từ thế-kỷ thứ VII. Tháp xây sau hết là ở thế-kỷ XVII. Ngay từ thế-kỷ thứ IV, ta đã thấy những bia do các vua Chăm dựng lên. Những bia này dùng chữ Phạn (Sanskrit) và cả chữ Chăm cổ nữa. Những bia, những tháp là những di-tích của người Chăm. Những tài-liệu đó chứng tỏ là ngay từ hồi lập quốc người Chăm đã là một nước chịu ảnh-hưởng của văn-minh Ấn-Độ. Những kiểu tháp không kiểu

nào hoàn-toàn giống nhau, là những công-trình kiến-trúc của một dân-tộc có một nền văn-minh rất cao và của một nước cường-thịnh. Viện Bảo-Tàng Đà-Nẵng trưng-bày những tác-phẩm điêu-khắc của người Chăm. Có xem những pho tượng ở Viện Bảo-Tàng Đà-Nẵng, ta mới rõ được là mỹ-thuật của người Chăm khi trước đã đạt được trình-độ rất cao.

Từ xưa, đạo Bà-La-Môn đã là tôn-giáo chính. Cũng có thời Chiêm-Thành theo đạo Phật. Tại Đồng-Dương (Quảng-Nam) ta còn thấy di-tích một ngôi chùa thờ Phật rất lớn. Tại quận An-Phước gần Phan-Rang, cách đây vài năm có đào được vài pho tượng Phật. Từ một nghìn năm nay, đã có một số lớn người Chăm theo Hồi-Giáo.

Chiêm-Thành đã là một nước hùng-cường ở Đông-Nam Á-Châu từ hơn một nghìn năm nay. Nếu quân-đội Mông-Cổ sang xâm-chiếm Việt-Nam bị quân nhà Trần đánh thua thì ta cũng nên biết là quân-đội Mông-Cổ cũng đã chẳng gặp may đất trên Chiêm-Thành.

Nhưng từ năm 1471, sau nhiều cuộc chiến-tranh khốc-hại với Cambodge và với Việt-Nam, nước Chiêm-Thành đã bước sang giai-đoạn suy-vong.

Vì trong lịch-sử hai giống Chăm và Việt đã nhiều lần phải đụng-độ với nhau và nhất là từ thế-kỷ XV đến nay người Việt đã sống chung với người Chăm ở Trung-Việt nên chắc-chắn là giữa hai giống người đó, đã có nhiều ảnh-hưởng hổ-tương. Ta có thể chắc-chắn từ Quảng-Nam vào đến Phan-Thiết, trong nhiều người Việt đều có pha máu Chăm. Nếu ta nghiên-cứu kỹ thì ta sẽ còn thấy là văn-minh Việt-Nam đã chịu nhiều ảnh-hưởng của văn-minh Chăm. Âm-nhạc miền Trung đã chịu nhiều ảnh-hưởng của âm nhạc Chăm. Mỹ-thuật Việt-Nam cũng có chịu ảnh-hưởng mỹ-tuệ Chăm. Những cổ-vật thời Lý (1009 - 1225) đào được ở di-tích

Đại-La (gần Hà-Nội) và ở chùa Vạn-Phúc, làng Phật-Tích tỉnh Bắc-Ninh chứng tỏ là mỹ-thuật Việt-Nam trong thời cực-thịnh đã chịu nhiều ảnh-hưởng của Chiêm-Thành. Ta không nên quên là các vua triều Lý, có mang thợ Chăm ra Bắc để xây-dựng các cung-điện ở kinh-dô Thăng-Long và nhiều chùa ở ngoài Bắc.



Lịch-sử và Văn-minh Chiêm-Thành đã được nhiều học-giả ngoại-quốc mà số đông là người Pháp nghiên-cứu tường-tận (1). Nhưng những công-trình khảo-cứu bác-học đó hiện nay rất khó kiếm. Vì vậy nên chỉ một số ít người được biết đến.

Cách đây đúng 30 năm, bà Vương-Khả-Lâm đã viết cuốn sách đầu tiên bằng tiếng Việt đề nói về Chiêm-Thành (2). Nhưng phải thẳng-thắn nhận-định đó chỉ là một cuốn sách rất sơ-lược.

Trong mấy năm gần đây, một số các nhà trí-thức Chăm đã đề tâm nghiên-cứu về văn-minh và lịch-sử Chăm. Đó là một công việc đáng được khuyến-kích.

Ta cần phải thu-thập rất nhiều tài-liệu ngay từ lúc này, và như vậy thật ra đã là muộn rồi. Trong những khi đi khảo-sát về các cổ-lịch Chăm, từ các kho-tàng của các vua Chăm, cho đến những tháp Chăm, từ Quảng-Trị đến Phan-Thiết, và trong khi đi sưu-tầm các tài-liệu về văn-minh và xã-hội Chăm ở các tỉnh Ninh-Thuận và Bình-Thuận, tôi đã may-mắn có dịp được gần những vị bô-lão Chăm đã lớn tuổi, còn hiểu rõ nhiều phong-tục tập-quán xưa của người Chăm. Nhưng những vị lớn tuổi đó cũng chẳng còn sống được bao năm nữa. Vậy, bây giờ các bạn trí-thức Chăm

(1) Ta phải kể đến tên A. Cabaton, E. Aymonier, L. Finot, E. M. Durand, H. Parmentier, J. Leuba, G. Maspéro, J. Y. Claeys, G. Coedes, P. Mus, P. Stein, J. Boisselier.

(2) Bà Vương-Khả-Lâm lúc/Huỳnh-Thị Bào-Hòa, Chiêm-Thành lược-Khảo, Tựa của Ông Phạm-Guỳnh, Hà-Nội, Imprimerie Đông-Tây, 1936, 64 trang, có hình ảnh.

ở thể-hệ trở nên cố sưu-tầm các tài-liệu về lịch-sử văn-minh Chăm để ghi chép lại. Vì những tín-ngưỡng, những phong-tục tập-quán cổ để bị nền văn-minh cơ-giới của ngày nay làm mai một đi.

Trong số các nhà trí-thức Chăm, tôi có được biết Ông Dohamide, nguyên-quán ở Châu-Đốc, tốt-nghiệp Học-Viện Quốc Gia Hành-Chánh, là người đề tâm nghiên-cứu về phong-tục người Chăm theo Hồi Giáo và lịch-sử Chăm.

Thấy cần phải có một cuốn lịch-sử Chiêm-Thành viết bằng tiếng Việt cho cả người Chăm và người Việt đọc nên Ông Dohamide, với sự cộng-tác của người em là Ông Dorohiêm, đã tra cứu các tài-liệu có giá-trị để viết cuốn sách này.

So-sánh với cuốn **Chiêm-Thành Lược-Khảo** của Bà Vương-Khả-Lâm thì cuốn sách của Ông Dohamide viết về lịch-sử Chiêm-Thành đã là một tiến-bộ rất lớn.

Vì không phải là một nhà sử-học chuyên-môn nên chắc chắn cuốn sách của Ông Dohamide không tránh khỏi những sự nhầm-lỗi nho-nhỏ. Nhưng tôi nghĩ đó không phải là lỗi tại Ông Dohamide đã thiếu thiện-chí và thiếu phương-pháp làm việc, nhưng chỉ tại các thư-viện ở Saigon quá nghèo-nàn nên ta không có đầy-đủ tài-liệu để tra-cứu. Vì ở trong nghề nên tôi thấy rõ sự khó-khăn đó.

Ta phải thẳng-thắn công-nhận là Ông Dohamide đã cố gắng rất nhiều để biên-soạn cuốn sách này. Tôi ước-mong cuốn lịch-sử Chăm của Ông Dohamide sẽ là cuốn sách mở đầu cho nhiều công-cuộc khảo-cứu về lịch-sử và văn-minh của người Chăm.

Ngày 20 tháng XI năm 1965

Saigon

NGHIÊM - THẨM

MỞ ĐẦU

Ở rai qua bao nhiêu tang-thương biến-đổi, người dân Chăm hiện hợp thành một khối thiểu-số công-dân Việt-Nam, sống tập-trung tại những thôn-số riêng, rải-rác ở các Tỉnh : Ninh-Thuận, Bình-Thuận, Tây-Ninh, Châu-Đốc...

Như mọi dân-tộc khác, người dân Chăm có một nguồn-gốc, một lịch-sử đấu-tranh, một nền văn-hóa.

Tuy-nhiên, khung-cảnh cũ không còn nữa.

Vương-Quốc Champa tức Chiêm-Thành, ngày nay chỉ còn là một thứ hư-vảnh bị chôn sâu trong một quá-khứ phủ-phàng.

Một số di-tích mà phần lớn là những đền tháp điêu-tàn còn lưu lại trên mảnh đất cũ, thuộc miền Trung Việt-Nam, bây giờ chỉ còn là chút dấu-vết oai-hùng của các bậc tiền-nhân một thời oanh-liệt.

Hoạn-nạn dồn-đập đã tàn-phá đất Chăm, không còn để một cái gì nguyên-vẹn, ngay cả con người.

Cho đến mãi những năm gần đây, một số chuyên-viên cổ-học, sử-gia Tây-Phương, do nhu-cầu của bộ máy thống-trị, mới hợp lực ra công khai-quật, làm sống lại — ít nữa cùng một phần trong sách vở — những điều vẫn t.rờng đã bị vùi luôn dưới lớp đất.

Từ những khám-phá lẻ-tè về cổ-học của H. Parmentier, P. Pelliot, M. Colani, L. Finot..., các tác-giả như G. Maspero, G. Cœdès, J. Leuba... đã lần hồi: giả-thiết gây-dựng lại được các sự-kiện lịch-sử Champa sau khi đã so-chiếu tài-liệu, thỏa-hiệp xác-định các niên-hiệu cùng vị-trí các thành-phố cũ của người Chăm.

Những công-trình khảo-cứu kể trên hầu hết đều viết bằng Pháp-ngữ một số đăng trong các tập *Excursions et Reconnaissances*, trong các tập kỷ-yếu của Trường Viễn-Đông Bắc-Cổ v.v..., được lưu giữ một ít tại Viện Khảo-Cổ, Viện Bảo-Tàng, Thư Viện..., tức những nơi mà những ai ở Saigon hoặc phải có chút vốn-liếng Pháp-ngữ mới có thể lui tới tìm đọc được.

Không nói đến các hàng sách, mà ngay tại Thư-Viện Quốc Gia chẳng hạn, mặc-dù phiếu sách vẫn còn đó, dường như người ta không còn tìm đâu ra được quyển *Le Royaume de Champaa* của G. Mespero hay *Un Royaume disparu* của J. Leuba..., đề mà hiệu người Chăm.

Lịch-sử Chăm do đó không được nhiều người biết một cách cặn-kê, và qua mười mấy thế-kỷ lập quốc, rồi lớn mạnh, rồi suy-vong của Vương Quốc Chăm, họa chăng người ta chỉ còn nhớ đến hình ảnh mù-mờ của một Chế-Đông-Nga-vũ-dũng, hoặc là câu chuyện tình của một Huyền-Trân Công-Chúa, từ Đại-Việt được đưa sang đất Chăm...

Người ta cũng không lấy gì làm ngạc-nhiên khi ngay cả thế-hệ thanh-niên Chăm mới trưởng-thành sau này, mang tiếng là gốc Chăm, vẫn còn nói tiếng Chăm, nhưng nếu có người hỏi về lịch-sử Chăm, thì cũng chẳng biết đưa ra một cái gì đáng kể, ngoài những câu chuyện cổ, ngày càng nặng chi-tiết hoang-đường, do các bả-lão kể lại.

Hơn một lần, chúng tôi đã phải băn-khoăn trước câu hỏi ngay tình của các bạn thân, vì không biết đáp sao cho gọn\trước những thành-lịch sáng-tạo vĩ-dại của người xưa, khi mà mình vẫn là người Chăm, nhưng xưa và nay cách-biệt nhau ngàn-trùng.

Vì những lý-lệ đó, những điều trình bày ở những trang sau đây xin được tiếp-nhận như tiêu-biểu một thiện-chí, một tấm lòng của một thanh-niên Chăm, tự đặt vào một lãnh-vực không thuộc chuyên-môn của mình, thử lần bước đi tìm nguồn, đề một phần nào, nói lên ý-nghĩa của một danh-từ Chăm gây thông-cảm, trong hoàn-cảnh hiện tại.

Tập sách nhỏ này, đúng ra, chỉ là kết-quả của việc sưu-tầm, đối-chiếu và tổng-hợp các tài-liệu Pháp-ngữ, dịch-dịch ra Việt-ngữ, về những sự-kiến lịch-sử Chăm, với mục-dịch chánh-yếu tìm-hiểu cùng đề nhiều người biết những gì đã được các nhà cổ-học, sử-gia soi sáng và trong khi chưa có sách Việt bản-đến.

Trong muôn ngàn sự việc đã xảy ra và đã được ghi lại, đều dưới hình-lức nào, chỉ có những sự thực khách-quan mới có giá-trị vĩnh-cửu.

Chúng tôi mong và tin rằng các bậc cao-minh sẽ vui lòng giúp bổ-chính những thiếu-sót cùng những lỗi-lầm của tập sách này. Xin đa tạ.

Tháng 7 năm 1965:
Saigon

DOHAMIDE
DOROHIM

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Champa và Dân-tộc Chăm



ÔNG - TRÌNH khảo-cứu của một số tác-giả cổ-học Tây-Phương đã đưa ra ánh-sáng một số lớn di-tích tiền-sử liên-hệ đến Champa, trong đó đáng kể nhất là ở Quảng-Bình, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Phan-Rang và vùng Biên-Hòa.

Tại Quảng-Bình, người ta đã tìm thấy những hình vẽ khắc trên đá (1), thuộc Tân thạch-kí thời-dại, chứng-minh sự hiện-tồn của một dân-tộc pha giống « Mê-la-nê-xiêng » và « In-dô-nê-xiêng », không chuyên nghề nông, sống trong vùng đất xấu và nhà cửa làm trong hang động.

(1) COLANI, *Recherches sur la Préhistorique indochinoise*, BEFEO, XXX, p. 299 et 413.

Quảng-Bình còn có Thành-Lồi, hình vuông mỗi bề 200 thước, vách đất dày lối 5 thước và 2 hoặc 3 thước ở trên cao, chung quanh có đào hào rộng vào khoảng 15 thước, là cơ-sở của người Chăm ngày trước.

Di-tích Quảng-Trị (*Gio-Linh, Vĩnh-Linh*) đặc-biệt hơn cả Vùng Gio-Linh có một số kiến-trúc bằng đá, nhiều hồ chứa và một hệ-thống dẫn thủy theo một quan-niệm hết sức đặc-biệt, tiêu-biểu một nền văn-hóa đã phát-triển.

Di-tích Quảng-Ngãi, Sa-Huỳnh (1) bao gồm 2 mộ-địa trên một ngọn đồi với nhiều bộ xương được chôn với nhiều đồ vật, nhiều cái chum bằng sành, rất dễ bề và chỉ đùn ở bên ngoài, còn bên trong có đựng các đồ gốm kiểu khác nhau, đồ trang-sức như hoa tai chẳng hạn cùng một số vật-dụng bằng sắt, đồng. Cạnh Sa-Huỳnh, còn một gian phòng vuông dài, hướng về phía Đông, vách thẳng đứng, xây với những phiến đá to, tô chạm bằng những viên đá nhỏ.

Tại Bình-Định (2) cũng có một số mộ-địa như ở Sa-Huỳnh.

Mọi đồ vật tìm được tại các địa điểm trên khiến người ta nghĩ rằng trước kia, tại vùng đất này có một nền văn-minh riêng biệt, có lẽ đã có sau Tân thạch-khí thời-đại và phương-thức chôn người tại các mộ-địa trên là một trong những đặc-điểm chính.

Các di-tích vừa kể không cho biết được niên-hiệu chính xác, nhưng ít ra cũng chứng-tỏ sự hiện-hữu của một nền văn-hóa trước khi vùng đất này chịu ảnh-hưởng văn-minh Ấn-Độ.

(1) H. PARMENTIER, *Notes d'archéologie indochinoise*, VII : Dépôts de jarres à Sa-Huỳnh, BEFEO, XXIV, p. 325.

(2) COLANI, *Chronique*, BEFEO, XXXIV, p. 755.

Theo J. Boisselier (3), những di-tích ở phía Nam vùng Hoành-Sơn đều hoàn-toàn biệt-lập đối với nền văn-hóa Đông-Sơn ở phía Bắc, sự tương-dồng của một vài tự-dạng trên các đồ gốm Sa-Huỳnh đối với nền văn-hóa Đông-Sơn không đáng kể. Và như vậy, là cuộc trao đổi văn-hóa đã sắp sẵn đây Hoành-Sơn là biên-giới Bắc của người Chăm ngay từ thời nguyên-sử.

Nhưng xét vị-trí của Lâm-Áp, B. P. Groslier (4) cho rằng người Chăm cũng gốc người In-Đô-Nê-Xiêng, giống người đã tạo nên nền văn-hóa Đông-Sơn và nền văn-hóa Chăm chính là do sự dung-hợp giữa văn-hóa Đông-Sơn và các ảnh-hưởng trội-yếu từ phía Ấn-Độ.

Suôi vào Nam, người ta gặp di-tích Châu-Rê, cách Phan Rang 6 cây số và chính là thành Pânduranga, sau này sẽ giữ vai trò tối trọng trong lịch-sử Chăm. Một số bằng chứng đã khiến người ta có thể đoán quyết rằng trước kia, vùng đó có một hải-cảng đã được các thương-giới Trung-Quốc lui tới dưới thời nhà Đường và cả đến đời nhà Tống, tức vào những năm đầu thế-kỷ VII hoặc trước nữa.

Gần Biên-Hòa, người ta còn khám-phá ra di-tích ở Cù-Lao Rùa (1) và Xuân-Lộc (2) gần cách với Pânduranga bằng những ngọn núi cao chỉ thông-thương bằng một dãy đất hẹp duyên-hải, đồi cát trắng.

(1) Cdt GROSSIN, *Note sur une fouille faite dans l'île de Cu-Lao Rùa près de Biên-Hòa*, BEFEO, II, p. 282.

(2) H. PARMENTIER, *Vestiges mégalithiques à Xuân-Lộc*, BEFEO, XXVIII, p. 479.

(3) J. Boisselier, *La Statuaire du Champa*, trang 13.

(4) B. P. GROSLIER, *Indochine, Carrefour des Art*, Paris, Ed. Albin Michel, trang 30, 63.

Nói chung, rải-rác từ dãy Hoàng-Sơn ở Bắc cho đến Biên Hòa là ranh-giới Nam, vị-trí các di-tích kể trên cho người ta một khái-niệm đầu tiên về khoảnh đất sinh-sống ngày xưa của dân-tộc Chăm.

Một bên là dãy Trường-Sơn thăm-thăm, một bên là biển Nam-Hải bao-la, dãy đất Chăm ngày xưa chỉ có những vùng thung lũng hẹp, chạy dài đến những chân đèo hiểm-trở, thiếu phương-tiện giao-thông thuận-tiện, thiếu cả những cánh đồng-bằng để trồng lúa nuôi sống con người.

Trong buổi đầu, Vương-Quốc Chăm có hai thành-phố chính :

1) — Kinh-Đô ở vùng Trà-Kiêu (*Quảng-Nam*).

2) — Một thành-phố mà người Tàu gọi là Khu-Túc, nằm về phía Bắc, gần thành-phố Huế bây giờ.

Khu-Túc chính là một đồn lũy quân-sự của người Chăm, bao quanh bằng một vòng thành bằng gạch, có lối 13 cửa, trong đó có cất lối 2.100 ngôi nhà.

Theo J. Leuba, bức thành kể trên có lẽ chỉ được xây vào thế kỷ IV, vì lẽ chỉ đến thế-kỷ này, người Chăm mới biết kỹ-thuật đắp đồn lũy.

Trải qua những cuộc chiến-đấu chống người Tàu, chống người Việt, chống quân Khor-Me, người Chăm đã nỗ-lực giành lấy dãy Hoàng-Sơn ở phía Bắc làm biên-giới thiên-nhiên, để tổ-chức đất nước thành những quần hạt :

— Amarâvati (*Quảng-Nam*).

— Vijaya (*Bình-Định*).

— Kâuthara (*Nha-Trang*).

— Pânduranga (*Phan-Rang*).

và đặt kinh đô chánh yếu tại thành Đồ-Bàn.

Thành Đồ-Bàn với tên Chăm là Vijaya, tục gọi là « Thành-Cử » nằm trên gò đá ong của 2 thôn Bắc-Thuận và Nam-Tân, quận An-Nhon, thuộc địa-phận tỉnh Bình-Định (*Trung-Nguyên Trung-Phần Việt-Nam bây giờ*), nằm giữa một cánh đồng phì-nhiều, hình cái thoi, mỗi đường nổi góc chừng 30 cây số, Bắc-Tây Nam đều có núi án-ngũ, chỉ phía Đông là trực tiếp với vũng nước mặn, thông ra biển bằng cửa Thị-Nại.

Nhà cổ-học H. Parmentier cho biết, thành còn di-tích xây hình chữ nhật, Đông-Tây 1.100 thước, Nam-Bắc 1.400 thước, với trung tâm điểm là Tháp Cánh-Tiên (*Tour de Cuivre*), tức Tháp-Đồng (*ngọn Tháp mà sau này sẽ chứng-kiến cái chết oai-hùng của 2 liệt-sĩ Việt-Nam : Võ-Tánh và Ngô-Tùng-Châu*).

Sau bao phen làm mục-tiêu cho các cuộc xâm-nhiều của ngoại-bang, thành Đồ-Bàn sụp đổ, hoang-phế, cho đến ngày nay chỉ còn là dãy gò trống, có nơi thành những thửa ruộng, bày ra lác-dác những bức chân tường đồ nát, màu đỏ sẫm tang-thương, tượng-trưng một cái gì còn lưu lại, sau những sóng gió của đất nước Chăm.

Vương-Quốc Chăm còn nổi danh với rất nhiều đền-tháp, hầu hết đều xây bằng gạch và trước đã chứa đựng rất nhiều vàng ngọc châu báu.

Theo cò-lệ, mỗi đền tháp đều mang một tên riêng để tưởng niệm một bậc công-thần vua chúa nào đó, một ít bức tượng, một vài tấm bia khắc ghi rõ danh-tính vị vua đã kiến-tạo.

Ngoài phần chánh-diện, mỗi đền tháp còn có một số tài-sản làm ra huê-lợi dùng cho việc trùng-tu ngôi đền. Đôi khi còn gồm có một làng có cả vựa lúa, hệ-thống tăng-lữ, vũ-nữ cùng cả đoàn nhân công phục-dịch.

Kỹ-thuật kiến-trúc độc-đáo hợp cùng mỹ-thuật tinh-xảo còn hiển-hiện trên các đền tháp cùng những bức tượng, tiêu-biểu cho khả năng sáng tạo của người Chăm ngày trước.

Theo cuộc khảo-sát năm 1951 của hai bác-sĩ Georges Olivier và Henri Chagnoux (1) căn-cứ vào hình-dáng, thân-thể, loại huyết... thì người Chăm có những đặc-tính khác biệt với các nhóm nhân chủng khác.

Về phương-diện nhân-loại-học cũng như văn-hóa, người Chăm thuộc giống « In-đô-nê-xiêng » có diêm thêm một vài sắc-thái Tây Phương, có lẽ do sự hòa-hợp với giống người miền Nam Ấn-Độ. Mặc-dù văn-hóa khác biệt Việt-Nam, người Chăm cũng một phần pha giống Mông-Cồ. Người ta nói đây là một dân-tộc nằm ở ranh giới phân chia giống da ngăm-ngăm và giống da vàng.

Lịch-sử sẽ giải-thích và xác-nhận sự pha giống của người Chăm, trước tiên là những người « In-đô-nê-xiêng » bị Ấn-Độ hóa, đề rồi sau đó hòa cùng giống Mông-Cồ.

Về phương-diện ngôn-ngữ, người Chăm có những liên-hệ mật-thiết với sắc dân **Atjeh** thuộc miền Bắc Sumatra (*In-đô-nê*

(1) G. OLIVIER et H. CHAGNOUX, *Anthropologie physique des Chams*, B.S.E.I., XXVI, n° 3, pp. 272-316.



Một ngôi đền Chăm tại Mỹ-Sơn.
Thoang-lên dưới những lớp cây cỏ.

xia) và được sắp vào nhóm **Malayo-Polynésien** tức cùng nhóm với một số dân-tộc Cao-Nguyên miền Nam như Ra-đê, Gia-rai, Rơ-glai, Bih, Chu-ru, Hroy, Noang...

Vì các sắc dân kể trên cùng dùng một tiếng nói có rất nhiều từ ngữ trùng-hợp, thông-cảm với nhau tương-đối dễ dàng, nên có người phỏng- đoán rằng các sắc dân này trước kia có lẽ là người Chăm đã bị nạn chiến-chinh lần hồi dồn lên miền núi, phân-tán trong các miền hiểm-trở rồi tự cô-lập với bên ngoài và sống theo một hướng riêng của nhóm.

Phỏng - đoán này, nếu có những bằng - chứng cụ - thể xác nhận đối với người Rơ-glai mà người Chăm gọi là **O-rang-glai** tức người miền rừng, thì ngược lại, dường như không được đúng lắm đối với các sắc dân khác.

Có một điều chắc-chắn là những sắc dân kể trên mang rất nhiều ảnh-hưởng Chăm trong sinh-hoạt văn-hóa và trong lịch-sử, chính người Chăm đã giữ vai-tượng quan-trọng trong tổ-chức hành chánh và xã-hội các sắc dân miền núi.

Các tác-giả Hoa-Kỳ đã phân chia người Chăm thành hai nhóm (1) :

- 1) — Nhóm Chăm miền đồng bằng (*low land*).
- 2) — Nhóm Chăm Cao-Nguyên (*up land*).

Trong nhóm Chăm Cao-Nguyên này, người ta kể các sắc dân : Ra-đê, Rai, Rơ-glai, Noang, Krung, Gia-rai, Chu-ru, Bih, Hroy.

Trong lịch-sử, người Chăm thường có tiếng hung-bạo và rất gan dạ. Sống trên đây đất hẹp miền duyên-hải, giữa những dãy núi

(1) Frank. M. LEBAR, Gerald C. HICKEY, John K. MUSGRAVE, *Ethnic Groups of Mainland Southeast Asia*, tr. 245 và kế tiếp.

cao vòi vọi, phần lớn người Chăm là những thủy-thủ cang-cường, thường phải di dân nước ngoài tìm những gì không có ở nước họ.

Dài theo thế-kỷ, họ đã tiến lên xâm-nhiều những vùng giàu có phía Bắc và miền đồng bằng Cam-Bốt. Với những chiến-thuyền nhẹ lướt trên sóng biển, họ tấn-công các thương-thuyền từ Trung Quốc đi ngang qua Chiêm-Thành, nhưng họ không chỉ sống về nghề cướp biển, họ vẫn biết khai-thác mẫu mỡ của vùng đồng bằng hiểm-hoi của họ và chính tại vùng Phan-Rang, Phan-Rí, Thiết ngày nay, người ta vẫn còn tìm được, tại những vùng đất hoang, dấu vết của một hệ-thống dẫn thủy rất đầy đủ, chứng tỏ người Chăm đã có một trình-độ hiểu biết sâu rộng về nghề nông.

Họ cũng khai-thác những đám rừng bao-la của họ, những hương trầm của họ được ưa thích trên thị-trường.

Người Chăm cũng tỏ ra khá tinh-xảo về thủ-công-nghiệp, họ dệt chiếu bằng lá dừa và vẫn giầy thừng, giầy lược rất khéo. Đàn bà thường dệt vải và lụa, một số kho tàng còn lưu lại của nhiều ông vua ngày xưa có nhiều kỷ-vật bằng vải, bông hoa rất đặc-sắc ; họ đã xen lẫn vào chỉ lụa, những chỉ vàng và tạo thành những hình vẽ phức-tạp chứng tỏ một kỹ-thuật tinh-vi.

Các cuộc tế lễ đều có kèm theo nhạc ; nhạc Chăm, cũng như thi-phú, rất dài-dào âm-diệu và đã diễn-tả tâm-trạng con người và tập-thể theo từng giai-đoạn lịch-sử.

Một số tượng hình còn gợi lại hình-ảnh các vũ-công, những bàn tay dịu-dàng, những tấm thân uyển-chuyển, bên những chiếc sáo, trống, đàn...

Ngày xưa, văn-chương thi-phú người Chăm đều dùng Phạn-ngữ và tại nhiều tấm bia, một vài ông vua đã thừa dịp ghi lại những hiểu biết sâu rộng của mình về mỹ-từ Phạn-ngữ.

Theo E. Aymonier, Phạn-ngữ dùng trong các bia khắc vào thời-kỳ mới lập quốc đã theo một thể-văn chính-xác như tại Ấn-Độ. Nhưng lần lần thể-văn này có nhiều thay đổi và tự tạo lấy những đặc-tính riêng của dân-tộc Chăm.

Trong giới bình-dân, có một thứ chữ gọi là **Khâr-Tapuk** cũng viết từ trái sang phải nhưng có lẽ chỉ xuất-hiện về sau này và hiện vẫn còn được người Chăm sử-dụng.

Một số thi-phú cõ ghi trên những thẻ lá buôn, chồng chất lên nhau đã dùng thứ chữ này và hiện là của gia-bảo của một số gia-đình Chăm.

Người ta được biết vào lúc những cuộc di-cư vĩ-đại thời liên-sử của giống « Mê-la-nê-xiêng », « In-đô-nê-xiêng » và Úc-Á vừa chấm dứt và khi mà các địa-phương đã có định-cư những sắc dân riêng của mình thì văn-hóa Ấn-Độ thời cổ cũng vừa bao trùm được một vùng rộng lớn ở Viễn-Đông, trong đó, có In-đô-nê-xia, Mã-Lai, Phù-Nam (sau này là Cam-Bốt), Lâm-Áp (sau này là xứ Chăm).

Do đó, dân-tộc Chăm từ những thế-kỷ đầu Tây-lịch, đã thấm nhuần văn-minh Ấn-Độ ; bia khắc Võ-Cạnh (vùng Nha-Trang) viết bằng Phạn-ngữ đã dùng một ngữ-pháp điêu-luyện chứng tỏ sự xâm nhập của nền văn-minh này, ở một mực-độ khá cao.

Do ảnh-hưởng Ấn-Độ, tôn-giáo chính yếu của người Chăm là Ấn-Độ giáo (1) (nhưng đôi khi có pha trộn Phật-Giáo), thờ các vị thần Brahma, Visnu, và Çiva cùng các Çakti tức các người vợ của 2 vị-thần sau cùng. Tình-trạng này được nhận rõ ở các đền tháp còn lưu lại đến ngày nay.

(1) Xem NGHIÊM-THẨM : Tôn-Giáo của người Chăm tại Việt-Nam, Quê-Hương 33, 34, 1962.

Ngoài ra, cũng có một số thần địa-phương được sùng bái như Yan Pu Nagara chẳng hạn, có lẽ người ta đã mượn phương thức tôn thờ cũ, dưới một hình-thức mới.

Bên cạnh Ấn-Độ giáo còn có Hồi-Giáo, nhưng Hồi-Giáo đã xâm-nhập Champa lúc nào, hiện chưa có câu trả lời dứt-khoát.

Ed. Huber đã tìm được trong Sử nhà Tống một công-thức tựa hồ như « Allahu Akbar » của Hồi-Giáo (câu kinh thông-dụng của Hồi-Giáo đề-cao Thượng-đế Allah) trong đoạn văn : « Cũng có (nói người Chăm) nhiều trâu ở trên núi, nhưng người ta không dùng để cày bừa mà chỉ để tế thần. Khi giết một con trâu, người ta phải đọc : « A la hòa cập bạt » (阿羅和及拔).

Vịn vào đó, người ta suy-đoán là hồi đời nhà Tống, đã có người Chăm theo đạo Hồi-Giáo. Một bi-ký năm 1039 và lối giữa năm 1025, 1035 tìm lại được, cũng chứng-minh, tại vùng Phan Rang, Phan-Rí, đã có người Hồi-Giáo từ giữa thế-kỷ thứ X. Nhưng người ta tự hỏi tại sao mãi đến thế-kỷ thứ X, trong khi đó, thuyền buôn Ả-rập vẫn thường lui tới ngang qua bờ biển Đông Dương ? Người ta đoán có lẽ là do khí-hậu, giặc cướp và nhứt là thiếu những hải-cảng thuận-tiện. Điều chắc-chắn là Hồi-Giáo chỉ phát-triển mạnh nhờ những quan-hệ ngoại-giao giữa Chăm Thành với miền Tây Ấn-đô-nê-xia ở những thế-kỷ sau này.

E. Aymonier (1) có chép lại một truyện truyền-kỳ lịch-sử Chăm về một Ông Vua tên Pô Ovloah (Allah) trị-vì từ 1000 đến 1036, và có đi hành-hương tại Mecca (Ả-rập) Thánh-Địa Hồi-Giáo (2). Người ta nhận thấy ở đây Thượng-Đế Allah của Hồi-Giáo đã được giới bình-dân Chăm đồng-hóa với một nhà lãnh-đạo

(1) E. AYMONIER. *Légendes historiques des Chams. Excursions et Reconnaissances*, XIV, p. 153.

(2) Một trong năm nghĩa-vụ chính-yếu của tín-dồ Hồi-giáo.

xã-hội, có lẽ do tinh-thần mộ đạo quá cao, nên đã xem như Thượng-Đế vậy.

Hiện nay, hai phần ba người Chăm còn lưu lại miền Trung Việt-Nam theo đạo Bà-la-môn, còn lại một phần ba và tất cả những người Chăm ở Cam-Bốt, cùng định-cư tại tỉnh Tây-Ninh, Châu-Độc đều theo đạo Hồi-Giáo.

Ảnh-hưởng Ấn-Độ, xã-hội Chăm cổ được chia làm 4 hệ cấp, giá-trị theo thứ tự :

- 1) Bà-la-môn.
- 2) Ksatriya.
- 3) Vaiçya.
- 4) Cudra.

Mặc-dù có sự phân chia chánh-thức đó, một người đàn bà thuộc gia-đình quý-tộc vẫn còn có thể cưới một người chồng ở cấp dưới, một sự phân chia thị-tộc tự-nhiên dường như đã tạo thành một sức đề-kháng, trước hệ-thống ảnh-hưởng Ấn-Độ kể trên.

Mỗi thị-tộc ở trong cùng một họ và có vật-tồ riêng của mình.

Tập-tục có lưu-truyền 2 thị-tộc nổi bật nhất ở Vương-quốc Chăm ngày xưa, trong truyện thần-thoại, là Đồng cây cau, **Kramukavamça** và Đồng cây dừa **Narikelavamça**.

Người ta kể rằng bên cạnh Hoàng-Cung Chăm có một cây cau trổ bông to một cách khác thường, nhưng đến thời-kỳ thành trái mà chờ mãi không thấy có, nhà Vua bèn sai kẻ cận-thần trèo lên xem trên buồng cau có chi lạ và chặt buồng cau đem xuống.

Nhà vua liền cho bừa ruộng cau ra thì bỗng thấy hiện hình một đứa bé hết sức khôi-ngô. Nhà vua siết dỗi vui mừng và đã đặt cho đứa bé tên Raja Pô Klong.

Vua truyền cho nhiều người vú đến cho đứa bé bú, nhưng đứa bé không bú ; nhà Vua bèn cho vắt sữa con bò ngũ sắc của mình đem đến, đứa bé mới chịu. (*Sự-kiện đó giải-thích tại sao người dân Chăm không ăn thịt bò hoặc giết con bò*). Sau đó, bẹ cau đã biến thành cái chiêng và cái mõ, còn bề nhon của cái bẹ thành cây gươm của nhà Vua Chăm. Khi lớn lên, Pô Klong cưới đứa con gái của Vua và khi vua mất thì kế-nghiệp và xây một « thành-phố rộng bao vòng cả bảy núi ».

Một thị-tộc khác, thuộc « Cây dừa » cũng xuất-hiện với một số sự-kiện tương-tự, nhưng ở đây, một trái dừa đã thay thế ruộng cau kể trên.

Cả hai giòng Kramukavamça và Narikelavamça đã tranh giành ưu-thế trong nhiều thế-kỷ và sau những cuộc chiến đẫm máu, thì lại thuận-hòa với nhau. Dòng cây Cau làm bá-chủ ở trong Nam (*Pânduranga*), còn dòng cây Dừa thì ngự-trị miền Bắc (*Indrapura*) Vương-Quốc Chăm.

Theo tập-tục người Chăm, quyền thừa-kế dựa theo dòng dõi của mẹ, nhưng quyền nối ngôi Vua thì phải theo dòng của Cha. Vị Thế-Tử mang tước Yuvarāja phải được một Hội-Đồng các vị đại-thần chấp-nhận, nhưng tập-tục này thường chỉ đem ra áp-dụng khi Vua không có thừa-kế chánh-thức và phải chọn một trong những Hoàng-Tử mà thôi. Trong lễ đăng-quang, Chiêm-Vương sẽ chọn lấy một danh-hiệu ; lễ đăng-quang nhiều khi không được tổ-chức ngay mà phải đợi mấy năm sau, như trường-hợp của Jaya Paramegavaravarmen lên ngôi năm 1220, chỉ làm lễ đăng-quang

năm sau tức 1227 và Jaya Simhavarman lên ngôi năm 1265, chỉ thụ lễ năm 1277 và lấy danh-hiệu là Indravarman VI.

Biều-hiệu quyền-uy của nhà Vua là chiếc lọng màu trắng và là một quyền-uy tuyệt-đối, tha giết theo ý muốn riêng của mình. Thời Phạm-Văn, quân-dội gồm từ 40.000 đến 50.000 người, nhưng về sau, nhất là dưới trào Chế-Bồng-Nga thì quân số tăng lên gấp bội.

Theo người Trung-Quốc thì người Chăm mãi đến 1171 mới có kỵ-binh, còn trước kia thì ngoài bộ-binh, chỉ có đoàn voi mà thôi. Ngựa, lẽ là những con thú nhập-cảng từ bên ngoài vào đất Chăm. Trong khi sửa soạn cuộc chiến chống nhà Lý ở Đại-Việt, Vua Rudravarman III đã điều-dinh với Trung-Quốc để mua ngựa, lừa xứ này.

Vũ-khí của người Chăm thường có mộc, lao, nê..., mũi lên làm bằng tre nhưng có tẩm thuốc độc. Quân lính được che-chở bằng một thứ áo giáp đan bằng mây và di-chuyển từng đoàn theo tiếng tù-và với trống. Họ tổ chức thành tổ 5 người và nếu trong tổ có một người trốn thì 4 người còn lại có thể bị tử-hình. Hải-đoàn gồm có thuyền trang-bị pháo-tháp và như người ta sẽ thấy sau này, trong nhiều trận đánh, Chiêm Thành đã đưa ra cả trăm chiến-thuyền để yểm-trợ bộ-binh. Các cấp Tướng-Tá được inang trước Mahanapâti và Senapâti và đều tuyên-thệ trung-thành với Vua cho đến chết.

Về tập-tục của người dân Chăm thời cổ, một sử-gia Trung Quốc thế-kỷ XIII là Mã-Đoan-Lâm (1) đã viết như sau :

« Dân-cư xây tường nhà bằng gạch đun, bao-bọc bằng một lớp vôi. Nhà cửa đều có sân gọi là « Ka-Lan ». Cửa ra vào

(1) MA TOUAN LIN, *Ethnographie des peuples étrangers à la Chine*. Bản dịch của Hervey de Saint Denys, q. 1, Méridionaux, tr. 422-425.

thường hướng về phía Bắc đôi khi hướng về phía Đông, Tây, không có quy-luật nào nhất-định cả.

Đàn ông và đàn bà đều vẫn chẵn « kipei » bao quanh châu thân. Họ xỏ lỗ tai và có đeo những chiếc vòng. Người có địa-vị mang giày bằng da, giới bình-dân đi chân không. Đó cũng là tập-quán của Phù-Nam và trong các Vương-quốc bên kia biên-thùy Lâm-Áp. Vua Chăm đội mào kiêu cao, chạm trổ bông hoa bằng vàng, trên chót có chùm lụa. Khi Vua ngự ra ngoài thành, thường ngồi trên mình tượng, che lộng bằng « kipei », có đoàn tùy-tùng, phất cờ hiệu bao quanh và một đoàn người xư-dụng tù-và với trống đi phía trước.

Các đám cưới đều cử-hành vào mùa trăng thứ tám (tức mùa gặt hái) và chính người con gái phải đến hỏi người con trai làm chồng, vì lẽ con gái bị xem như thuộc bản-chất thấp kém hơn (1). Không có cấm đoán việc cưới hỏi giữa những người cùng một họ. Những ngoại-nhân này xem có vẻ rất hiếu-chiến và tàn-ác. Vũ-khí của họ là ná và tên, kiếm, lao và những chiếc nỏ bằng tre. Nhạc-cụ họ xư-dụng rất giống nhạc-cụ của ta : đàn huyền, sáo... Họ cũng dùng tù-và và trống để thông-báo cho dân chúng. Đôi mắt họ sâu, mũi thẳng và nhô lên, mái tóc đen và quăn. Đàn bà bới tóc thành búi trên đầu, hình chiếc búa.

Tang-lễ của các bậc vương-già kéo dài bảy ngày sau khi chết, các vị đại-thần lối 3 ngày, còn đám táng bình-dân thì cử hành ngay hôm sau. Dù giàu hay nghèo, thân xác kẻ quá-vãng đều được liệm kỹ-lưỡng và di-chuyển đến bờ biển hay bờ sông.

(1) L'Histoire des Leang, do G. Maspero dẫn, tr. 31, giải thích ngược lại, cho rằng dân ông ít quan-trọng, chỉ có đàn bà mới đáng kể. Và dường như quan-niệm này đúng hơn.

giữa tiếng trống và người nhảy múa, đề rồi sau đó, được thiêu trên đồng củi. Những đốt xương không cháy tiêu, được đựng trong một chiếc bình bằng vàng và quăng xuống biển, nếu người chết thuộc hàng Vua Chúa. Đối với các quan thì dùng những chiếc bình bằng bạc và liệng xuống nước tại một cửa sông. Đối với dân-giã, chỉ có chiếc bình bằng đất và cũng vể vớì giòng nước. Cha hoặc mẹ kẻ quá-vãng đi theo đám táng và buộc phải cắt bỏ mái tóc trước khi rời bờ sông ; đó là dấu hiệu duy-nhứt của tang-chế. Người ta còn thấy vài người đàn bà chịu tang suốt đời, dưới một hình-thức khác, bằng cách cứ để tóc xõa, khi tóc đã mọc trở lại. Đó là những góa-phụ nhất quyết không bao giờ tái-giá. »



CHƯƠNG THỨ HAI

Người Chăm lập quốc



VƯƠNG - QUỐC CHÀM suy-vong không lưu lại một dấu vết rõ-rệt để hậu-thế biết người Chăm đã lập quốc như thế nào và trong những điều-kiện nào.

Nhưng người ta được rõ một điều là Vương-Quốc Chăm, cũng như một vài nước lân-cận, ngay từ buổi đầu đã có những quan-hệ ngoại-giao với Trung-Quốc và hình-thức bang-giao thông thường như với một nước lớn như Trung-Quốc ngày xưa, không gì hơn là những phái-đoàn mang lễ-vật cống-sứ.

Do đó, những điều người Trung-Quốc ghi lại, dù muốn dù không, cũng mang ít nhiều màu sắc chủ-quan và dĩ-nhiên ngoài phái-đoàn cống-sứ biểu-lộ sự thần-phục, người Trung-Quốc đã không bao giờ đề-cập những gì xảy ra bên đất Chăm mà chẳng liên-hệ gì đến họ cả.

Nguồn sử-liệu Trung-Quốc về Vương-Quốc Chăm, vì vậy, chỉ có giá-trị và bổ-ích trong một giới-hạn nào mà thôi.

Trước tiên, người Trung-Quốc đã gọi phần đất Cực Bắc của người Chăm là Lâm-Ấp.

Danh-từ **Lâm-Ấp** xuất-hiện trong sách sử Trung - Quốc và giữa năm 220 và 230 Tây-lịch, nhờ ghi chú của một đoàn sứ-giả được gởi đến cạnh Lữ-Đại, lúc đó cai-quản Giao-Chỉ :

« Lữ-Đại đã phái nhiều Tống-Sứ về miền Nam, để truyền bá nền văn-minh của Vương-Quốc. Những vị vua ở bên kia biên giới là Phù-Nam, Lâm-Ấp và T'ang-Ming (?) đã cho sứ-giả đến triều-cống ».

Bằng vào tài-liệu này, người ta để ý đến hoạt-động khuếch-trương văn-hóa của Trung-Quốc, tại một vài nước nhỏ phía Nam Trung-Quốc và mãi đến năm 284 Tây-lịch, mới có bằng chứng, tỏ rằng Hoàng-Đế Trung-Quốc chấp-nhận việc cống-sứ của Lâm-Ấp.

Tuy nhiên, theo quyền **Thủy-kinh-chú** của tác-giả Trung Quốc là Lê-Đào-Nguyên thì Vương-Quốc Lâm-Ấp có lẽ đã được thành-lập năm 192 Tây-lịch tức đời nhà Hán.

Vào lúc đó, Trung - Quốc không thể bảo-đảm an-ninh cho một quận miền Nam của mình là Nhật-Nam, được thiết-lập năm 3 Tây-lịch.

R.A. Stein đã tìm được dấu vết của một nhóm thổ-dân vùng Tượng-Lâm, là một Huyện nằm về cực Nam Nhật-Nam, rất thường bị bọn người gọi là Khu-Liên quấy-nhiều.

Năm 100 và 137 Tây-lịch, nhóm Khu-Liên này đã đốt phá thành Tượng-Lâm và giết chết viên Trường-Lại.

Đề giải-quyết tình-trạng hỗn-độn đó, một vị đại-thần Trung Quốc đã đề-nghị « *tân-cư quan-chức và dân-chúng lên miền Bắc để họ ăn-trú trong xứ Giao-Chỉ. Khi đã yên-ổn trở lại, thì người ta sẽ truyền cho bọn họ kia thỏa-hiệp với nhau, cống-sứ cho ta vàng và lụa. Nếu trong bọn họ, có người nào có khả-năng nắm quyền được bọn khác thì Hoàng-Đế sẽ phong Vương cho người đó* ».

Chắc hẳn là Lâm-Ấp có lẽ đã được khai-lập, theo chánh sách kể trên của Trung-Quốc và từ đó, mới bắt đầu cho quan-hệ ngoại-giao, trên căn-bản tương-quan giữa một lãnh-chủ và một công-quốc, trong những thế-kỷ sau này.

Những người Khu-Liên đã tân-cư khỏi lãnh-địa bị chiếm hồi năm 138 Tây-lịch, nhưng đến 192, con của viên Công-Tào Huyện Tượng-Lâm tên **Khu-Liên** (cùng tên chỉ-dịnh dân địa-phương nổi lên giết quan Huyện và tự xưng Vương).

Như trên đã rõ, danh-từ **Lâm-Ấp** chỉ xuất-hiện trong sách Trung-Quốc vài mươi năm sau mà thôi. Nhưng người ta có lý-do vững-chắc đề nghị rằng việc khai-lập Lâm-Ấp chính là do công-lao của Khu-Liên kể trên và cũng do đó, Khu-Liên chính là Ông Vua Chàm đầu tiên trong lịch-sử.

Hồi năm 1885, Aymonier đã tìm được tại làng Võ-Cạnh, thuộc tỉnh Khánh-Hòa, một phiến đá to, trên có khắc một bản văn cổ, đã bị hỏng nhiều chỗ.

Theo sự khảo-cứu của A. Bergaigne, bia đá kể trên viết bằng Phạn-ngữ đã có từ thế-kỷ thứ 2 hoặc thứ 3 Tây-lịch, nội-dung tưởng-niệm một vị Vua trước đó hiệu là **Cri-Mâra** (1).

(1) A. BARTH et A. BERGAIGNE, *Inscriptions sanscrites de Campâ et du Cambodge*, p. 199.

G. Maspéro đã cho Cri-Mara chính là nhân-vật Khu-Liên kể trên.

Nhưng theo Jean Boisselier thì không có dấu vết chi xác đáng cho biết Cri-Mara đã trị-vì lối năm 192 Tây-lịch hoặc là con của viên Công-Tào Huyện Tượng-Lâm như kể trên được.

Dù sao, trong những năm đầu Tây-lịch, nhiều sự-kiện đã chứng tỏ sự hiện-hữu của một dân-tộc, tại miền Trung Việt-Nam bây giờ. Dân-tộc đó là dân-tộc Chăm và trình-độ tiến-bộ xã-hội và văn-hóa lúc đó đã giúp tổ-chức thành một nước có một hệ-thống người lãnh-dạo, hoạt-động chống lại những lực-lượng ngoại-lai, chực-chờ phá vỡ nỗ-lực sinh-tồn trong nội-quốc.

Trong việc giới-định lãnh-địa, người ta được biết Lâm-Ấp đã tấn-công các quận Giao-Chỉ và Cửu-Chân năm 248 Tây-lịch (1). Trong cuộc tấn-công này cả hai thành đều bị phá như bình-địa và quân Tàu đã bị đánh bại ngoài biển. Nhờ đó, Lâm-Ấp được thêm vùng Khu-Túc, mà L. Arousseau đã xác-định là vùng Huế bây giờ, nhưng R.A. Stein nói : địa-điểm di-tích đó phải ở trên phía Bắc hơn, tức vùng con Sông Gianh, miền Cao-lao-hạ, nơi nhiều dấu vết kiến-trúc Chăm cổ đã được nhận ra nhưng chưa được nghiên cứu kỹ (2).

Phần đất Bắc của Lâm-Ấp có vẻ căn-cối nghèo-nàn, điều đó đã một phần nào giải-thích tại sao Lâm-Ấp hầu như luôn-luôn mưu định tiến lên Nhật-Nam là vùng phì-nhiều và giàu có hơn.

(1) P. PELLLOT, *Deux itinéraires : Chine en Inde à la fin du VIII^e siècle*, BEFEO, IV, p. 191.

(2) H. DE PIREY, *chronique BEFEO*, XXX, p. 190.

Cháu ngoại của Khu-Liên các tác-giả Trung-Quốc ghi tên là **Phạm-Hùng**. (Họ **Phạm** dĩ-nhiên không phải là một họ của người Chăm. Về điểm này, G. Maspero đã đồng-ý với L. Finot cho rằng chữ « **Phạm** » ở đây, người Tàu đã phiên-âm từ văn Phạn-ngữ « *varman* », thường đứng sau danh-hiệu của các Vua Chăm).

Từ năm 270 đến 280, Phạm-Hùng, liên-kết với Vua Phù-Nam là Phạm-Sum, đã không ngớt xâm-nhiều Giao-Chi và Cửu-Chân.

Lúc bấy giờ, lãnh-địa Lâm-Áp đã được giới-hạn ở phía Nam bằng dãy núi nằm theo hướng Đông Tây chạy dài đến Đèo Hải-Vân.

Thế-Tử **Phạm-Đật** lên kế-nghiệp Phạm-Hùng tại ngôi đến năm 336 Tây-lịch, đã phái sang Trung-Quốc năm 284, một phái đoàn sứ-giã đầu tiên của người Chăm.

Từ năm 315 trở đi, Phạm-Đật đã được Trung-Quốc giúp đỡ và đặc-biệt là bên cạnh, luôn-luôn có một cố-vấn Tàu tên Phạm-Văn, người gốc Giang-Châu, đã phục-vụ đặc-lực. Qua một số câu chuyện có vẻ thần-thoại chung-quanh nhân-vật này, người ta được biết chính Phạm-Văn đã giúp Lâm-Áp rèn khí-giới, làm chiến-xa, tạo nhạc-cụ và nhất là đã bảo-vệ thành-trị bằng bức tường và hào-hổ. Với những thành-tích đó, Phạm-Văn đã chi-phối được Phạm-Đật lúc đó đã trọng tuổi và đã được Phạm-Đật phong làm Tướng, thống-lãnh mọi việc (*mahā senāpati*).

Khi Phạm-Đật mất vào năm 336, **Phạm-Văn** đứng lên loại bỏ tất cả những người kế-quyền Vua và tự xưng Vương và đã truyền ngôi được 4 đời trên đất Chăm.

Năm 340, Phạm-Văn gởi Sứ-giã sang triều-kiến Hoàng-Đế nhà Tấn và năm 347, xua quân đánh chiếm Nhật-Nam, bắt được viên quan Tàu, đem tế sống.

Theo G. Coedès, sở dĩ Phạm-Văn gởi sứ-giã sang Trung-Quốc chính là để xin ấn-định biên-giới Bắc Lâm-Ấp tại vùng Hoành-Son. Nhưng trong khi Trung-Quốc còn đang lưỡng-lự, chưa chịu ban cho vùng đất phì-nhiều này thì Phạm-Văn đã cử đại binh tiến chiếm và tự ấn-định lấy biên-giới như đã ngờ ý xin khi trước.

Phạm-Văn mất năm 349, nhân một cuộc xuất-chinh về phía Bắc biên-giới mới.

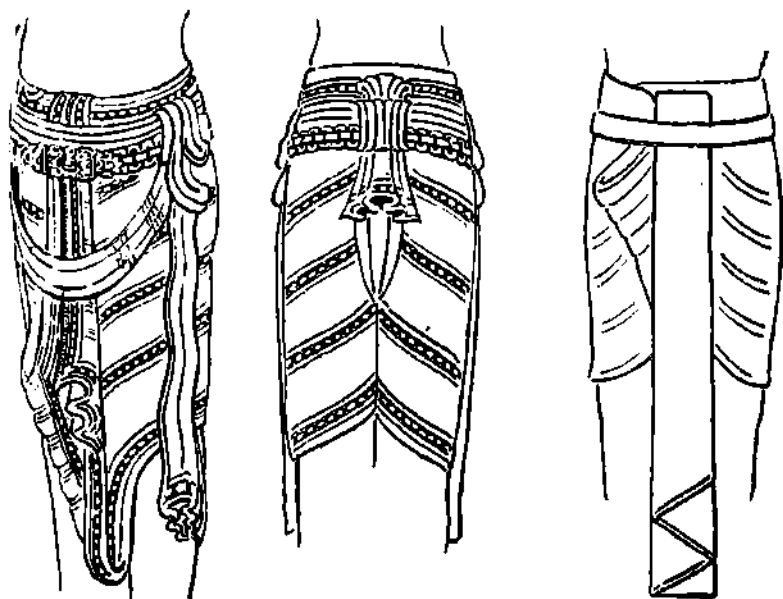
Giới Hoành-Son chính là biên-giới cực Bắc của Lâm-Ấp, trong nỗ-lực mở-mang bờ-cõi của người Chăm.

Sau đó, vùng chiếm được đã phải giao hoàn lại và vào năm 359, **Phạm-Phật**, con của Phạm-Văn đã phải chấp-nhận biên-giới mới lùi vào Nam hơn, tại vùng Vịnh Ông Càng.

Phạm-Phật (*Fan - Fo*), tiếp-tục chánh-sách, tìm cách mở rộng bờ-cõi về phía Bắc, nhưng sau nhiều cuộc thua trận, đã bắt buộc phải giao hoàn Trung-Quốc phần đất Nhật-Nam và gởi Sứ-giã sang triều-cống Trung-Quốc vào những năm 372 và 377.

Cho đến đời **Phạm-Hồ-Đạt** (người con lên nối ngôi Phạm-Phật), người ta mới có dịp xác-định ra **Bhadravarman** chính là vị Vua Chăm đầu tiên mà người ta được biết rõ tên thực, nhờ những bia đá khắc bằng Phạn-ngữ lưu lại tại Quảng-Nam (1) và

(1) L. FINOT, *BEFEO*, II, p. 187. — R.C. MAJUMDAR, *The Indian Colony of Champa*, n° 4 — B.C. CHHABRA, *Expansion of Indo-Aryan Culture*, p. 50.



Y-PHỤC ĐÀN ÔNG.



Y-PHỤC PHỤ-NỮ

Mẫu Y-phục Chăm thời cũ (theo các tượng hình còn lưu lại).

Mẫu-tự Chàm

𑌑𑌒𑌓 𑌔𑌕𑌖𑌗𑌘𑌙𑌚𑌛𑌜𑌝𑌞𑌟𑌠𑌡𑌢𑌣𑌤𑌥𑌦𑌧𑌨𑌩𑌪𑌫𑌬𑌭𑌮𑌯𑌰𑌱𑌲𑌳𑌴𑌵𑌶𑌷𑌸𑌹𑌺𑌻𑌼𑌽𑌾𑌿𑍀𑍁𑍂𑍃𑍄𑍅𑍆𑍇𑍈𑍉𑍊𑍋𑍌𑍍𑍎𑍏𑍐𑍑𑍒𑍓𑍔𑍕𑍖𑍗𑍘𑍙𑍚𑍛𑍜𑍝𑍞𑍟𑍠𑍡𑍢𑍣𑍤𑍥𑍦𑍧𑍨𑍩𑍪𑍫𑍬𑍭𑍮𑍯𑍰𑍱𑍲𑍳𑍴𑍵𑍶𑍷𑍸𑍹𑍺𑍻𑍼𑍽𑍾𑍿𑎀𑎁𑎂𑎃𑎄𑎅𑎆𑎇𑎈𑎉𑎊𑎋𑎌𑎍𑎎𑎏𑎐𑎑𑎒𑎓𑎔𑎕𑎖𑎗𑎘𑎙𑎚𑎛𑎜𑎝𑎞𑎟𑎠𑎡𑎢𑎣𑎤𑎥𑎦𑎧𑎨𑎩𑎪𑎫𑎬𑎭𑎮𑎯𑎰𑎱𑎲𑎳𑎴𑎵𑎶𑎷𑎸𑎹𑎺𑎻𑎼𑎽𑎾𑎿𑏀𑏁𑏂𑏃𑏄𑏅𑏆𑏇𑏈𑏉𑏊𑏋𑏌𑏍𑏎𑏏𑏐𑏑𑏒𑏓𑏔𑏕𑏖𑏗𑏘𑏙𑏚𑏛𑏜𑏝𑏞𑏟𑏠𑏡𑏢𑏣𑏤𑏥𑏦𑏧𑏨𑏩𑏪𑏫𑏬𑏭𑏮𑏯𑏰𑏱𑏲𑏳𑏴𑏵𑏶𑏷𑏸𑏹𑏺𑏻𑏼𑏽𑏾𑏿𑐀𑐁𑐂𑐃𑐄𑐅𑐆𑐇𑐈𑐉𑐊𑐋𑐌𑐍𑐎𑐏𑐐𑐑𑐒𑐓𑐔𑐕𑐖𑐗𑐘𑐙𑐚𑐛𑐜𑐝𑐞𑐟𑐠𑐡𑐢𑐣𑐤𑐥𑐦𑐧𑐨𑐩𑐪𑐫𑐬𑐭𑐮𑐯𑐰𑐱𑐲𑐳𑐴𑐵𑐶𑐷𑐸𑐹𑐺𑐻𑐼𑐽𑐾𑐿𑑀𑑁𑑂𑑃𑑄𑑅𑑆𑑇𑑈𑑉𑑊𑑋𑑌𑑍𑑎𑑏𑑐𑑑𑑒𑑓𑑔𑑕𑑖𑑗𑑘𑑙𑑚𑑛𑑜𑑝𑑞𑑟𑑠𑑡𑑢𑑣𑑤𑑥𑑦𑑧𑑨𑑩𑑪𑑫𑑬𑑭𑑮𑑯𑑰𑑱𑑲𑑳𑑴𑑵𑑶𑑷𑑸𑑹𑑺𑑻𑑼𑑽𑑾𑑿𑒀𑒁𑒂𑒃𑒄𑒅𑒆𑒇𑒈𑒉𑒊𑒋𑒌𑒍𑒎𑒏𑒐𑒑𑒒𑒓𑒔𑒕𑒖𑒗𑒘𑒙𑒚𑒛𑒜𑒝𑒞𑒟𑒠𑒡𑒢𑒣𑒤𑒥𑒦𑒧𑒨𑒩𑒪𑒫𑒬𑒭𑒮𑒯𑒰𑒱𑒲𑒳𑒴𑒵𑒶𑒷𑒸𑒻𑒻𑒼𑒽𑒾𑒿𑓀𑓁𑓃𑓂𑓄𑓅𑓆𑓇𑓈𑓉𑓊𑓋𑓌𑓍𑓎𑓏𑓐𑓑𑓒𑓓𑓔𑓕𑓖𑓗𑓘𑓙𑓚𑓛𑓜𑓝𑓞𑓟𑓠𑓡𑓢𑓣𑓤𑓥𑓦𑓧𑓨𑓩𑓪𑓫𑓬𑓭𑓮𑓯𑓰𑓱𑓲𑓳𑓴𑓵𑓶𑓷𑓸𑓹𑓺𑓻𑓼𑓽𑓾𑓿𑔀𑔁𑔂𑔃𑔄𑔅𑔆𑔇𑔈𑔉𑔊𑔋𑔌𑔍𑔎𑔏𑔐𑔑𑔒𑔓𑔔𑔕𑔖𑔗𑔘𑔙𑔚𑔛𑔜𑔝𑔞𑔟𑔠𑔡𑔢𑔣𑔤𑔥𑔦𑔧𑔨𑔩𑔪𑔫𑔬𑔭𑔮𑔯𑔰𑔱𑔲𑔳𑔴𑔵𑔶𑔷𑔸𑔹𑔺𑔻𑔼𑔽𑔾𑔿𑕀𑕁𑕂𑕃𑕄𑕅𑕆𑕇𑕈𑕉𑕊𑕋𑕌𑕍𑕎𑕏𑕐𑕑𑕒𑕓𑕔𑕕𑕖𑕗𑕘𑕙𑕚𑕛𑕜𑕝𑕞𑕟𑕠𑕡𑕢𑕣𑕤𑕥𑕦𑕧𑕨𑕩𑕪𑕫𑕬𑕭𑕮𑕯𑕰𑕱𑕲𑕳𑕴𑕵𑕶𑕷𑕸𑕹𑕺𑕻𑕼𑕽𑕾𑕿𑖀𑖁𑖂𑖃𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕

Phú-Yên (1). Việc xác định này căn-cứ vào các niên-hiệu của các bia đá mà theo A. Bergaigne và L. Finot (2) thì là vào khoảng năm 400. Nhưng có tác-giả khác vịn trên những lập-luận đứng-dẫn về cổ-tự-học, đã cho lùi lại nhiều chục năm trước nữa (3). Người ta đã gán tên ấy cho **Phạm-Phật** mà danh-hiệu dường như đúng là do phiên-âm sang Hoa-ngữ của chữ « **Bhadravarman** », điều không được đúng đối với tên Phạm-Hồ-Đặt.

Bhadravarman là người đã sáng-lập nên ngôi đền tại Mỹ-Sơn thờ Çiva Bhadreçvara, cái tên mà theo những tập-tục người ta sẽ tìm ra sau này, nhắc-nhở đến người sáng-lập ngôi đền. Đền thờ này đã bị tiêu-hủy trong một cuộc hỏa-hoạn, xảy ra hai thế-kỷ sau.

Kinh-dô Chăm đúng là phải ở về phía Đông Mỹ-Sơn, địa-diểm của Trà-Kiều hiện tại, vì lẽ một số chi-tiết do người Trung-Quốc ghi nhận, có vẻ rất phù-hợp với cảnh-vật và những di-tích còn lại nơi này (4).

Những vùng lân-cận Trà-kiều lại còn có ba bia khắc, nét chữ trông rất giống những bia kể trên. Hai chỗ ghi dấu ranh-giới của vùng đất dâng Bhadreçvara (5) ; chỗ thứ 3 (6) là một bản văn

(1) A. BERGAIGNE, *Inscr. Sanskr. du Champa et du Cambodge*, n^o 199. — L. FINOT, *BEFEO*, II, p. 186.

(2) *BEFEO*, II, p. 186.

(3) J. Ph. VOGEL, *Bijdr*, 74, 1918, p. 252.

(4) H. PARMENTIER, *Inventaire des monuments chams*, II, p. 375, n^o 6 — Cf. L. AUROUSSEAU, *BEFEO*, XIV, 9, pp. 33 - 34.

(5) *Hon Cut* (L. FINOT, *BEFEO*, II, p. 186) và *Chiêm-Sơn* (*BEFEO*, XVIII, 10, p. 13).

(6) *Bia Đông-văn-Châu* (G. COEDÈS, *la plus ancienne inscription en langue chame*, *Mél. F.W. Thomas, New Ind. Antiq. extra ser. I*, 1939, pp. 46-49).

cổ nhưt bằng tiếng Chăm và thổ-ngữ In-đô-nê-xiêng, nội-dung có tác-dụng truyền lệnh phải kính-trọng « **nagā** » của Vua, có lẽ là vị thần chở-che của một nguồn suối hay một cái giếng nào đó.

Ngoài tượng Phật tại Đồng-Dương, bằng chứng của sự xâm-nhập Phật-Giáo vào xứ Chăm, những bia khắc của Bhadravarman là những tài-liệu mà người ta có được về đạo-giáo của Triều-đình Chăm. Những tài-liệu đó tiết-lộ tánh-cách trội yếu của việc thờ-phượng thần Civa-Umā, nếu không kể thêm những tôn-kính dành cho 2 vị khác của Trimurti (1).

Những bia khắc tìm được sau này tại Mỹ-Son cho biết rõ rằng thần Bhadrēvara được tiêu-biểu bằng một « **linga** » (đương-vật tượng-trung thần Civa) và chính là « **linga** » hoàng-phái cổ xưa nhưt, được nhận-thực tại Ấn-Độ.

Khi Vua Phạm-Phật (*Bhadravarman*) mất thì người con hoặc cháu là **Phạm-Hồ-Đạt** lên kế-nghiệp năm 380 và xưa quân tiền Nhật-Nam, nhưng bị thua trận.

Thừa lúc Trung-Quốc có nội-loạn (thời nhà Tần suy-tàn). người Chăm lại mở những cuộc xâm-nhiều vào những năm 405 407. Năm 413, Phạm-Hồ-Đạt cõp thân-chính xưa quân đến vùng đất ở phía Bắc Nhật-Nam, nhưng bị chết ở đấy.

Con của Phạm-Hồ-Đạt, Sứ nhà Lương gọi là **Địch-Chón** lên nối ngôi rồi nhường lại cho người cháu đề sang Ấn-Độ.

Một bia khắc hồi thế-kỷ thứ VIII (2) đã gọi tên vị Vua này là **Gangarāja** nổi danh nhờ « những đức tánh tốt, tâm hiền hết và

(1) L. FINOT, loc. cit., p. 190.

(2) L. FINOT, BEFFÉ, IV, p. 922.

hùng-khí của người. Ngôi Vua khó xa lìa (từ ngôi), nhưng Ngài tự nhủ, trông thấy Sông Hằng cũng là một nguồn vui to lớn và Ngài đã đi từ đây đến Hằng-Hà ».

Chuyến đi hành-hương Ấn-Độ của Gangarāja chính là do lòng tin cao-độ, khiến mạo-hiểm được qua các gian-nguy bất trắc của cuộc hành-trình để đến cho được bờ Hằng-Hà. Người ta nói Gangarāja có lẽ là một vị Vua duy-nhất ở Đông-Nam-Á thuộc một nước theo Ấn-Độ giáo đã dám thực-hiện dự-định kể trên. Dường như Gangarāja đã truyền ngôi cho một nhân-vật mà tên đã xuất-hiện trên bia khắc hồi thế-kỷ thứ VII hiệu là **Manorathavarman** và có lẽ thuộc vai cháu.

Những gì xảy ra kế tiếp đó không ai được rõ. Vào năm 420, có một ông Vua gốc tích còn rất mập-mờ, tên là **Yang Mah** « Ông Hoàng Vàng », sau một cuộc xâm-nhiều thất-bại tại Bắc-Việt, đã xin triều-đình Trung-Quốc tấn-phong năm 421.

Yang Mah chết, truyền ngôi cho con mới 19 tuổi và mang một danh-hiệu, năm 431, điều-dộng trên 10 chiến-thuyền đánh phá miền duyên-hải Nhật-Nam. Trung-Quốc phản-ứng mạnh mẽ và kéo quân chiếm-đóng vùng Huế (*Khu-Túc*), trong lúc Vua Chăm vắng mặt, nhưng lại gặp bão nên họ không khai-thác được triệt-đề cuộc chiến thắng và đã rút quân.

Chính vào lúc ấy, Yang Mah cũng đã thử mượn quân của Phù Nam để tiến đánh Giao-Châu, mà năm 433, Yang Mah đã xin Trung-Quốc cho cai-trị nhưng không được chấp-thuận. Nhưng dự định này không đem lại kết quả tốt.

Những cuộc xâm-nhiều của Chăm ngày càng gia-tăng thêm nữa ; viên quan Tàu mới cai-quản Bắc-Việt là Đàn-Hòa-Chi, năm

446, bèn mở một cuộc chinh-phạt ác-liệt. Phủ-nhận mọi cuộc thương-nghị, vì trong khi đó người Chăm chỉ biểu-lộ toàn ác-ý, Đàn-Hòa-Chi đã cho đánh chiếm Khu-Túc, chiếm luôn kinh-đô Champapura (*Trà-Kiêu*) và cướp đoạt được 100.000 lượng vàng y.

Vua Chiêm đã buồn rầu mà chết.

Con hoặc cháu của Ông là **Phạm-Thân-Thành** lên nối ngôi cho gọi sứ-giã đi triều-cống Trung-Quốc vào những năm 456, 458 và 472.

Vào năm 484, Vua Jayavarman xứ Phù-Nam gọi người sang triều-cống Trung-Quốc và đồng-thời yêu-cầu nước này giúp quân đánh Lâm-Ấp.

Nguyên đã vài năm rồi, một kẻ soán-ngôi đang trị-vì xứ này, nhưng trong khi tài-liệu về xứ Lâm-Ấp gọi tên người này là Phạm-Đăng Căn-Thắng, con của vua Phù-Nam, thì trái lại, Vua Jayavarman đã xem người ấy như là một trong những viên quan cận-thần của mình tên là Kieou-Tch'Eou-Lo (1).

Hoàng-Đế Trung-Quốc nhận lễ-vật triều-cống của Javarman, nhưng không gọi quân sang đánh Lâm-Ấp.

Người ta không được rõ Jayavarman đã hành-động ra sao. Có điều chắc-chắn là vào năm 491, kẻ soán-ngôi vẫn trị-vì Lâm Ấp dưới danh-hiệu **Phạm-Đăng Căn-Thắng** và đã được triều đình Trung-Quốc nhìn-nhận là Vua xứ Lâm-Ấp. Nhưng chỉ một năm sau, tức 492, vị Vua này lại bị một người giòng-dõi Yang Mah lên **Phạm-Chư-Nông** truất-phế.

(1) G MASPERO, *Le Royaume de Champa*, p. 75, đã cho 2 nhân-vật này là một.

Sau đó, Phan-Chư-Nông-trị vì được 6 năm và chết đẫm ngoài biên khơi năm 498.

Những vị Vua kế-nghiệp sau này lấy danh-hiệu là **Phạm-văn-Tôn**, **Phạm-Thiên-Khởi** (có lẽ là *Devavarman*) và **Bật-Tôi Bật-Ma** (*Vijayavarman*) ; người ta chỉ được biết niên hiệu các sứ-quán từ năm 502 đến 527 mà thôi.

Sau khi Vijayavarman băng-hà năm 529, ngôi Vua thuộc về một nhân-vật trong phái Bà-la-Môn và người cháu gái của Manora thavarman (1) thuộc hàng ty-thuộc của vị Vua đã có lần đi hành-hương ở bờ Hằng-Hà Ấn-Độ. Ông vua này lấy danh-hiệu là **Rudravarman** (2) đã được Triều-Đình Trung-Quốc phong Vương năm 530 và đã phái sứ-giã đi triều-cống năm 534.

Năm 534, cũng như những vị Vua trước, Rudravarman xua quân tràn lên miền Bắc, nhưng lại bị Phạm-Tu, một tướng của Lý-Bôn lúc đó vừa lập nên nhà Tiền-Lý đánh bại.

Chắc là chính dưới trào Vua này đã xảy ra cuộc hòa-hoan tại Mỹ-Son, tiêu-hủy cả ngôi đền đầu tiên của Bhadravarā.

Người ta không được rõ Rudravarman I đã mất năm nào ; người ta đã thử gán cho những cuộc triều-cống năm 568 và 572 thuộc trào Vua này, e rằng nếu không như vậy, thì sẽ làm cho thời-gian của trào Vua con nối ngôi sau này quá dài. Ông Vua sau này tên là **Çambhuvarman**, mất năm 629.

Đối với Trung-Quốc, Çambhuvarman (sách Tàu viết là *Phạm-Phan-Chi*) đã không chịu triều-phục nhà Trần (557 — 589) lúc đó suy-yếu. Nhưng nhận thấy Trung-Quốc trở nên mạnh khi

(1) L. FINOT, *les Inscriptions de Mi Son*, BEFEO, IV, p. 922.

(2) L. FINOT, *Stèle de Çambhuvarman à Mi Son*, BEFEO, III, p. 207

Dương-Kiên tự xưng Tùy-Văn-Đế (589), Vua Chăm liền mở lại liên-lạc ngoại-giao và cho sang Trung-Quốc triều-cống năm 595. Nhưng 10 năm sau, Hoàng-Đế Trung-Quốc lại sai Lưu-Phương, nhân vừa mới đánh chiếm Bắc-Việt, xua quân xuống đánh luôn đất Chăm.

Cambhuvarman kháng-cự nhưng bị đánh bại. Một lần nữa các đội quân Tàu chiếm-đóng Khu-Túc (*Huế*) và kinh-dô Chăm, cướp được rất nhiều vàng bạc của cải và đốt sạch các tài-liệu sạch các tài-liệu sách vở của 18 đời vua Chăm trước. Khi quân Tàu rút đi hết, Cambhuvarman khôi-phục lại xứ sở và chịu lời với Hoàng-Đế Trung-Quốc.

Sau đó, việc triều-cống cũng bị lãng quên, nhưng đến thời nhà Đường (618), ít ra cũng có 3 phái-đoàn ngoại-giao được gởi sang Trung-Quốc vào những năm 623, 625, 628.

Có lẽ Cambhuvarman đã tiếp-kiến một vị đại-thần của Cam Bốt là Simhadeva do Mahendravarman gởi sang, để kết chặt tình thân-hữu với người Chăm.

Tại ngôi đền năm 629, Cambhuvarman đã cho xây-dựng lại đền Bhadręvara đã bị cháy dưới thời Vua cha và đặt cho đền này một tên mới là Cambhubhadręvara (1) phối-hợp giữa tên Ngài và tên của vị Vua trước là Bhadravarman. Từ lâu, người ta xác định ngọn tháp lớn ở Mỹ-Sơn chính là ngôi đền này, nhưng niên biểu mỹ-ngệ Chăm do Ph. Stern duyệt lại đã gán cho ngôi đền này một niên-hiệu mới hơn (2).

(1) L. FINOT, *BEFEO*, IV, p. 910.

(2) *Histoire Universelle des Arts* (L. Reau) IV, *Arts musulmans, Extrême-Orient*, p. 238.

Cambhuvvarman truyền ngôi cho con là **Kandarpadharma** (Tây gọi là *Fan-T'eu-Li*), trải qua một triều-đại thanh-bình và có gởi lễ-vật sang triều-cống nhà Đường vào những năm 630, 631.

Về **Prabhāsadharmā** (*Fan-Ichen-Long*) con của Kandarpadharma, (nổi ngôi cha vào một niên-hiệu không được rõ), người ta chỉ được biết là có đoàn ngoại-giao được phái đi năm 640 về 642. Vị Vua này bị một viên quan đại-thần ám-sát năm 645.

Sau triều-đại khá ngắn-ngủi của **Bradreçvaravarman**, con của **Satyakauçikasvāmin** thuộc phái Bà-la-Môn và em gái út của Prabhāsadharmā, ngôi Vua trở lại giòng-dòng chánh-thức, về người em gái của Prabhāsadharmā, con của vợ chánh của Kandarpadharma. Theo cổ-sử nhà Đường, vị công-chúa này đã lên ngôi, nhưng những bia đá lưu lại không thấy đề-cập và chỉ nói rằng con gái của Kandarpadharma có một đứa cháu tên Jagadharmā, đã có lần sang Cam-Bốt và cưới công-chúa Carvāni, con của Vua Jayavarman bên ấy.

Do cuộc hôn-nhơn này, đã sanh ra một đứa con trai đặt tên là Prakaçadharmā lên ngôi năm 653 với danh-hiệu **Vikrāntavarman** (1).

Nhờ thời-gian trị-vì được yên-ổn và khá lâu, vị Vua này đã cho xây-dựng được nhiều đền tháp tôn-giáo trong vòng thành Mỹ-Son tại Trà-Kiều và nhiều nơi trong vùng Quảng-Nam. Nhiều cơ sở trong số các đền tháp kể trên chứng tỏ vào thời đó, người Chăm có tôn-thờ Vishnu, vị thần đường như có tính-cách văn chương hơn là thuộc một giáo-phái nào (2).

(1) L. FINOT, *Les Inscriptions de Mi Son*, loc. cit., op. 923, 624. Ed. HUBER, *L'Inscription de Tra Kiêu*, BEFEO, XI, p. 263.

(2) P. MUS, *L'Inscription à Vālmiki de Prakāçadharmā*, BEFEO, XXVIII, p. 152.

Một bia khắc tìm thấy trong tỉnh Khánh-Hòa, về phía Bắc Nha-Trang, chứng-minh rằng lãnh-địa của vị Vua này được mở rộng đi rất xa về Nam-Bộ. Nhiều Sứ-giả đã được gửi sang Trung Quốc vào những năm 653, 657, 669 và 670.

Nếu không cho triều-dại này quá kéo dài, người ta phải chấp-nhận rằng vào năm 686, ngôi Vua đã được truyền cho một người kế-vị, cũng mang danh-hiệu **Vikrântavarman II** mà người ta được biết là có phái sang Trung-Quốc lối 15 đoàn sứ-giả giữa những năm 686 và 731.



CHƯƠNG THỨ BA

Từ Triều - Đại Pānduranga đến Triều - Đại Indrapura

*Từ hậu bán thế-kỷ thứ VIII với việc dời
đô về Nam tại Pānduranga, Vương-Quốc Chăm đã
được sách Trung-Quốc thay quốc-hiệu.*

*Sau đó, một triều-dại khác lại xuất-hiện trong
sử-liệu, đóng đô tại Indrapura về miền Bắc.*

*Cuộc chiến đã xảy ra vùi Java rồi Phú-Nam,
nhưng quan-trọng nhất là cuộc chiến với Đại-Việt,
mà đúng về phía người Chăm, chính là do nhu
cầu tiến về miền đất Bắc màu-mỡ và phì-nhiều
hơn. Nhưng hậu-quả lại là khởi-diễn của một sự
lội bước nguy-hại trên con đường phát-triển và
sinh-tồn của người Chăm.*

TRIỀU-ĐẠI PÂNDURANGA (HẬU BÁN THẾ-KỶ THỨ VIII)



NỜ có một phái đoàn ngoại-giao được gửi sang Trung-Quốc, người ta được biết Vua Chăm, năm 749, hiệu là **Rudravarman**. (Ngoài ra, không còn dấu vết gì khác nữa).

Cho đến bây giờ, thì trung-tâm-diêm của Vương-Quốc Chăm là ở vùng Quảng-Nam, nhưng giữa thế-kỷ thứ VIII, người ta nhận thấy có một sự di-chuyển về phía Nam, tại Pânduranga ((Phan-Rang) và Kauthara (Nha-Trang). Cũng thời đó, người Trung Quốc, không còn nói đến Lâm-Áp nữa và năm 758, đã thay thế bằng danh-từ **Hoàn-Vương**.

Người ta không tìm được một danh-từ Chăm tương ứng với Hoàn-Vương, vì bia khắc của vị Vua đương thời (*Prithivindravarman*) vẫn dùng quốc-hiệu **Champa**.

Theo R. A. Stein, với danh-từ « Lâm-Áp » trước hết người Trung-Quốc đã chỉ-định vùng đất cực Bắc, đã được tiếp-tục dùng theo thông-lệ, ngay cả đến lúc Vương-Quốc đã được thiết lập. Sự sáp-nhập « Lâm-Áp » và « Chiêm-Thành » chỉ là vấn-đề nội-bộ của người Chăm không làm thay đổi bang-giao với Trung-Quốc nên người ta vẫn tiếp-tục giữ lấy thói quen.

Trường-hợp danh-từ « Lâm-Áp » được duy-trì cả 5 thế-kỷ, sau cũng như trường-hợp « Tchen-La » mà người Trung-Quốc dùng gọi Cam-Bốt vậy.

Những tin tức thu-thập được về các vùng phía Nam chỉ có từng đoạn và tất cả những tài-liệu trước thế-kỷ IV đều gốc Trung Quốc và chỉ đề-cập đến Lâm-Ấp mà thôi. Sự sáp-nhập Lâm-Ấp vào Chiêm-Thành được thực-hiện ở một niên-hiệu không ai rõ và có lẽ là vào năm 605 Tây-lịch, nếu người ta dựa vào lời thuật về cuộc xuất-quân chinh-phạt của Lưu-Phương. Nhưng thật ra, rất khó mà đối - chiếu những tên người với văn « **Varman** » hoặc « **Dharma** » ghi trong các bia Chăm tìm được với các danh-tánh phiên-âm khác hẳn trong các sử-liệu Trung-Quốc. Đó là không kể trường-hợp một số bia khắc không dùng danh-hiệu chánh-thức mà chỉ dùng tên riêng thì lại càng phức-tạp hơn nhiều.

Từ năm 758, dương triều ở Nam-Bộ cũng đã bắt đầu có tập-tục dùng thụy-danh, tưởng-niệm các vị Vua đã mất và vị Thần mà các vị Vua này đi gặp ở cõi âm. Người ta không rõ nguồn gốc và niên-hiệu chính-xác về **Prithivindravarman** lần đầu tiên đã dùng thụy-danh **Rudraloka** (1).

Vị Vua này đã truyền ngôi cho người cháu gọi bằng cậu tên **Satyavarman** (*Icvaraloka*) mà sau đó đã phải đương-đầu với cuộc xâm-lăng của người Java năm 774. Quân xâm-lăng đã tiêu hủy ngôi đền cổ Bồ Nagar tại Nha-Trang, ngôi đền mà người ta nói do vị Vương trong truyện cổ là Vichitrasinga (2) xây-dựng nên. Sau khi đánh đuổi ngoại-xâm, Satyavarman đã cho kiến-thiết lại ngôi đền bằng gạch và khánh-thành năm 784 (3).

Người con của Satyavarman là **Indravarman** dường như đã phải chinh-chiến nhiều. Năm 787, người Java lại xâm-lăng

(1) BARTH et BERGAIGNE, *Inscr. sanskr.*, p. 224.

(2) » » » » pp. 252 — 256.

(3) » » » » p. 253.

Champa và lần này họ lại tiêu-hủy ngôi đền Bhadrādhīpātīcvara ở phía Tây kinh-thành Virapura, cận Phan-Rang bấy giờ (1).

Năm 793, Indravarman phái sứ-giã sang Trung-Quốc và năm 799, cho xây-dựng lại ngôi đền đã bị người Java phá-hủy. Vị vua này vẫn còn lại ngôi năm 801 (2).

Các vị Vua nối tiếp nhau trị-vì tại Pānduranga (*Phan-Rang*).

Năm 802, **Harivarman I** nối ngôi anh rể là Indravarman I (3) đã cho một đoàn quân tiến lên đánh một số Tỉnh trong lãnh thổ Trung-Quốc và đã thành-công mỹ-mãn ; năm 809, lại xua quân đánh một lần nữa, nhưng kết-quả ít khả-quan hơn lần trước.

Cùng lúc ấy, lúc vào khoảng khởi đầu Triều - đại Jayavarman II, Cam-Bốt dường như cũng khổ tâm vì những cuộc tấn-công của một Tướng Chăm : Senapāti Pār (4).

Harivarman I còn lại ngôi năm 813 (5) và có lẽ đến năm 817, niên-hiệu xây-dựng ngôi đền Pô Nagar tại Nha-Trang (6).

Một người con là **Vikrāntavarman III** lên nối ngôi cha, và có góp phần vào việc xây cất ngôi đền Pô Nagar tại Nha-Trang và Mong-Đức, năm 854 (7).

(1) BARTH et BERGAIGNE, *Inscr., sanskr.*, p. 217.

(2) BARTH et BERGAIGNE, *loc. cit.* p. 226.

(3) BARTH et BERGAIGNE, *Inscr., sanskr.*, p. 370.

(4) » » » , p. 269.

(5) E. AYMONIER, *Première étude sur les inscriptions tchames J. Asiat.*, janv. — févr., 1891, p. 24.

(6) BARTH et BERGAIGNE, *loc. cit.*, p. 269.

(7) » » » , pp. 251 — 257.

TRIỀU-ĐẠI INDRAPURA



ỊCH - SỬ Champa khiếm - khuyết tài - liệu vào khoảng 20 năm. Đột-nhiên, người ta tìm được dấu tích về năm 875 của một triều vua mới ở Bắc-Bộ (1) tại Indrapura, vùng tỉnh Quảng-Nam bây giờ.

Đồng-thời, sử sách Trung-Quốc cũng thay tên xứ lại là **Chiêm-Thành**, phiên-âm chữ « Champapura » của Phạn-Ngữ bao gồm chữ « Champa », quốc-hiệu chánh-thức của đất nước Chăm và « pura » có nghĩa là kinh-thành. Như vậy, thật ra chữ « Chiêm-Thành » chỉ có nghĩa là một thành-phố Chăm mà thôi, còn riêng đối với người Chăm thì quốc-hiệu được dùng từ trước vẫn là « Champa ».

Người khai - sáng triều - đại Indrapura tên thật là **Lakshinmindra Bhumicvara Grâmasvamin**, hồi lên ngôi, lấy hiệu là **Indravarman II**. Vị vua này tự xem như là thuộc giống-dõi thân-thoại Uroja nói rõ Rudravarman và Bhadravarman, vốn là ông và cha của mình, không có tước-vị vua chúa.

Indravarman II nhấn mạnh sự-kiện là ngôi vương đã được ban cấp cho mình không phải do ông hoặc cha mình mà có. Nếu có làm vua được xứ Chăm là chỉ nhờ có « phần số » cùng những thành-quả tốt đẹp các kiếp trước của mình mà thôi.

(1) L. FINOT, *Première stèle de Đông-Dương, IV, p. 84, BEFEO.*

Indravarman II đã do Vikrāntavarman III chỉ-dịnh kế-nghiệp khi vị này chết không có con cái nối dõi và cũng thế theo lời yêu cầu của các vị đại-thần trong triều-đình (1).

Khoảng thời-gian trị-vì được hòa-bình và có gởi một phái đoàn sứ-giã sang Trung-Quốc, năm 877. Hai năm trước đó, tức vào năm 875, Ngài có cho xây một cơ-sở Phật-Giáo lớn, chứng tỏ sự hiện-hữu của Phật-Giáo Đại-Thừa tại Chiêm-Thành. Đó là ngôi chùa Lakshmindralokeçvara, nhắc-nhở tên người sáng-lập và dường như rất đúng với những di-tích Phật-Giáo tìm thấy ở Đồng Dương về phía Đông Nam Mỹ-Son (2).

Indravarman II, sau khi mất, đã được mang thụy-danh là Paramabuddhaloka và truyền ngôi cho người cháu tên là **Jaya Simhavarman I** mà người ta chỉ biết có 2 niên-hiệu, 898 và 903 tìm thấy trong bia khắc ở các tượng hiền-thánh làm dưới trào vua này (3). Cùng trong thời-kỳ đó, một người thân-thuộc của Hoàng Hậu Tribhuvanadevi là Pô Klong Pilih Rājadvāra đã đi hành-hương (Siddhayātrā) (4) tại Java (Yavadvīpapura). Nhận-vật này đã giữ chức-vụ quan-trọng dưới 3 trào vua sau đó.

(1) L. FINOT và G. MASPERO (BEFEO, IV, p. 76, XV, 2, p. 126, XXIX, p. 228) đã đặt và thảo-luận vấn-đề xem người Ông và Cha của INDRAVARMAN I có trị-vì thực-sự hay không, hoặc có phải đúng là người đã sáng-lập ra triều-đại này không. Lý-lẽ G. MASPERO có vẻ vững-chắc, nhất là về trường-hợp lên ngôi.

(2) H. PARMENTIER, *Inventaire des monuments chams*, I, p. 439. L. FINOT, *Lokeçvara en Indochine, Et. Asiat.*, BEFEO, I, p. 232.

(3) Bia Ban Lanh, do L. FINOT, BEFEO, IV, p. 99 và bia Châu-Sa do E. HUBER, BEFEO, XI, p. 282.

(4) E. HUBER, *Stèle de Nhân-Biêu*, BEFEO, XI, p. 299.

Bia khắc do vị đại-thần này lưu lại cho biết Jaya Simhavarman I đã truyền ngôi cho con là **Jayaçaktivarman**, mà người ta không tìm thấy dấu vết nào khác cả, có lẽ vì triều vua này quá ngắn.

Bhadravarman II tiếp theo ở ngôi vương, nhưng người ta không được rõ vị vua này đã có liên-hệ thân-thuộc thế nào với vị vua trước. Trào vua này khá xao-động và người ta có những niên hiệu 908 và 910, tại các tấm bia ở Phú-Lương và Lạc-Thanh (1).

Con của Bhadravarman II là **Indravarman III** nổi tiếng về khoa văn-chương và triết-lý (2) đã cho đúc tượng hình **Bhagavati** bằng vàng năm 918 tưởng-niệm Pô Nagar ở Nha-Trang. Trào vua này kéo dài 40 năm và vào khoảng 945 — 946, đã phải đương-đầu với cuộc xâm-lăng của người Cam-Bốt vào vùng Nha-Trang. Tượng vàng đã bị quân xâm-lăng cướp mất, nhưng sau cùng, những đội-quân của Rajendravarman II tức vua Cam-Bốt, phải chịu thua một trận đẫm máu (3).

Trước khi mất vào năm 959, Indravarman III có thì giờ nổi lại bang-giao với Trung-Quốc mà trước đó đã bị gián-đoạn trong thời hỗn-loạn cuối đời nhà Đường và Đời Ngũ-Đại. Nhiều đoàn sứ-giã đã được phái sang Triều-dình nhà Hậu-Chu vào những năm 951, 958 và 959.

Năm 960, vua kế ngôi là **Jaya Indravarman I** gọi lễ-vật sang triều-cống Hoàng-Đế Nhà Tống cũng vừa mới lên ngôi. Năm phái-đoàn sứ-giã được phái đi từ năm 962 đến 971 chứng-tỏ nền bang-giao giữa 2 nước được điều-hòa.

(1) Do E. HUBER, BEFEO, XI, pp. 283, 285.

(2) BERGAIGNE, *Inscr. du Champa*, p. 247.

(3) » » » p. 260.

Năm 965, Jaya Indravarman I kiến-tạo lại đền Pô Nagar bị quân Khờ-Me tàn-phá trước đó 20 năm và cho thay tượng Nữ-Thần Bhagavati bị cướp mất bằng một hình tượng bằng đá (1).

Năm 972, xuất-hiện tại ngôi vua Chăm, một vị vua mới nhưng không có lưu lại một bia khắc nào cả, và tên họ, theo người Trung-Quốc, có thể là **Parameçvaravarman**. Vị vua này đã duy-trì nền bang-giao với Trung-Quốc rất đều-đặn và giữa 972 và 979, đã có ít nữa cũng bảy đoàn sứ-giã.

Đây là vị vua Chăm đầu tiên có chuyện lân-thời với triều đình Đại-Cồ-Việt, với tánh cách một nước có chủ-quyền.

Trước đó không bao lâu, Đại-Cồ-Việt cũng vừa thoát khỏi sự thống-trị của Tàu và người sáng-lập nhà Đinh độc-lập bị giết năm 979.

Một trong 12 vị sứ-quân tên Ngô-Nhật-Khánh đã trốn sang Champa, xin Parameçvaravarman giúp chiếm lại ngai vàng, trước đã thuộc gia-đình mình từ năm 639 đến 965.

Năm 679, một đạo quân được gởi đi theo đường biển, nhưng khi gần đến Hoa-Lư, kinh-dô Nhà Đinh, thì không may đoàn thuyền đang neo bị sóng gió làm chìm cả, chỉ còn thuyền của Vua Chăm trương buồm kịp thời, ra khơi trở lại đất Chăm (2).

Năm sau, một âm-mưu trong triều-đình Đại-Cồ-Việt đã đem một vị đại-thần là Lê-Hoàn lên ngôi vua, hiệu Lê-Đại-Hành Hoàng-Đế, sáng-lập nên nhà Tiền-Lê (980—1009). Vị này liền gởi phái-đoàn sứ-giã sang Chiêm-Thành. Vua **Parameçvaravarman**,

(1) BERGAIGNE, *Inscr. du Champé* p. 260.

(2) G. MASPERO, *Le protectorat d'Annam sous les Tang*, BEFEO, X, p. 678.



THÁP PÔ NAGAR

*tục gọi là THÁP BÀ, tại Nha-Trang,
ngày nay do người Việt trông-nom việc thờ tự*



**Thánh-Đường Ja-mi-ul A-man,
vừa mới tái-thiết tại
Katambong. (1965)**



**Một buổi tiếp-tân của giới lãnh-dạo
Chàm Hồi-Giáo, nhân Ô. Ha-jí Ibrahim
Ma, thuộc tổ-chức Hồi-Giáo Mã-Lai-Á
sang viếng Việt-Nam. (1964)**



**Thanh-niên Chàm Hồi-Giáo
Châu-Độc**



đã phạm phải cái vụng-về là bắt giữ sứ-giã Đại Cồ-Việt lại, nên Lê-Hoàn đã đưa quân sang đánh trả thù, và tiêu-hủy kinh-thành Champa vào năm 982. Vua Parameçvaravarma đã bị giết ngay trong cuộc giao-chiến đầu tiên.

Vị Vua mới mà theo người Trung-Quốc có lẽ là **Indravarma IV**, đã rời Indrapura kịp thời, chạy trốn về phía Nam Vương-Quốc (*Phan-Rang*) và từ nơi đó, năm 985, đã cầu-viện nơi Trung-Quốc, nhưng vô hiệu.

Cùng trong lúc đó, về phía Bắc Vương-Quốc bị chiếm, một người Việt tên Lưu-Kỳ-Tông cướp chánh-quyền và năm 983, đã đánh bại đội-quân trừ-loạn của Lê-Hoàn. Khi Indravarma IV mất, Lưu-Kỳ-Tông chánh-thức xưng-vương xứ Chăm và thông-báo triều-dinh Trung-Quốc năm 986. Sự thống-trị của một ngoại-nhân khiến gây một phong-trào di-cư và một số người Chăm đã sang lánh nạn tại Hải-Nam và Quảng-Châu. Đó là khởi-diềm của các cuộc đồ vỡ, loạn-lạc, những cuộc chiến diễn ra suốt gần 9 trăm năm ròng-rã, sẽ lần lần dồn người Chăm về miền Nam, để sau cùng, không còn gì nữa.

Năm 988, người Chăm tập-hợp lại quanh một vị lãnh-đạo và trở lại Vijaya, tức thành Đồ-Bàn.

Năm 989 Lưu-Kỳ-Tông mất, vị lãnh-đạo nầy lên ngôi Vua hiệu là **Harivarman II**. Vừa lên ngôi xong, thì lại có cuộc xâm nhiễu của quân Việt từ miền Bắc, vào năm 990. Nhờ có một giai đoạn hòa-bình ngắn-ngủi, nên năm 991, mới có việc xây-dựng tại Mỹ-Sơn một *lçanabhadreçvara* (1) và năm 992, có một cuộc trao-đổi lễ-vật với Hoàng-đế Trung-Quốc. Cũng trong năm này, 360 tù-binh Chăm bị giam cầm tại Đại-cồ-Việt được thả về.

(1) L. FINOT, *Inscription de Mi Son*, BEFEO IV, p. 113 và XV, 2 p. 45.

Cuộc chinh-chiến với Lê-Hoàn lại tái-diễn và lần này là vì người Chăm trong khoảng 995 và 995 thường hay cướp-bóc quấy-nhiều dọc theo biên-giới phía Nam Đại-Cồ-Việt.

Harivarman II đóng đô trở lại ở Indrapura, nhưng vị vua kế ngôi mà người ta chỉ được biết một danh-hiệu không đầy-đủ là **Yang Pu Ku Vijaya Cri**, trị-vì năm 999, nhận thấy Indrapura rất dễ bị ngoại-xâm, đã chuyển kinh-đô Vijaya vào năm 1000 trong khung cảnh hiện nay của thành Đồ-Bàn, trung-lâm-diêm được đánh dấu bằng một ngọn tháp bằng gạch gọi là «Tháp Cánh Tiên» hay «Tháp Đồng» (*Tour de cuivre*) (1).

Vương-Quốc Chăm ngày càng bị áp-lyc của nước lân-bang miền Bắc và bắt đầu từ thế-kỷ thứ XI, mặc-dù có vài cuộc chỗi dậy, lịch-sử Chiêm-Thành sẽ chỉ còn là lịch-sử của sự lùi bước của nền văn-minh Ấn-Độ trước nền văn-minh Trung-Quốc mà thôi.



(1) H. PARMENTIER, *Inventaire des Monuments Chams*, I, p.198.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Vương-Quốc Chăm từ đầu thế-kỷ 11 đến giữa thế-kỷ 12

Trong những đoạn trước, người ta đã chứng-kiến một sự dời đô đầu tiên của người Chăm lòi vào Nam, trước áp-lực của Đại-Cồ-Việt từ miền Bắc vào. Trong thế-kỷ XI, áp-lực trên càng quyết-liệt hơn và đã khiến Triều-đình Chăm phải rời bỏ những vùng đất Bắc Vương-Quốc.

Lãnh-địa Chăm thu hẹp dần. Nhiều dịp hòa bình để lấy lại sinh-lực, rồi một cuộc vùng lên tiến ra Bắc, rồi lại bị dồn ép lại. Sự việc đã xảy ra như một thứ hiện-tượng thụ-trương thiếu bền-bì ...

1000 - 1074



ÊN ngôi trong những năm cuối thế-kỷ thứ X và dời đô từ Indrapura (*Quảng-Nam*) năm 1000 về Vijaya (*Bình-Định*), Vua **Yang Pu Ku Vijaya** đã phái sứ - giả sang Trung - Quốc vào khoảng 1004 — 1005 để báo tin việc dời đô này.

Năm 1010, có một ông vua khác kế-vị, mà danh-hiệu bằng chữ Tàu dường như phiên-âm chữ **Harivarman III**. Trào Vua này kéo dài lối 10 năm.

Năm 1021, **Parameçvaravarman II** mà trước đó 3 năm đã gửi sứ-thần sang Trung-Quốc, đã phải kháng-cự với cuộc xâm lăng ở biên-giới miền Bắc (*khoảng Quảng-Bình ngày nay*). Con trai của Lý-Thái-Tổ (*sáng-lập nền Nhà Lý*) là Phật-Mã (*sau đó, vào năm 1028, lên nối ngôi Vua cha hiệu là Lý-Thái-Tôn*) đem quân nương theo đường biển đánh thành-linh vào trại Bồ-Chánh của người Chăm. Vị chỉ-huy trại bị giết ngay từ lúc ra binh phản-công, quân-ngũ Chăm xáo-trộn, nhưng bên Đại-Cồ-Việt cũng tổn-thất nặng nên cũng không tiến quân thêm.

Năm 1026, quân Đại-Cồ-Việt lại xâm-lăng đất Chăm một lần nữa.

Giữa năm 1030 và 1041, vua **Vikrântavarman IV** đã trải qua một triều-dại đen tối và hỗn-loạn. Năm 1042, người con là **Simhavarman II** xin Triều-đình Trung-Quốc phong Vương và năm sau thì dẫn quân lên cướp phá miền duyên-hải Đại-Cồ-Việt.

Đề trả đũa lại, Vua Lý-Thái-Tôn đã thân-chinh chỉ-huy một đạo quân Đại-Cồ-Việt nương theo đường biển, vào năm 1044, tiến đánh Chiêm-Thành,

Trong cuộc đưng-độ đầu tiên, ở vào vùng Thừa-Thiên bảy giờ, quân Chăm bị đánh bại và Vua Chăm Li bắt ngay tại trận chiến. Lý-Thái-Tôn xua quân xuống đánh chiếm luôn Vijaya (thành Đồ-Bàn) và trở về nước mang theo đoàn cung-nhân nhạc-nữ Chăm.

Nhân dịp này tục truyền rằng có một cung nữ Chăm (sách Việt chép là nàng My-Ê) đã quyết giữ tiết không chịu tuân lệnh sang châu bên thuyền Vua Đại-Cồ-Việt và đã trầm mình tự-tử (1). Xúc-động trước tấm lòng trung-tín đáng khen của My-Ê,

(1) Thi-sĩ Tân-Dà Nguyễn-Khắc-Hiếu (1888-1939) có làm một bài từ khúc « **Tâm-sự nàng My-Ê** », tưởng cũng nên chép lại đây để làm tài-liệu :

*Châu-Giang một giải sông dài,
Thuyền ai than thở một người cung-phi !
Đồ-Bàn thành phá hủy,
Ngọa Phật tháp thiên đi.
Thành tan, tháp đổ,
Chàng tử biệt,
Thiếp sinh ly.
Sinh ký đau lòng kẻ tử quy !
Sống bạc ngàn trùng,
Âm-dương cách trở.
Chiên hồng một tấm,
Phu-thê xướng-tùy.*



*Ôi mây ! ôi nước ! ôi trời !
Đưa ngọc, mâm vàng, giọt lụy rơi.
Nước sông trong đục,
Lệ thiếp đầy vơi.
Bè bà, dậu dậu, khóc nỗi đời !
Trời ơi ! nước hồi ! mây hồi !
Nước chảy, mây bay, trời ở lại,
Đề thiếp theo chồng mây dặm khơi !*

nhà Vua Đại-Cồ-Việt đã truy-tặng người cung-nữ này tước « Hiệp chánh Hộ-thiên » và nay ở Phủ-Lý, Hà-Nam (Bắc-Việt) còn có đền thờ.

Ngoài ra, vào khoảng 5.000 tù-bính Chăm đã được phân chia cho các xã Vĩnh-Khương và Đăng-Châu, nhằm vùng Nghệ-An bây giờ.

Vua kế-nghiệp Jaya Simhavarman II là một vị tướng thuộc gia-đình quý-tộc dưới các trào vua trước, xưng-vương hiệu là **Jaya Parameçvaravarman I** và các bia khắc ở miền Nam cũng lại bắt đầu với sự xuất-hiện của vị vua này.

Vì « người dân tại Pânduranga thường phóng-dăng, làm bậy, luôn luôn chống lại Vua », Jaya Parameçvaravarman I, năm 1050, đã phái người cháu là Yuvarāja Çri Devarāja Maha Senāpati đi thu phục họ (1). Để ăn mừng chiến thắng, Yuvarāja cho xây một « linga » tưởng-niệm Bồ Klong Garai và một đài chiến thắng (2).

Về phần Vua thì cũng trong năm ấy, đã cho kiến-tạo lại đền Pô Nagar ở Nha-Trang và dâng tặng những nô-lệ gồm cả người Khờ-Me, người Trung-Hòa, người Pu-lam (Miến-Điện) và người Syâm (Thái-Lan) (3).

Vốn muốn hòa với các nước lân-bang, vị Vua này đã gởi ba phái-đoàn sứ-giã sang Trung-Quốc giữa những năm 1050 và và 1056 và năm phái-đoàn sang Đại-Cồ-Việt từ 1047 đến 1060.

Triều vua kế tiếp ngắn-ngủi và người ta chỉ được biết hiệu là **Bhadravarman III**, tại ngôi năm 1061. Cuối năm đó, người em út là **Rudravarman III** lên nối ngôi và gởi một phái-đoàn

(1) L. FINOT, *Pânduranga*. BEFEO. III n. 645.

(2) » » » » p. 646

(3) *Ibid*, p. 646.

sứ-giã sang Trung-Quốc năm 1062, và 3 phái-đoàn sang Đại-Việt (đời lại là Đại-Việt từ đời Lý-Thánh-Tôn năm 1054) vào những năm 1063, 1065 và 1068.

Nhưng ngay những năm đầu, triều Vua này đã có chuẩn bị chiến-tranh với Đại-Việt ; một cuộc tấn-công đã mở màn năm 1068.

Vua Lý-Thánh-Tôn phản-ứng tức thì, đã dẫn một đạo hải-thuyền vào đến Cri Banoy (*Qui-Nhon*), cạnh kinh-đô Chăm.

Quân Chăm bị đánh bại ngay trong nước, Rudravarman III thừa lúc ban đêm, đã trốn ra khỏi kinh-thành và ẩn-náu ở Cam-Bốt.

Nhờ dân-chúng chịu hàng-phục, Vua Lý-Thánh-Tôn kéo quân xâm-nhập kinh-đô Chăm không gặp khó-khăn nào cả.

Nhiều đạo quân được phái đi đuổi theo và bắt được Vua Chăm trên lãnh-thổ Cam-Bốt (1069, tháng tư). Tháng kế tiếp đó, nhà vua Đại-Việt bày yến-tiệc đãi các quân binh trong cung-điện Chiêm-Thành và đề đánh dấu việc thắng trận, nhà vua đã tổ-chức cuộc múa vui ngay tại sân chầu.

Đồng thời, tin thắng trận và việc bắt được Vua Chăm cũng được loan-báo nhanh-chóng sang Trung-Quốc.

Một cuộc kiểm-tra cho biết có tất cả trên 2.560 gia-đình và nhà vua Đại-Việt đã ra lệnh thiêu-hủy tất cả nhà cửa xây cất trong vòng thành và các khu phố Vijaya.

Vua Chăm Rudravarman III và gia-quyền bị bắt giải về Bắc-Việt và chỉ được trả tự-do 1069, những phải nhượng Đại-Việt 3

(1) AYMONTIER, *Première étude sur les insc. tchames*, J. Asiat. Janv. Fév. 1891, p. 29.

của ngoại-bang. Nhưng Indrapura là thành-phố có nhiều di-tích lịch-sử, như là ngôi đền Bhadręvara và những đền tháp đã được vua chúa các triều-dại trước xây-dựng nên.

Năm 1080, Harivarman IV truyền ngôi cho con lúc ấy mới 9 tuổi, Hoàng-Tử Văk, hiệu **Jaya Indravarman II** và mất năm kế-tiếp.

Jaya Indravarman II còn quá trẻ « chưa biết những điều tốt xấu để cai-trị Vương-Quốc, nên làm những điều đối nghịch lại quy-lệ của triều-đình » (1) và phải gần một tháng trời, mới tìm được người nhiếp-chánh.

Một vị Hoàng-Thúc đã được cử đảm-nhiệm công việc này và chính Ông Hoàng Păng, người mà dưới trào Vua trước, đã đánh chiếm được Cambhupura của người Khờ-Me.

Vị này lên ngôi, hiệu là **Paramabodhisattva**. Đường như đã có xảy ra việc tiếm-ngôi thực-sự, vì trong 6 năm trị-vì, Paramabodhisattva cho gởi lễ-vật sang Đại-Việt cống-sứ mỗi năm và đã phải đối phó nhiều âm-mưu tự-trị của Pănduranga luôn-luôn bất tuân-lệnh (2).

Năm 1086, phe của người cháu đã giành được phần thắng và đã lấy lại được ngôi Vua sau một cuộc bạo-động.

Liền khi trở lại ngôi Vua, Jaya Indravarman II tái-lập bang giao với Trung-Quốc và đều-đều gởi lễ-vật sang Đại-Việt cho mãi đến năm 1091.

(1) L. FINOT, *Inser. de Mi Son BEFEO, IV, p. 940*

(2) *L. FINOT, *loc. cit.*, p. 949

Sau vài năm gián - đoạn và do đó đã bị nhắc - nhở, Indravarman II trở lại triều-cống từ năm 1095 đến 1102. Nhưng năm 1103 do sự xúi-giục của một người Việt tị-nạn, văn tướng đã lấy lại được 3 châu Bắc-Bộ đã bị mất năm 1069, nhưng quân của Indravarman II chỉ chiếm giữ được có vài tháng mà thôi.

Triều-đại đã diễn ra trong hòa-bình cho đến năm 1113 ; Indravarman II tiếp-tục công-trình trùng-tu xứ sở của những vị Vua trước và cho xây thêm đền đài tại Mỹ-Son.

1113 - 1117

Vua Jaya Indravarman II mất năm 1113 truyền ngôi cho người cháu hiệu là **Harivarman V**, trị nước trong an-bình và tiếp-tục những công-trình kiến-tạo tại Mỹ-Son. Vào khoảng giữa năm 1116 và 1126, nhiều phái-đoàn sứ-giã đã được trao đổi với Trung-Quốc và Đại-Việt. Vì không có người thừa - kế có đủ khả-năng đề nối ngôi, Harivarman V, vào năm 1133, có nuôi một người con nuôi với tước-vị Yuvarāja, gốc-gác không ai rõ một cách chắc-chắn, nhưng đã kế-nghiệp vương năm 1139, hiệu **Jaya Indravarman III** (1).

Những đền-dài của vị tân-vương xây tại Mỹ-Son năm 1140 và tại Pô Nagar năm 1143 (2) chứng-tỏ người có uy-quyền khắp từ Bắc vào Nam. Năm 1131, Indravarman III giúp quân Khơ-Me đánh chiếm Nghệ-An (3), nhưng sau đó, đã hòa-thuận với Đại-Việt. Năm 1145, đã biến mất trong trận chiến chống quân Khơ-Me xâm-lăng, không rõ là bị quân-thù bắt đi hay đã bị giết ở chiến-trường.

(1) L. FINOT, *Inscr. de My-Son*, BEFEO, IV, p. 954.

(2) AYMONIER, *Première étude sur les inscriptions chamées*, JJ. Asiat. Ind., Févr., 1891, p. 37.

(3) *Suvar.* p. 205.

Kinh-thành và phần lớn xứ Chàm bị rơi vào tay quân Khơ-Me. Dân-chúng miền Pânduranga bảo-vệ được một vị tân-vương hiệu là Rudravarman IV, xưng-vương năm 1145 và trốn thoát về miền Nam, nhưng vị vua này không trị-vì bao giờ cả và mang thụy-danh là **Brahmaloka** (1).

Người con là Ratnabhumivijaya, Hoàng-Tử Çivanandana, giống dõi Paramabodhisattva, đã từng bị đày-ải dưới thời Harivarman V và Jaya Indravarman III. Trước hết người đã rời bỏ Tồ-Quốc, đã « hưởng và chịu nhiều vui buồn ở xứ người, đề sau cùng, quay lại Chiêm-Thành ». Trước đó, người đã từng theo cha ẩn trốn tại Pânduranga và dân-chúng tại đây tôn làm vua năm 1147, danh hiệu **Jaya Harivarman I**. Chính vị vua này sau đã đánh bại Suryavarman II (*Cam-Bốt*) cùng khởi-quân năm 1149 đánh Hoàng-Tử Khơ-Me Harideva và tái-chiếm kinh-đô Vijaya rồi lên ngôi Vua.

Nhưng công việc dường như chỉ mới bắt đầu, vì suốt 17 năm trị-quốc, vị Vua này không ngớt chiến-chinh để duy-trì uy-quyền : đầu tiên, chống Kirâta tức người Thượng « Ra-đê, Mạ »... Và những sắc dân khác (*Mlecch'a*) tập-hợp dưới quyền điều-động của một người anh rề dỗi-nghịch : Vamçarâja (2). Vị này bị đánh bại năm 1150, đã cầu-viện Đại-Việt và đã được giúp 5.000 quân từ Thanh-Hóa và Nghệ-An vào.

Dấu bia đá tìm thấy ở Mỹ-Son cho biết : « Nhà vua Yuan (Đại-Việt) vì được biết vua Cam-Bốt gây nhiều khó-khăn cho Jaya Harivarman nên đã phong cho một người xứ Chàm là

(1) L. FINOT, *loc. cit.*, pp. 959-961. — AYMONTIER, *loc. cit.* p. 39.

(2) " " " " p. 965 — " " " " p. 42.

Vamçarâja lên làm vua và còn giúp nhiều « *senâpati yuan* » với đoàn quân thiện-chiến vào lối một trăm ngàn người. Đoàn quân này kéo đến tận miền đông-bằng *Dalvâ* và *Lavang*. Tức thì *Jaya Harivarman* đem quân từ *Vijaya* ra nghinh - chiến. Hai bên đánh ghê-gớm và sau cùng *Jaya Harivarman* đã đánh bại *Vamçarâja* ; quân lính bị chết rất nhiều » (1).

Tiếp-tục bình - định sứ sở, *Jaya Harivarman* I khắc - phục *Amarâvâti* (*Quảng-Nam*) năm 1151 (2) rồi *Pânduranga* năm 1160, sau 5 năm chiến-đấu (3).

Chiến - thắng được các nơi, vị Vua này đã xây - dựng đền đài ở Mỹ-Son và Pô Nagar (4) vốn là hai vùng đất thiêng quan trọng của Vương - Quốc. Một đoàn sứ-giã được gởi sang Trung Quốc năm 1155 và cả loạt phái-đoàn khác sang Đại-Việt giữa năm 1155 và 1166.

Tại Triều - đình, có một vị đại - thần tên là *Jaya Indravarman* *Grâmapura* « quán - thông mọi việc đao binh, văn phạm, chiêm-tinh ... » (5). Năm 1163 — 1195, người ta thấy vị này góp công vào việc xây-dựng các đền-đài ở Mỹ-Son (6).

Khi *Jaya Harivarman* I mất vào lối 1166 — 1167, người ta không được biết chắc có xảy ra việc gì không ; cũng không

(1) L. FINOT, loc. cit., p. 965.

(2) AYMONTIER, loc. cit. p. 42.

(3) » » p. 41.

(4) L. FINOT, loc. cit., pp. 965, 966, 968 — AYMONTIER, loc. cit. p. 42.

(5) L. FINOT, loc. cit., p. 973.

(6) L. FINOT, BEFEO, XV, 2. p. 50.

chắc là con của Jaya Harivarman I là Jaya Harivarman II có lên ngôi và trị nước. Người ta chỉ biết vị Vua này qua hai bia khắc tìm được ở Mỹ-Son.

Vào cuối năm 1166 hoặc đầu năm 1167, Jaya Indravarman Gramapura đã truất đoạt ngai vàng và đã xin Triều - đình Trung Quốc lẫn-phong vào năm 1167.

Buổi đầu, Triều Vua này chuyên lo chống-dỡ nạn chiến-chinh với Cam-Bốt và cũng với mục-đích dự-phòng, chống-dỡ với Cam Bốt, mà đã phải thuận-hòa với Đại-Việt và gởi lễ-vật sang xứ này vào năm 1170.



CHƯƠNG THỨ NĂM

Vương - Quốc Chăm từ cuối thế - kỷ 12 đến cuối thế - kỷ 13

Trong hơn một thế-kỷ, nhiều biến-cố, ngày càng thúc - đẩy người Chăm vào con đường suy-vong.

Trước hết, là việc người Chăm đánh chiếm thành Angkor năm 1177, đưa đến hậu-quả là Vương Quốc Chăm phải bị Cam-Bốt tạm chiếm ngược lại (1203 — 1220 Tây-Lịch)

Sau cuộc thử-thách kể trên, có một thời-gian dành cho việc xóa bỏ những hậu-quả của chiến tranh rồi cuộc chiến lại bắt đầu với Đại-Việt.

Năm 1280, sự đe-dọa trầm - trọng của một cuộc xâm-lăng của quân Mông-Cổ vào Đông-Nam-Á đã tạm-thời chấm-dứt sự tranh-chấp giữa Đại-Việt và Vương-Quốc Chăm, nhưng sự liên-kết chánh trị giữa hai nước đã lôi cuốn người Chăm vào một vị thế thực lúi.

CUỘC CHIẾN CAM-BỐT – CHAMPA



HOÀNG 1166 — 1167, ngôi Vua Chăm thuộc về một nhân-vật lấy hiệu là **Jaya**

Indravarman IV.

Sau khi thuận-hòa với Đại-Việt vào năm 1170, vị Vua này quay sang Cam-Bốt. Một bia đá ghi rõ : « *Jaya Indravarman IV Vua Chăm, có tính tự-phụ như Ravana, đã vận-chuyển quân trên những chiến-xa, tiến đánh xứ « Kam-Bu »* (1). Nhưng cuộc chiến bất phân thắng bại. Jaya Indravarman IV liền thay đổi chiến lược và khởi đánh Cam-Bốt bằng đường biển vào năm 1177. Lăn theo bờ biển, hải-đội Chăm chạy đến cửa sông Cửu-Long, rồi ngược giòng lên đến Biên-Hồ. Thành Angkor bị đánh úp thành-linh, Tribhuvanadityavarman, Vua Cam-Bốt thời ấy, bị giết, thành-phố bị tàn-phá hoàn-toàn.

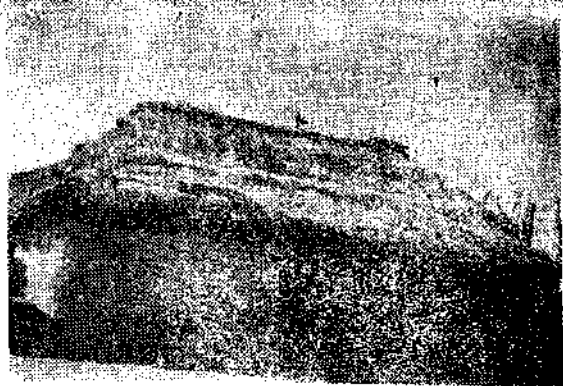
Thành-công đột-ngột của Jaya Indravarman IV trong công cuộc đánh chiếm kinh-thành Khor-Me đã xảy ra vào một giai-đoạn khó-khăn trong lịch-sử xứ Chùa-Tháp. Nhưng đối với người Chăm hậu-quả về sau lại chưa cay và trầm-trọng khiến người ta có thể xem như là một yếu-tố quyết-định con đường suy-vong của Champa.

Người ta không được rõ những nguyên-động-lực nào đã thúc đẩy Jaya Indravarman IV xua quân tiến-chiếm tận trung-tâm Vương-Quốc Khor-Me. Có thể chỉ là việc tiếp-tục một cuộc chiến chống Suryavarman II mà hơn ba mươi năm về trước đã xâm chiếm và cướp phá thành Vijaya.

(1) BEFEO, XXIX, p. 324.



Tháp Đôi (Bình-Định)



**Tính-cách tạm-bợ của ngôi nhà bình dân
Chàm của thế-hệ sau cùng (Phan-Rang)**



**Đôi vài mẫu bảo-vật Hoàng-Gia Chàm
hiện lưu-giữ tại Phan-Rí (bên phải
là cái vương miện bằng vàng)**



**Tượng Civa với búi tóc Chàm
cổ-truyền (hiện lưu-giữ tại Viện
Bảo-Tàng Đà-Nẵng).**



Trung-Tá Đinh-Việt-Lãng
Tỉnh-trưởng Ninh-Thuận, trong một
buổi thăm viếng đồng-bào
Chàm Phan-Rang (1965)



Chức-sắc Chàm Phan-Rang

★



Bà Nguyễn-thị-Thềm
thuộc giòng Vua Chàm, hiện chấp
giữ kho-tàng Hoàng-tộc Chàm
tại Tỉnh-Mỹ (Định-Thuận)



Đại-úy Dương-Tấn-Sở (Chàm)
Quận-trưởng An-Phước (Ninh-thuận)
và phu-nhân trong một buổi tiếp-xúc
với đồng-bào Chàm.

Ngoài ra, vì ảnh-hưởng Khor-Me trong nền mỹ-nghệ Chăm rất rõ-rệt, nên người ta tự nghĩ, cũng có thể rằng việc đánh chiếm Cam-Bốt vào lúc Yasovarman II bị Tribhuvanadityavarman tiếm ngôi chỉ có mục-đích trợ giúp một ông Hoàng Khor-Me nào đó đã-liên-kết ít nhiều mật-thiết với vua Chăm.

Hơn nữa, lúc ấy, một Thế-Tử chính-thống Khor-Me (*Jayavarman VII tương-lai*) lại cũng đang hướng-dẫn một đạo quân trên đường đánh Champa... Chi-tiết các cuộc liên-kết, thân-thuộc giữa các giòng dõi hai bên, sử-sách không ghi rõ. Tuy nhiên, vịn vào một số sự-kIỆN trong bang-giao giữa hai nước, người ta liền đoán rằng có lẽ đây là hậu-quả của một chánh-sách liên-kết, liên hệ trực-tiếp đến những cuộc tranh giành ngai vàng tại Cam-Bốt lẫn Chiêm-Thành.

Năm 1181, sau nhiều cuộc thủy-chiến chống quân Chăm (*hình ảnh còn khắc ghi trên bờ tường Bayon và Banteay Ch'mar ở Cam-Bốt*), Jayavarman VII giải-phóng được Cam-Bốt và lên ngôi vua (1).

Đề trả đũa Chiêm-Thành, Jayavarman VII đã dùng một ông Hoàng Chăm trẻ tuổi tên Vidyanandana (2) đang ăn-náu tại Cam-Bốt.

Công-cuộc trả thù này đã được chuẩn-bị nhiều năm.

Trước hết, là làm sao đề Đại-Việt, thời ấy là Lý-Cao-Tôn (3) đứng trung-lập.

(1) G. COEDÈS, *Quelques suggestions sur la méthode à suivre pour étudier les bas-reliefs de Banteay Ch'Mar et de la galerie intérieure du Bayon*, BEFEO, XXXII, pp. 76-78.

(2) BEFEO, IV, p. 974.

(3) AYMONTIER, *Cambodge*, III, p. 527.

Năm 1190, Vua Chăm là **Jaya Indravarman Ong Vatuw** (1) lại xua quân tấn-công Cam-Bốt, tạo cơ-hội thuận-tiện cho Jayavarman VII tiến đánh Champa.

Người ta không rõ Jayavarman VII có đích-thân dự cuộc chiến đánh Chiêm-Thành không. Tuy nhiên, một bia khắc tại đền Pô Nagar (*Nha-Trang*) nói rằng Jayavaman VII đã chiếm được kinh-đô Chăm và đã cướp lấy tất cả « linga » (2).

Việc điều-khiển quân-đội đánh Chiêm-Thành được giao-phó cho một ông Hoàng trẻ tuổi Chăm Vidyānandana. Vị này tiến-chiếm kinh-thành Vijaya (*Bình-Dịnh*) và bắt vua Chăm là Jaya Indravarman IV giải về Cam-Bốt, thay thế vua Chăm bằng Ông Hoàng tên IN, anh em rề của Jayavarman VII. Vị này lên ngôi Vua Chăm, hiệu là **Suryavarmadeva**, tự ấn-định lấy một Vương-Quốc ở miền Nam, tại Pānduranga, tên là Suryavarmadeva.

Nước Chăm do đó bị phân chia ra làm hai phần đất, có hai Vua, một Vua là thân-thuộc của Vua Cam-Bốt trị-vì Vương-Quốc Vijaya ở miền Bắc, một Vua khác gốc Chăm nhưng tùy-thuộc vào Vị này cai-trị Vương-Quốc Pānduranga ở miền Nam.

Tình-trạng đó kéo dài không lâu, một cuộc nổi loạn tại Vijaya đã đánh đuổi người anh em rề của Vua Cam-Bốt về nước và đặt lên ngôi Vua một Ông Hoàng Chăm : **Rashupati** tức **Jaya Indravarman V**.

Vidyānandana tự là **Suryavarmadeva** làm chủ miền Phan-Rang, đập tan ách thống-trị của Vua Cam-Bốt và thống-nhút

(1) L. FINOT, *Insc. de Mi Son*, BEFEO, IV, p. 975. Trong « *Le Royaume de Champa* », tr. 161, G. MASPERO đã cho **JAYA INDRAVARMAN ONG VATUW** và **JAYA INDRAVARMAN IV GRĀMAPURA**, người đã chỉ huy cuộc xâm-lăng 1177, là một người.

(2) AYMONIER, *Pre, étude*, J. Asiat., Janv. — Fév., 1890, p. 48.

đất nước về cho mình, sau khi đã lần-lượt giết cả hai Jaya Indravarman, một ở Vijaya (*Rashupati*) và người tù-binh cũ của Cam-Bốt, có lẽ vừa được Jayavarman VII thả về để chống Vidyanandana.

Năm 1192, Vidyanandana Suryavarmadeva trị nước yên-ôn Vương-Quốc Chăm thống-nhút trở lại và không có sự chống đối nào cả (1).

Năm 1192 và 1193, Vua Cam-Bốt là Jayavarman VII đã thử khắc-phục xứ Chăm một lần nữa nhưng thất-bại.

Chỉ đến 1203, một người chú của Jayavarman VII là Yuvarāja Ông Dhanapâtigrâma, nhờ Cam-Bốt giúp sức, mới đánh đuổi được Vidyanandana Suryavarmadeva. Vị này đã cầu cứu nơi Đại-Việt, nhưng không được và đã biến mất, không lưu lại dấu vết nào cả. Cần ghi nhận là vị này đã được Đại-Việt phong Vương năm 1199.

Sử chép rằng Suryavarmadeva khi trốn sang Đại-Việt có mang toàn-thể gia-đình và một số cận-thần chở trên hai trăm chiến-thuyền. Sự xuất-hiện của đoàn chiến-thuyền này đã khiến triều-đình Đại-Việt nghi ngờ; một võ-tướng, được phái đến cảng Cửu-La lấy tin-tức, đã cùng Phạm-Giêng lúc đó làm Tổng-Đốc Nghệ-An nhận-định tình-hình và quyết-định trừ-khử Suryavarmadeva

Nhờ được báo trước, Suryavarmadeva đã mời Phạm-Giêng xuống thuyền mình mạn-đàm. Phạm-Giêng cho giấu vũ-khí trên thuyền chở mình ra gặp Suryavarmadeva và ra lệnh binh-sĩ đốt đuốc xem chừng các thuyền Chăm.

(1) Những sự việc này được ghi lại trong một bia đá ở Mỹ-Sơn, do L. FINOT chép lại trong BEFEO, trang 975.

Nhưng dần dần, bọn lính canh Đại-Việt ngủ quên, các binh lính Chăm cho liệng đuốc đang cháy sang thuyền Đại-Việt khiến quân Đại-Việt hoảng - hốt nhảy cả xuống biển, đoàn thuyền Suryavarmadeva nhờ neo ra khơi và từ đó, không ai được tin về Suryavarmadeva nữa.

Từ 1203 đến 1220, Champa trở nên một lãnh-địa của Cam Bốt dưới quyền cai-trị của Yuvarāja Ong Dhanapatigrama.

Năm 1226, ngôi vua Chăm thuộc một ông Hoàng tên Angcaraja Turaiviraja, vốn là cháu của Jaya Harivarma I và đã được nuôi dưỡng tại triều-đình Cam-Bốt Jayavarman VII. Triều Vua này lấy hiệu là **Jaya Parameçvaravarman II**. Và theo G. Maspero, « như vậy là chấm-dứt cuộc chiến kéo dài 100 năm giữa người Chăm và người Khơ-Me. Người Khơ-Me mắc bận lo đương-dầu với kẻ thù mới là Thái-Lan, không nghĩ đến việc xâm-nhiều Champa nữa. Dài theo thế-kỷ, họ chỉ còn theo dõi những biến-chuyển của tình-hình trong xứ Chăm mà thôi. Những kẻ mạo-hiềm tham bạc-tiền và danh-vọng, dĩ-nhiên, vẫn còn dẫn đầu những toán quân bất-thường, phụ-trợ một nhân-vật nào đó, để hưởng lấy một số lợi lớn-lao, trong những cuộc nội-loạn xứ Chăm ».

Phần lớn trong triều vua Jaya Parameçvaravarman II, người ta mắc bận to trùng-tu lại hệ-thống dẫn thủy nhập điền, xây-dựng những đồ nát chông-chất sau những cuộc chinh-chiến vừa qua.

Ở Nam-bộ Champa, các « linga » đều được đặt trở lại, như Yang Pu Nagara (*Pô Nagar Nha - Trang*) và ở Bắc-bộ Cricānabhadreçvara (*Mỹ-Sơn*) (1).

(1) L. FINOT, *Inscr. de Mi-Son*, BEFEO, IV, p. 976.

Vào cuối Triều-đại, có một cuộc tranh-chấp với Đại-Việt.

Tại Đại-Việt, từ 1225, chủ-quyền thuộc nhà Trần. Vua Trần Nhân-Tôn, đã khiển-trách Champa về vụ người Chăm thường không ngớt cướp bóc dọc theo bờ biển Đại-Việt.

Vua Chăm phúc-đáp bằng cách đòi quy-hoàn ba Tỉnh Bắc Bộ, một vấn-đề vốn đã gây bất-hòa bao nhiêu lần giữa hai nước.

Năm 1252, Vua Trần-Nhân-Tôn liền đích-thân điều-khiển một đoàn quân chinh-phạt Chăm và đã bắt nhiều tù-binh Chăm trong đó có nhiều vị Đại-thần và cung-phi của Triều-đình Champo.

Có lẽ Vua Chăm đã bị chết trong cuộc chiến này, vì lẽ sau đó ít lâu, người ta thấy ngôi Vua thuộc về người em út của vị này lúc ông Hoàng Haridevasakan Vijaya, mà năm 1249, với tư-cách Yuvârajâ, có điều-khiển một đội quân đánh Pânduranga (1). Vị tân Vương này « am-tường các khoa-học và các ngành triết-lý » (2), lên ngôi hiệu là **Jaya-Indravarman VI** nhưng chỉ trị-vì được ít lâu, kể bị một người cháu tên Harideva cướp ngôi năm 1257 (3).



(1) L. FINOT, BEFEO, XV, p. 976.

(2) L. FINOT, BEFEO, IV, p. 954.

(3) BEFEO, XV, 2, p. 51.

QUÂN MÔNG-CÓ XÂM-LĂNG CHAMPA (1283 - 1285)

Harideva (1) lên ngôi hiệu là **Jaya Simhavarman**, nhưng khi làm lễ đăng-quang năm 1266 thì đổi lại là **Indravarman V** (2).

Từ 1266 đến 1270 ít ra cũng có 4 phái-đoàn ngoại-giao được gởi sang Đại-Việt để kết chặt tình thân-hữu lân-bang.

Nhưng liền đó, lại xảy ra nạn xâm-lăng của quân Mông-Cồ.

Năm 1278 rồi đến 1280, Indravarman V được mời sang triều-kiến Trung-Quốc, nhưng Indravarman V đã không đích thân đi mà chỉ khéo-léo đưa các phái-đoàn sứ-giã mang lễ-vật sang mà thôi. Dĩ-nhiên, thái-độ đó không làm cho triều-đình Trung-Quốc bằng lòng.

Năm 1282, Trung-Quốc bèn phái hai vị Tướng sang Chiêm-Thành với danh-nghĩa giúp Indravarman V trị nước, an dân, nhưng dưới sự thúc đẩy của Hoàng-Tử Harijit, dân-chúng phản-ứng mạnh không nhận nên đồ-hộ Tàu và vì vậy, các Sứ-giã nhà Nguyên đành quay về.

Trước sự việc đó, năm 1282, Triều-đình Trung-Quốc nhứt định đưa quân sang chinh-phạt Chiêm-Thành.

Thêm một lý-do để Trung-Quốc tức-tức gởi quân sang, là ngay khi ấy, Chiêm-Thành lại bắt giữ tất cả Sứ-giã Tàu được phái sang Xiêm khi họ vừa đến gần bờ biển Chàm.

(1) L. FINOT, BEFEO, IV, p. 51.

(2) AYMONTIER, J. Asiat., Janv. - Fév., 1891. L. FINOT, BEFEO, IV, p. 51.

Trước khi đưa quân đánh chiếm kinh-thành Chăm, lúc đó được phòng-thủ kiên-cố, vị tướng Tàu nhiều lần gửi lời-hậu-thor cho Indravarman V buộc phải đến trình-diện. Chờ mãi không có phúc đáp, quân Tàu bèn tiến đánh.

Quân Chăm gồm-lối 10.000 người do cửa Nam xuất trận, khuê chiêng, trưng hiệu-kỳ, chia thành 3 đạo đốc-thúc lối 10 thớt voi ra kháng-cự mãnh-liệt.

Cuộc chiến đã diễn ra vào khoảng 6 giờ đồng hồ thì quân Tàu tràn chiếm được thành, Indravarman V cho đốt kho lương, rút quân về miền núi, bỏ kinh-thành lại cho địch, đề đến hôm sau, lại phái người cậu Pa Tao Ta Ha, (*Bhadra-deva*) đem 200 thê lụa, 3 khối bạc lớn và 50 khối bạc nhỏ... ra mặt Tướng Tàu xin 3 ngày để vị Hoàng-Tử sẽ đến hội-kiến, còn riêng Vua thì bị bệnh không đến được.

Tướng Tàu tạm nhận lễ-vật nhưng buộc Indravarman V phải đích-thân đến mới được.

Dù vậy, sau đó, Indravarman V vẫn phái 2 Hoàng-Tử đến, thay vì đích-thân hoặc cho Đông-Cung Thái-Tử, như đã hứa, vị Tướng Tàu nổi giận bèn sai 2 phái-viên đến gặp tận mặt Indravarman V. Hai phái-viên này bị chặn lại và phải quay về.

Được biết Vua Chăm đang cố-thủ trên núi với 20.000 quân và hiện còn đang chờ tin cầu-viện ở Đại-Việt, Cam-Bốt và Java, Tướng Tàu quyết tiến đánh, nhưng vẫn không kết-quả, và phải hao quân khá nhiều.

Trước tình-thế đó, và một phần do khí-hậu không thích hợp, quan quân Tàu xuống tinh-thần và cùng nhau đào-ngủ.

Đầu năm 1284, một đạo quân Tàu khác gồm 15.000 được đưa sang Champa tăng-viện, nhưng khi đến Cři Banoy thì một phần đại-binh Tàu và vị Tổng chỉ-huy đã bỏ về Trung-Quốc rồi.

Trong khi đó, Triều-dình Chăm vẫn rút trên núi hiểm-trở, lo chính bị quân-cơ.

Tuy nhiên, nhận thấy xứ-sở đã quá cơ-cực vì chiến chinh, Indravarman V sau cùng đã phái vài phái-đoàn sứ-giã sang Trung-Quốc cầu hòa và hứa sẽ triều-cống mỗi năm.

Dù vậy, Trung-Quốc vẫn cương-quyết cử đại-binh chinh phạt Chiêm-Thành. Nhưng lần này thì tính dùng Bộ-binh, tức phải đi ngang qua lãnh-thổ Đại-Việt, và cần phải nhờ Đại-Việt tiếp-tế lương-thực mới được.

Trong khi đó, Vua Trần-Nhân-Tôn, cũng như Indravarman V đã nhứt quyết không chịu dích-thân sang Trung-Quốc triều-cống, nên vẫn ngại Trung-Quốc sau khi hoàn-tất cuộc chinh-phạt Chiêm Thành, lại lợi-dụng lợi-thế đóng quân, trở lại đánh chiếm Đại-Việt luôn.

Mặt khác, bang-giao Chiêm-Thành và Đại-Việt lúc đó đã diễn ra êm đẹp ; Indravarman V vẫn thường gửi lễ-vật tặng Trần Nhân-Tôn và đặc-biệt năm 1282, Triều-dình Đại-Việt đã nhận một Bạch-tượng của Chăm.

Những sự-kiện trên khiến Đại-Việt thêm cương-quyết không cho Trung-Quốc kéo quân qua lãnh-thổ mình.

Mặc dù quân Đại-Việt đã đóng thủ ở các điểm sung-yếu, Đại-binh Tàu nhờ phân tán thành những toán nhỏ, vẫn lọt được vào nội-địa Đại-Việt, vượt Lô-Giang, tiến chiếm kinh-dô thời đầu năm 1285.

Tháng 4 âm-lịch, Vua Trần-Nhân-Tôn từ miền núi xua quân phản-công, đánh bại quân Tàu tại Thanh-Hóa và đuổi chúng khỏi bên kia bờ Lô-Giang.

Một đạo quân Tàu khác đồn-bộ tại Champa, không hay biết cuộc thất-trận này, nên vẫn tiến lên miền Bắc, thỉnh-linh bị quân Đại-Việt chặn đánh tan-tác.

Nhờ đó, Vương-Quốc Chàm thoát qua sự quấy-nhiều của quân Mông-Cò ; các đoàn quân này phải tiêu-hao rất nhiều quân-sĩ và rút lui không thu-hoạch được một cái gì đáng kể.

Muốn cho họ không trở lại nữa, Indravarman V buộc lòng phải phái một sứ-giã sang Trung-Quốc triều-cống ngày 6 tháng 10 năm 1285, cùng một lượt với Sứ-giã Cam-Bốt, mang theo mười nhạc-sĩ, nhiều thảo-độc, da cá sấu và vật-phẩm quý giá.

Năm 1288, nhà thám-hiềm Marco Polo đã có viếng xứ Chàm và có ghi-chú một tập-lục lạ-lùng của xứ Chàm thời đó :

Trong Vương-Quốc, các cô gái chỉ được lấy chồng, sau khi đã diện-kiến nhà Vua. Trong cuộc diện-kiến này, nếu nhà vua đẹp ý, thì cô gái sẽ lưu lại trong cung ; bằng ngược lại, nhà Vua sẽ tặng một món vật làm của hồi-môn cho cô gái đi lấy chồng.

Marco Polo đã thấy vua Chàm có đến 326 người con kể cả trai lẫn gái, trong số có lỗi 150 người đã đến tuổi đánh giặc được. Trong Vương-Quốc, cũng có rất nhiều voi cùng hương-trầm và gỗ quý.

Khi Marco Polo ghé qua xứ Chàm thì Vua Indravarman V, qua những gian-lao chống Mông-Cò, đã khá già yếu và đã mất một ít lâu sau đó.

Ngôi vua được truyền cho người con là **Thế-Tử Simhavarman III** sử Việt chép là **Chế-Mân** có lẽ do chữ **Gri (Chế)** và âm-vận « Man » cuối chữ Simhavarman.

Năm 1292, một đoàn thuyền quân Mông-Cồ có đi ngang bờ biển Chăm, đề tiện đánh Java, vì những lời nhục-mạ của xứ này đối với sứ-giã nhà Nguyên và đồng-thời đề khắc-phục luôn các xứ nhỏ bé vùng đảo Sumatra.

Simhavarman III đã có thái-độ cứng-rắn nên tránh được một cuộc đồ-bộ của quân Mông-Cồ lên đất Chiêm-Thành.

Về phái Đại-Việt năm 1301, Vua Trần-Nhân-Tôn truyền ngôi cho con là Trần-Anh-Tôn và ra tu ở núi Yên-Tử. Liên-lạc ngoại-giao lúc ấy với Chiêm-Thành rất thưa-thớt. Năm 1301, nhân có đoàn sứ giả Chăm sang dự lễ Trần-Anh-Tôn lên ngôi, Thượng-Hoàng tức Trần-Nhân-Tôn bèn thực-hiện ý-định từ lâu là sang viếng các vùng đất thiêng Vương-Quốc Chăm.

Thượng-Hoàng đã lưu lại Triều-dinh Chiêm-Thành 9 tháng và trước sự tiếp-đãi nồng-hậu của Vua Jaya Simhavarman III, đã hứa gả cho Chiêm-Vương một đứa con gái của mình.

Simhavarman III lúc đó đã có vợ chính-thất, công-chúa xứ Java tức Hoàng-Hậu Tapasi, nhưng nay lại muốn cưới thêm một Công-Chúa Đại-Việt nữa. Cuộc cưới gả này đã gây bất-bình trong dân chúng ở cả Đại-Việt lẫn Champa và có lẽ đó là một phương-thức duy trì hòa-bình giữa hai nước, nhưng dù sao thì Champa cũng đã trả giá khá đắt về chính-sách liên-kết này.

Cho mãi đến 1305 người ta vẫn còn thương-lượng : Triều đình Đại-Việt cũng tìm mọi cách ngăn cản lần cuối, nhưng Simhavarman III đã sai Chế-Bồ-Đầy mang lễ-vật sang Đại-Việt gồm nhiều vàng bạc, hương quý, vật lạ làm lễ cầu-hôn... Vua Trần Anh-Tôn quyết giữ lời hứa của Thượng-Hoàng, đã cho đưa Huyền-Trân Công-Chúa sang Champa.

Huyền-Trần Công-Chúa sau đó được Chiêm-Vương ban tước Paramesvāri (1).

Đúng như lời hứa, Champa đã phải nhượng cho Đại-Việt hai Châu ở Bắc-bộ Đèo Hải-Vân là Châu Ô và Châu Lý. Theo Khâm-Định Việt-Sử, Thuận-Châu gồm các Huyện Đăng-Xương (*tức Thuận-Xương thuộc quận Triệu-Phong tỉnh Quảng-Trị*), còn Hóa Châu là các Huyện Phú-Vang, Phú-Lộc tỉnh Thừa-Thiên và các Huyện Diên-Phước, Hòa-Vang tỉnh Quảng-Nam.

Năm 1307, Vua Trần-Anh-Tôn sai Đoàn-Nhữ-Hải đến cai trị vùng đất mới này và đã cho đổi địa-danh lại là Thuận-Châu và Hóa-Châu, nhưng nhiều thôn xã Chăm không chịu nhận sự thống-trị của Đại-Việt. Đề lấy lòng họ, nhà cầm-quyền Đại-Việt đã phải cấp-phát ruộng đất và dõ miễn 3 năm thuế cho dân-chúng.

Simhavarmān III đã không sống được lâu để tận hưởng những thú vui bên cạnh Công-Chúa Đại-Việt.

Trước khi mất vào mùa hạ, tháng 5 (1307), Simhavarmān III đã cho xây đền Pô Klong Garai tại Phan-Rang (2) và đền Pô Yang Prong tại Darlac (3).

Được báo tin, Vua Trần-Anh-Tôn lật đặt sai Trần-Khắc-Chung lúc đó giữ chức Hành-Khiển tại triều, cùng một đoàn tùy-tùng sang Chiêm-Thành rước Huyền-Trần Công-Chúa về nước. Đây là một

(1) E. AYMONIER. *L'Inscription Chame de Po Sah. Bull. Comm. Arch. Indochine*, 1911, p. 15.

(2) H. PARMENTIER, *Inventaire descriptif des monuments Chams*, I, pp. 81-95.

(3) *Ibid.*, pp. 557-559.

sứ-mạng hết sức khó-khăn và tế-nhị, vì theo tập-tục Chiêm-Thành thời ấy, bắt buộc Hoàng-Hậu phải tự-thiếu cúng trên giàn hỏa của Vua, đề cụng chồng về bên kia thế-giới. Trần-Khắc-Chung đến Chiêm-Thành, tuyên-bố là đề dự lễ hỏa-táng và nhờ khéo thuyết-phục, đã có thể đưa Huyền-Trần Công-Chúa ra bờ biển và lên xuống thuyền, trưng buồm về Đại-Việt.

Nhiều giai-thoại cho rằng giữa Trần-khắc-Chung và Huyền-Trần Công-Chúa đã có những liên-hệ tình-cảm từ trước, nên đã tư-thông với nhau trên đường về.

Ngoài ra, thuyền về lại bị ngược gió quanh-quất trên biển nên cuộc hành-trình đã lâu hơn dự-định và một năm sau mới về đến Đại-Việt.

Theo Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư, Huyền-Trần Công-Chúa về đến Thăng-Long ngày 18, mùa thu, năm Hưng-Long thứ 16 tức 1308 ; Vua Anh-Tôn đã ra lệnh đưa 300 người Chăm, đi theo Huyền-Trần, quay về nước bằng đường thủy.

Theo Khâm-Định Việt-Sử, quyền 8, Hưng-Nhượng-Vương là Quốc-Tạng rất ghét chuyện tư-thông của Trần-Khắc-Chung, nên hề thấy Trần-Khắc-Chung ở đâu thì mắng rằng : *« Họ tên người này không tốt, có lẽ nhà Trần mất vì người này »*.

Trần-Khắc-Chung hoảng sợ đã đi ẩn một nơi không ai rõ.



CHƯƠNG THỨ SÁU

Vương - Quốc Chăm từ 1307 đến khi rời bỏ thành Vijaya 1471 Tây-Lịch

Dự-định liên kết của Jaya Simhavarman III, với Đại-Việt bị thất bại, mặc đầu người Chăm đã phải hy-sinh 3 châu ở Bắc-Bộ Đèo Hải-Vân.

Sau khi Jaya Simhavarman III mất, cuộc phân-tranh giữa Champa và Đại-Việt tiếp-tục đề sau cùng cán cân nghiêng hẳn về phía Đại-Việt.

Có thể chia cuộc chiến ấy thành 3 thời-kỳ :

1) Từ 1307 đến 1342 Tây-Lịch : Vương-Quốc Chăm bị lệ-thuộc vào Đại-Việt, sau đó tái-lập được nền tự-chủ vào năm 1366.

2) Từ 1342 đến 1390 Tây-Lịch : một cuộc eđời dậy cuối cùng của người Chăm suýt làm Đại-Việt nguy-vong, nhưng lại được cứu-vãn nhờ một sự bội-phản trong hàng-ngũ Chăm.

3) Từ 1390 đến 1471 Tây-Lịch : người Chăm không thể lợi-dụng việc nhà Minh đánh chiếm Đại-Việt, nhiều cuộc nội-loạn đã làm yếu Vương-Quốc và khi cuộc chiến tái-phát thì Champa không còn khả-năng chống đỡ nữa.

1307 — 1342



AYA SIMHAVARMAN III mất, đã truyền ngôi cho con là Hoàng-Tử Harijitatmaja (con của Hoàng-Hậu Bhaskaradevi) năm 1307, lúc được 33 tuổi (1). Bia khắc Pô Sah (Bình-Thuận) năm 1306 (2) cho biết rõ về cuộc sống của vị vua này. Sinh năm 1274, Harijit đã được ban tước Taval Sura Adhikavarmān năm 1298 và 2 năm sau thì được giao cho cai-trị Mandalika... (địa-danh không đầy đủ) sau khi Vương-Quốc đã được phân chia từ con sông Vok cho đến Bhumana Vijaya (chưa rõ ở đâu). Năm 1305 còn nhận thêm tước Pô Lyan Uddhrtā Simhavarmān và năm sau chắc là còn thêm tước Pô Lyan Mahendravarmān nữa. Vì thiếu hiểu biết về địa-danh xưa, nên người ta không định được vị-trí của vùng đất nhượng cho Harijitatmaja, cả đến những tước-vị ban cấp cũng chỉ chứng-tỏ một thứ uy-quyền như các Hoàng-Tử khác, nhưng không thể căn cứ vào đó để quyết-đoán rằng Harijitatmaja đã lên ngôi với danh hiệu **Simhavarmān** như G. Maspero đã gán cho được. Sử Việt Nam đã chép là Chế-Chi, Chế-Chi, Tác-Chi..., những danh-hiệu này khó mà đối-chiếu với những danh-hiệu Chăm viết bằng phạn ngữ.

Ngoài ra, người ta cũng không chắc Chế-Chi đã chịu lễ «abliseka» trong thời-gian trị-vì ngắn-ngủi của mình.

(1) MASPERO, trong *Le Royaume de Champa*, trang 123, nói là 23 tuổi, nhưng Jean Boisselier, trong *La Statuaire du Champa*, trang 350 cho là có sự lầm lẫn và phải 33 tuổi mới đúng.

(2) E. AYMONIER, *Inscription de Po Sah*, JA 1891, p. 62.

Chế-Chi, mặc-dầu đã chịu thần-phục Vua Trần-Anh-Tông ngay từ khi lên ngôi, sau đó cũng không khỏi bị xem như thường tỏ ra «bất-phục», một phần có lẽ vì hai châu Ô và châu Lý luôn luôn rục-rịch vì bị sáp-nhập vào Đại-Việt. Năm 1312, Chế-Chi đã được mời đến triều-dình Đại-Việt, nhưng một cuộc kháng-cự trong quân-đội Chăm đã đưa đến kết-quả là Chế-Chi phải bị bắt giải về kinh-đô Đại-Việt.

Vua Trần - Anh - Tông đã chỉ - định một người em của Chế-Chi, sử Việt gọi là **Chế Đà-Bà-A-Niêm**, lên cầm quyền.

Chế-Chi mất vào đầu năm 1313 tại Hành - cung Gia-Lâm và đã được hỏa-táng theo tục-lệ Chăm.

Trung-Quốc tỏ ý không bằng lòng về thái-độ của Đại-Việt đối với Champa, nhưng Vua Trần - Anh - Tông vẫn giữ lập trường và đã chống giữ Champa trước sự xâm - lăng của quân Xiêm.

Trong khi đó, ngôi Vua Chăm vẫn thuộc Chế Đà-A-Bà-Niêm (từ đó, sử sách Việt gọi là **Chế-Năng**). Qua đến đời Vua Trần-Minh-Tông (1314-1329), Chế-Năng định lợi-dụng thời-cơ thuận-tiện, thử xua quân tái-chiếm châu Ô và châu Lý, nhưng cơ mưu bất thành, vì chỉ đánh bại được đạo quân của Lý-Tất-Kiến và sau lại phải thua trận trước quân binh Phạm-Ngũ-Lão. Do đó, Chế-Năng đã phải ần trốn sang xứ Java vào năm 1318.

Việc ần trốn của Chế-Năng sang Java một lần nữa chứng tỏ rằng Champa thời trước có những quan - hệ thường xuyên với xứ này.

Người ta còn nhớ Chế-Mân tức Jaya Simhavarman III trước có cưới công-chúa xứ Java tức Hoàng-Hậu Tapasi và Chế Đà-A-Bà-Niêm chắc là con của vị Hoàng-Hậu này.

Vua Trần-Minh-Tông (*triều-đình Đại-Việt, có lẽ đúng hơn, vì khi lên ngôi năm 1314, Trần-Minh-Tông chỉ mới có 5 tuổi*) bèn đưa lên ngôi Vua Chiêm-Thành, với tước-vị Phó-Vương, một tướng-lãnh Chăm, Sử Việt gọi tên là **Chế A-Nan**. Đại-Việt, do đó, lại tiến lên một bước trong việc thôn-lĩnh Chiêm-Thành. Nhưng đến lượt Tướng này lại cũng chờ thời-cơ thuận-tiện để vùng thoát khỏi ách thống-trị ngoại-bang, cho nên đến năm 1322, đã nhờ Trung-Quốc hậu-thuần để lưu-ý Vua Đại-Việt « tôn-trọng lãnh-thổ Chăm » (1324).

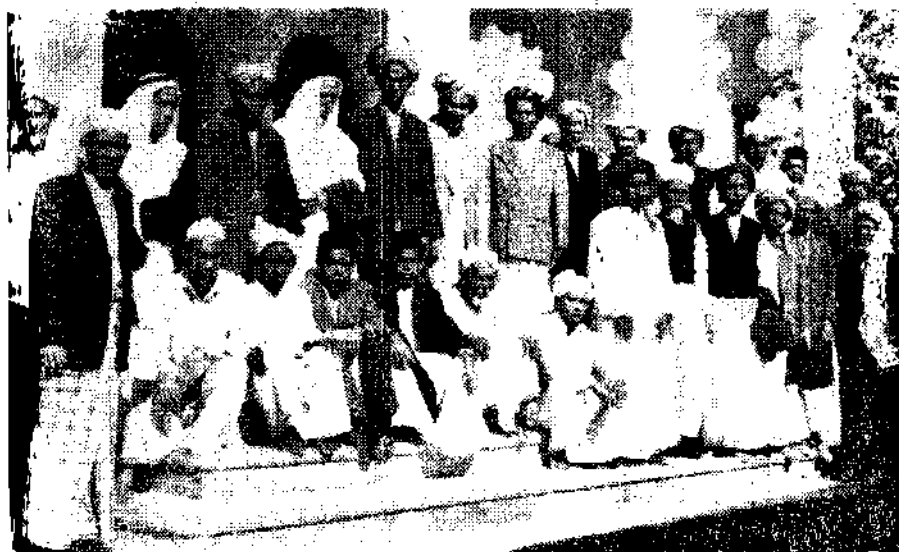
Hai năm sau, nhờ đánh bại được quân Đại-Việt, Chế A-Nan đã khôi-phục lại được nền độc-lập cho xứ sở và chấm dứt mọi nghĩa-vụ chư-hầu đối với Đại-Việt.

Sau đó, Chế A-Nan đã tiếp-tục gửi sứ sang triều-cống Trung-Quốc nhưng năm 1330, có lẽ thừa lúc Trung-Quốc suy yếu dường như cũng lại tỏ ra lơ-là. Một vị Linh-Mục Dòng Phan-xi-Cô tên Odoric de Pordenone (1) có dịp ghé qua Champa dưới triều Vua này, đã có dành một đoạn trong tập ký-sự, cho biết người dân sống an vui và đã ước-doán rằng Vua Chăm lúc ấy ít ra cũng có 200 người con, vì có rất nhiều vợ và hầu-thiếp. Linh Mục cũng ghi nhận rằng dọc theo bờ biển Chăm, có rất nhiều đoàn cá và đáng chú-ý nhất là tập-tục thiêu luôn người vợ trong cuộc hỏa-táng của người chồng, cho rằng làm như vậy, vợ chồng được thủy-chung và sẽ được kề-cận bên nhau ở bên kia thế-giới.

(1) *Le Voyage en Asie au XIV^e siècle du bienheureux frère Odoric de Pordenone*, éd. Cordier, p. 197.



Ha-Kim Ma-Ly, Chủ-Tịch Hội-Đồng Tinh-Thần Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc, đang chào mừng Phái-đoàn Chánh-quyền thăm viếng đồng-bào Chàm Châu-Giang. **Trung-Tá Lý-Bá-Phẩm**, Tinh-Tướng Châu-đốc, đội mũ Chàm, ngồi ở góc phải, bên cạnh phụ-nhơn.



Các chức-sắc Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc đang tề-tựu nhơn ngày lễ ro-ya. Vị đứng cực-phải mặc áo đen dài là **Ha-ji Châu-Thành-Tâm**, một thời làm danh trong giới lãnh-dạo Chàm Châu-Đốc.

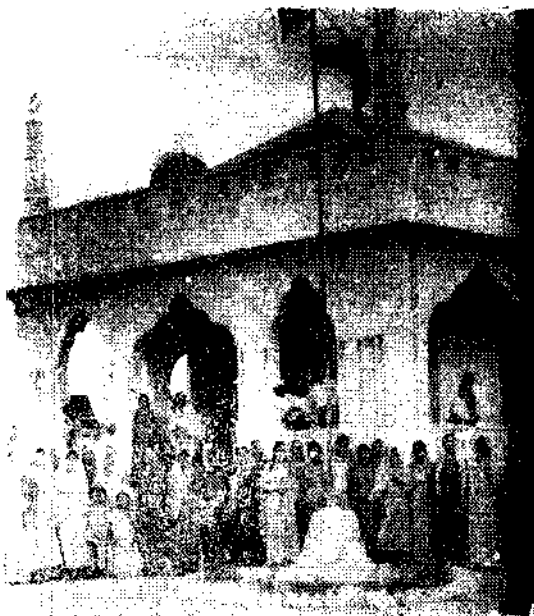


Ban Quản-Trị Trung-ương Hiệp-Hội Chàm Hồi-Giáo Việt-Nam

★



Ông Ha-ji Mach-Salies
đương-kim Phó-Tổng
(Chàm) Quận An-Phú
(Châu-Độc). Phía sau
là Ông Ha-ji Amath.



Thánh-đường Chàm "Hồi-Giáo mới xây
cất tại Phước-Nhơn dưới quyền bảo-trợ
của Hiệp-Hội Chàm Hồi-Giáo Việt-Nam

UY-DANH CHẾ-BÔNG-NGA

Theo tập-tục lâu đời, dường như Chế A-Nan khi còn sống đã giao việc triều-chính cho Thái-Tử Chế-Mồ (1) còn người con rề là Trà-Hòa thì làm Tề-Tướng, nhưng khi Chế A-Nan băng-hà thì **Trà-Hòa** nổi lên cướp lấy ngôi Vua và gấp rút phái Sứ-giá sang Đại-Việt báo tin Chế A-Nan đã mất.

Người kế-nghiệp chính-thống là Chế-Mồ đã chống lại việc tiếm-ngôi của người em rề và đã tranh-dấu suốt mười năm trời, nhưng cuối cùng bị thua trận và phải di trốn và cầu-viện ở triều đình Trần-Dụ-Tông (1346).

Thừa dịp này, Đại-Việt đòi hỏi triều-dình Chăm về việc triều-cống, nguyên đã bị ngưng từ 1326 và chỉ giúp cho Chế-Mồ về quân sự vào năm 1353.

Đoàn quân xuất-chinh Đại-Việt không gặp đoàn thuyền tiếp tế ở Cồ-Lủy như đã dự-định, nên không mang lại kết-quả gì cả. Chế-Mồ đành quay trở lại đất Đại-Việt và mất ở đây một ít lâu sau.

Cuộc hành-quân đang-dờ này thêm những khó-khăn ngày càng to lớn của nhà Trần đã thúc-đẩy Trà-Hòa thử kéo quân tái chiếm châu Ô và châu Lý, trước đã do Simhavarman III nhượng

(1) Jean BOISSELIER, không đồng-ý với G. MASPERO cho rằng Chế A-Nan đã giao cho rề của mình trách-vụ quan-trọng hơn **Thế-Tổ**, vì là Trà-Hòa chỉ mang tước-vị « **Bồ-đề** » tức Tề-Tướng, còn Chế-Mồ là « **Bồ-diễn** » tức Đại-Vương.

lại Đại-Việt. Nhưng quân Chăm đã chịu thất bại ngay trận đầu tiên ; từ đó, Trà-Hòa không còn nghĩ đến việc tái-chiếm 2 châu kia nữa và đã mất vào năm 1360.

Lịch-sử Chăm đến đây bắt đầu bước vào một triều-đại mới với sự xuất-hiện của **Chế-Bồng-Nga**, chói rạng chiến-công hiển-hách.

Người ta không được rõ về gốc tích của Chế-Bồng-Nga, sử sách Việt thì chỉ ghi chú vào năm 1376 mà thôi.

E. Aymonier (1) đã cho Chế-Bồng-Nga chính là nhân-vật Binásuor tức Chế Banguor (*Hoàng-Tử Hoa*) trong truyện thần thoại đuổi-giặc của Champa.

Sử Trung-Quốc cho biết, năm 1369, Chế-Bồng-Nga đã được phong làm Vua Chăm, nhưng đó chỉ là niên-hiệu nhà Minh nhìn nhận một sự việc đã có từ trước mà thôi.

G. Maspero, nhận thấy những cuộc chiến-thắng của Champa bắt đầu từ năm 1361, nên có ý-kiến là Chế-Bồng-Nga đã lên ngôi vào lối năm 1360. G. Maspero đã trình-bày triều-đại Chế-Bồng-Nga dưới nhan-đề « **Tuyệt-đỉnh** » (*Apogée*) tiêu-biểu sự chói sáng, sự lớn mạnh cùng-tột của Vương-Quốc Chăm, khiến Đại-Việt khiếp-dâm, Trung-Quốc kiêng-dè.

G. Maspero đã dành nhiều trang giấy để phân-tách những thắng lợi của Chế-Bồng-Nga, vị anh-hùng của dân-tộc Chăm.

(1) E. AYMONIER, *Légendes Historiques des Chams (Excursions et reconnaissances, XIV, n° 32)* et *Grammaire de la langue Chame (Excursions et reconnaissances, XIV, n° 31)*.

Năm 1361, Chế Bồng-Nga đột-ngột xua quân sang Đại-Việt tiến-chiếm hải-cảng Đà-Lý (thuộc xã Lý-Hòa, huyện Bồ-Trạch), các toán quân Việt giữ thành bỏ chạy, quân Chăm tàn-phá thành phố và các vùng lân-cận, giết hại nhiều người rồi xuống thuyền ra khơi, mang theo rất nhiều của-cải.

Dù-Hoàng liền sai Tri-phủ Lâm-Bình là Phạm-A-Song, tồ chức phòng-thủ Đà-Lý, nhưng năm sau, quân Chăm lại tái-diễn cuộc cướp phá Hóa-Châu nữa.

Vua Đại-Việt phải phái Đỗ-Tư-Bình gay-dụng lại những đồn nát và thị-sát quân-đội tại Lâm-Bình và Thuận-Hóa.

Trong 2 năm, dân-chúng vùng này được sống yên-đàn, nhưng đến năm Ất-Tị trong khi nam-thanh nữ-tú đang vui xuân thì quân Chăm vốn đã mai-phục sẵn từ mấy ngày trước trên những ngọn đồi lân-cận, đột-ngột ào xuống, bắt tất cả trai gái rồi trưng-buồm ra khơi.

Năm sau, tức 1366, quân Chăm lại tấn-công Lâm-Bình, nhưng lại bị Phạm-A-Song đang chực sẵn, đánh bại.

Vì quân Chăm cứ đánh phá mãi, nên vào đầu năm 1368 Trần-Thế-Hung đã cùng Đỗ-Tư-Bình nhận lệnh thống-lãnh quân binh tiến đánh Champa.

Đoàn quân Việt vừa khởi-hành thì một Sứ-giã Chăm tên Mục Bà-Ma cũng vừa đến xin chịu nhượng lại đất Hóa-Châu. Vì sứ-giã này đã bị từ-chối khéo, nhưng Chế Bồng-Nga nhờ dịp đó, được thông báo kịp thời, đã chặn đánh Việt-quân tan-tác tại Chiêm-Động (Quảng-Nam bây giờ). Trần-Thế-Hung bị bắt làm tù-binh, còn Đỗ-Tư-Bình gom-góp số tàn-quân rút lui vào lối cuối năm 1368.

Tại Trung-Quốc, một năm sau khi lên ngôi, vua Thái-Tổ nhà Minh liền chỉ-thị cho các nước chư-hầu lo việc triều-cống.

Chế Bồng-Nga liền gửi sang triều-dinh nhà Minh nhiều voi, cạp và sản-phẩm của Champa. Hoàng-đế nhà Minh ưng-ý bèn sai một vị đại-thần cùng sứ-giả Chiêm-Quốc đến Champa trao cho Chế-Bồng Nga chiếu-chỉ phong Chiêm-Vương, một cái ấn, ba ngàn tấm lịch và bốn mươi thê lụa đủ màu.

Năm 1370, Chế Bồng-Nga còn phái sang Trung-Quốc một phái đoàn sứ-giả nữa. Cũng trong năm này, Hoàng-đế nhà Minh lại cho người sang Champa dự lễ tế thần núi, thần sông và tổ-chức cuộc thi cho các môn-sinh, đồng-thời truyền cho cả Champa và Đại-Việt bãi bỏ mọi việc chiến-chinh và sống với nhau thuận-hòa.

Năm 1371, thừa lúc Đại-Việt có nội-loạn do việc Dương Nhật-Lê tiến-ngôi (1369-1370), Chế Bồng-Nga cử quân tiến đánh kinh-đô Đại-Việt, qua ngõ hải-cảng Đại-An, vào đến Hà-Nội không gặp phải khó-khăn gì cả. Triều-dinh Đại-Việt bỏ chạy về Đông Ngạn (Bắc-Ninh), quân Chăm vào chiếm các đền-đài và phá-hủy tất cả tài-liệu.

Mặc-dù cuộc chiến-thắng này, năm sau, Chế Bồng-Nga cũng xin Trung-Quốc cung-cấp quân-trang, quân-cụ với danh nghĩa là đề tự bảo-vệ chống nước láng-giềng, nhưng Trung-Quốc không thỏa-mãn lời yêu cầu này.

Cùng lúc đó, dọc theo bờ biển, bọn cướp thường quấy-nhiều thuyền tàu, Chế Bồng-Nga liền huy-dộng lực-lượng truy-nã chúng bắt được 20 chiến-thuyền cùng bảy mươi cân gỗ quý và gửi sang biểu Hoàng-đế Trung-Quốc.

Năm 1373, Đại-Việt chuẩn-bị đánh Champa và cho đóng nhiều chiến-thuyền, nhưng mãi đến năm 1377, đoàn quân mới lên đường được. Một đạo quân đã dùng đường bộ nương theo bờ biển, các chiến-thuyền đồ-bộ tại Cù-Banai, hải-cảng Vijaya (*Thị-Nại-Cảng*).

Quân lính vừa nhìn thấy Chà-Bàn đã được rào kín, thì một người Chăm đến trình-diện Trần-Duệ-Tôn và báo cho biết thành nay bỏ trống, Vua Chăm đã chạy trốn rồi.

Mặc-dù có lời can-gián của Đại-Tướng Đỗ-Lễ, xin đưa quân thám-thính trước, nhà Vua Đại-Việt vẫn cương-quyết lên ngựa bạch đốc thúc quân thẳng tiến. Quân Chăm bỗng xông ra thỉnh lĩnh chặn đường, nhà vua bị giết, quân-binh Đại-Việt mất hàng ngũ bỏ chạy tán loạn.

Thừa dịp này, Chế Bồng-Nga xua quân tiến thẳng Hà-Nội đánh phá một lần nữa.

Chế Bồng-Nga có gả một người con gái cho một tù-bính của mình là Ngự-Cầu Vương-Sức. Năm 1378, vị này đã được đưa về Nghệ-An và cho cai-quản vùng này.

Sau đó, quân của Chế Bồng-Nga tiến chiếm kinh-dô một lần nữa và quay về, mang theo rất nhiều chiến-lợi-phẩm.

Năm 1380, Chế Bồng-Nga lại cho quân tấn-công Hà-Nội sau khi tuyển thêm binh tại Tân-Bình, Thuận-Hóa và tàn-phá Nghệ-An, nhưng đến Thanh-Hóa thì bị quân Đại-Việt chặn lại. Dầu vậy, Chế Bồng-Nga vẫn còn làm bá chủ tại Thuận-Hóa, Tân-Bình và Nghệ-An.

Năm 1382, quân Đại-Việt đánh bại quân Chăm ở Thanh Hóa, nhưng lại không thể khai-thác cuộc chiến-thắng của mình.

Liệu bề không đánh thắng được về đường biển, Chế Bồng Nga bèn cùng Tướng Lã-Khai hoạch-dịnh tiến quân theo đường núi, từ phía Bắc đánh xuống. Quân Chăm xuất-hiện bất thần đã cho voi dày lên quân Đại-Việt, nhà Vua phải bỏ trốn về Đông Ngạn và Chế Bồng-Nga đã lưu lại nhiều tháng (1383-1384) tại kinh-dô Đại-Việt.

Vào năm 1386, nhà Minh dường như dự-tính can-thiệp vào cuộc chiến đứng về phe Đại-việt nên đã tỏ ra không thiện cảm với các sứ-giã Chăm, nhất là từ khi nhận được tin quân Chế Bồng-Nga đã chặn lấy mất một phần tư số voi do Cam-Bốt gởi sang triều-cống Trung-Quốc, khi đi ngang qua đất Chăm. Hoàng-đế nhà Minh đã tỏ ý cho Đại-Việt rõ, muốn tiến binh chinh-phạt Champa, nhưng Đại-Việt có vẻ không sốt-sắng với dự-dịnh này, e rằng một khi quân Tàu đã sang Đại-Việt rồi thì mục-tiêu sẽ hướng sang ngã khác. Cùng trong lúc đó, tình-hình chính-trị tại Đại-Việt không được yên, nhiều cuộc nội-loạn đã xảy ra ở các địa-phương và người Chăm lại tiến lên xâm-nhiều Đại-Việt một lần nữa.

Tại Thanh-Hóa, một người tên Nguyễn-Thanh tự xưng là Phế-Đế, còn tại Nông-Cống thì một người khác cũng tụ-tập binh đội nổi lên... Lê-Quý-Ly điều-động quân chinh-phạt thì bỗng nhận được tin quân Chăm cũng vừa đến nơi và vừa qua khỏi làng Cồ Vã. Lê-Quý-Ly bèn dùng các chiến-thuyền kéo lên bờ làm thành-lũy và cho quân đồn-trú bên trong đội gần cả hai mươi ngày.

Cùng lúc ấy, Chế Bồng-Nga cho đắp một cái đập ngang con sông Lương, phía trên cao hơn chỗ Lê-Quý-Ly đóng quân. Công việc xong xuôi, Chế Bồng-Nga lập kế nghi-binh cho giấu quân lính và đoàn voi, làm ra tuồng như thu-xếp hành-lý để quay trở lại đất Chăm.

Lê-Quý-Lý đã mắc phải mưu này và đã cho quân rời khỏi nơi ăn-núp ào-ạt tràn ra định đuổi theo quân Chăm nhưng vừa lúc ấy, quân Chăm quay trở lại, quân Đại-Việt không kịp vào các địa điểm phòng-thủ, đã bị tàn-sát.

Đồng-thời, Chế Bồng-Nga chèo phá đập, nước bị ngăn lâu ngày, tràn xuống làm đắm một phần lớn chiến-thuyền Đại-Việt, Lê-Quý-Lý bỏ chạy, Trần-Khắc-Chân được lệnh ra chặn đánh quân Chăm, nhưng oai-danh của Chế Bồng-Nga gây nhiều khiếp-dâm trong quân-cơ, nên đến lượt Trần-Khắc-Chân cũng phải rút về sông Hải-Triều (*Hưng-Yên*).

Cùng lúc đó, một nhà sư tên Phạm-Sư-Ôn cùng một số bộ-hạ chiếm lấy Kinh-dô khiến Vua Đại-Việt phải bỏ trốn và triệu hồi Tướng Huỳnh-Thế-Phượng đang đánh nhau với quân La-Khải.

Tình-thế rất nguy-kịch và ai cũng tưởng quân Chăm sẽ chiếm-dóng toàn cõi Đại-Việt một cách nhanh chóng.

Người, em út của Vua Đại-Việt là Nguyễn-Diệu, bèn đem tất cả thân quyến sang hàng Chế Bồng-Nga với hy-vọng rằng khi đã đánh chiếm xong thì Chế Bồng-Nga sẽ giao cho mình cai-trị Đại-Việt.

Đột-nhiên, một sự việc xảy ra đã làm đảo-lộn thế cờ.

Nguyên khi thuyền của Chế Bồng-Nga cùng Nguyễn-Diệu đang tiến tới trước giữa hàng trăm chiến-thuyền đề-dò xét thực-lực của địch-quân thì một trong những sĩ-quan cấp dưới, nhân vừa bị khiển-trách và sợ có thể nguy hại đến tánh-mạng đã bỏ sang hàng-ngũ Đại-Việt. Nhân dịp này, y đã báo cho Trần-Khắc-Chân biết thuyền của Chiêm-Vương đặc-biệt sơn màu xanh và hiện Chế Bồng-Nga đang có mặt trên chiến-thuyền này để chỉ-huy trận-tuyến.

Được tin, Trần-Khắc-Chân tức-khắc ra lệnh tập-trung lực lượng nhắm vào thuyền Chế Bồng-Nga.

Bị vây tứ phía, Chế Bồng-Nga bị một loạt súng hỏa-mai bắn trúng và ngã gục.

Nhận thấy tình-thế đã đổi thay, Nguyễn-Diệu nhanh tay cắt lấy thủ-cấp Chế Bồng-Nga và cho thuyền lái gấp hướng về phía đội-ngũ Đại-Việt.

Quân Chăm thấy mất chủ-tướng bèn đánh tháo nhập vào đại-binh đang đặt dưới quyền chỉ-huy của Lê-Khải (tháng hai năm 1390).

Nguyễn-Diệu định đem thủ-cấp Chế Bồng-Nga dâng lên Vua, nhưng lại bị một viên tướng Đại-Việt chém đầu.

Nhà Vua Đại-Việt đã vô cùng sửng-sốt trước cái chết của Chế Bồng-Nga, nhưng sau khi được trình rõ sự việc, đã vui nhận lấy thủ-cấp của kẻ thù và đã tự ví mình đứng nhìn Chế Bồng-Nga ngày nay cũng như Hồn-Cao-Tổ ngày xưa trước Hạng-Vô.

Lịch-sử Champa vừa lật sang một trang mới.

Một sự tình-cờ trong trận chiến đã cướp mắt của dân-tộc Chăm một danh-tướng, một nhà lãnh-đạo tài-ba, đã nỗ-lực tạo sức mạnh cho nòi giống Chăm.



1390 — 1471

Chế Bồng-Nga mất, Tướng Lã-Khải rút quân về nước, cho binh lính di-chuyển ngày đêm và chỉ được phép ngừng để nấu cơm mà thôi. Dù vậy, quân Đại-Việt cũng rút theo kịp, nhưng sau đó lại bị Lã-Khải dùng đoàn voi chặn lại nên buộc phải quay về.

Về đến Champa, **Lã-Khải** tự xưng Vương, 2 người con trai của Chế Bồng-Nga là Chế Mã-Nô Đà-Nan và Chế San-Nỗ trốn sang đất Đại-Việt ẩn-náu và đã được ban cấp-tước Hiệu-chánh và A-hầu, nhưng không được giúp đỡ để chiếm lại ngôi báu.

Việc làm đầu-tiên của Tân-Vương Lã-Khải là cho gọi người sang Trung-Quốc triều-cống năm 1391, nhưng triều-đình Trung Quốc không nhận vì không được rõ trường-hợp Lã-Khải lên ngôi thế nào, nhưng đến năm 1397, thì được nhận.

Theo những bản văn Chàm do L.Finot nghiên-cứu thì Lã-Khải được nhận là **Jaya Simhavarmadeva Sri Harijattivirasimha Campapura**, « đã trị-vì mười hai năm tròn ».

Cứ theo bia khắc, do người con của Lã-Khải lưu lại, mang niên-hiệu 1401, thì Jaya-Simhavarmadeva tự Lã-Khải có lẽ đã mất cùng năm ấy. G. Maspero đã đề-nghị là năm 1400, nhưng Jean Boisselier không đồng-ý, cho rằng 1401 mới đúng và có như vậy thì năm khởi đầu triều-đại do sử-liệu Việt-Nam là 1390, mới thích-hợp.

Dường như dân-chúng rất ít thần-phục Lã-Khải, một số đã ăn trốn để tránh chế-độ độc-đoán của kẻ tiếm-ngôi.

Về phía Đại-Việt, do những kinh-nghiệm qua, đã cho củng cố lại hệ-thống phòng-thủ vùng biên-giới Tân-Bình và Thuận-Hóa và thỉnh-thoảng tiếp đón một vài nhân-vật Chăm không chấp-nhận chế-độ Lã-Khải.

Vào lúc Jaya Simhavarman Lã-Khải mất, thì ở Đại-Việt, cũng vừa bắt đầu đời nhà Hồ (1400 - 1407) với vị Vua đầu tiên tên là Lê-Quý-Lý (Hồ-Quý-Lý) trở lại mưu-định xâm-chiếm Champa và đã chuẩn-bị một đạo quân gồm 150.000 người dùng đường bộ lẫn đường biển. Người ta còn nhớ, chính Hồ-Quý-Lý trước kia đã nắm giữ vai trò tối-trọng trong cuộc chiến chống Chế-Bồng-Nga, và năm 1400, đã buộc vua Trần-Thiếu-Đế từ ngôi rồi tự mình lên ngôi Hoàng-đế, sửa quốc-hiệu lại là Đại-Ngu.

Do đó, con của Jaya Simhavarman vừa lên kế-nghiệp cha ở ngôi Chiêm-Vương, đã phải chống đỡ cuộc xâm-lăng của Hồ-Quý-Lý. Sử sách Việt-Nam chép tên vua Chăm lúc đó là Ba Địch-Lai, còn trong minh-văn-học Chăm, có tên là **Versu Visnujatti Virabhadra Varmadeva**, tức là Hoàng-Tử Ngauk-Klaun Vijaya, sau khi thọ lễ « abhiseka » vào cuối 32 năm trị-vì, có thêm tên Vrasu Indravarimadeva nữa (1).

Đoàn quân của Hồ-Quý-Lý bị thất trận nhưng vào mùa hạ năm 1402, lại xâm-lăng Champa một lần nữa.

Vừa mới sắp-chiến lần sau này và để tránh tai-biến, Virabhadravarmān đã nhờ một vị Hoàng-Thúc mang lễ-vật sang yêu cầu Hồ-Quý-Lý rút quân và Champa sẽ chịu nhượng Indrapura (vùng Bắc Amaravati, nơi có vùng đất thiêng Mỹ-Sơn và Đồng-Dương).

(1) *Inscription de Núi Ben Lang (inv. Coedes. C56), E. AYMONTIER, J. A. 1888, p. 104, J. A. 1891, p. 66. L. FINOT, BEFEO, XXVIII, date : 1436.*

Hồ-Quý-Lý chấp-nhận, nhưng đòi nhượng thêm cả miền Amaravati (nay là Quảng-Nghĩa : Chiêm-Động và Cồ-Lũy).

Đây là một thiệt-thời lớn-lao của người Chăm, vì đã phải rời bỏ kinh-đô cũ của các Vua Chăm từ nhiều thế-kỷ trước, đã tích - trữ những tài - sản - châu báu và đã chứng - kiến những giai-doạn oai-hùng của Vương-Quốc Chăm.

Sơ với thời Chế Bồng-Nga, cuộc nhượng đất này đã khiến lãnh-thò Chăm mất hơn phân nửa những vùng ruộng mẫu-mỡ và chỉ còn những vùng đồi núi cằn-cỗi, phía Nam Quảng-Nghĩa.

Miền này sau đó được chia thành 4 Châu và giao-phó việc cai-trị cho một người con lưu-vong của Chế Bồng-Nga là Chế Ma-Nô Đa-Nan, nhưng dân-chúng định-cư ở đây phần lớn là người Việt, còn người Chăm lần hồi đã trốn đi cả (1403).

Đề có người ở, Hồ-Quý-Lý đã áp-dụng kế-hoạch di-dân cưỡng bách chọn trong số những người không ruộng đất và đã cho xâm chữ « châu » trên vai những người này để gia-nhập vào đoàn quân chiếm-đồng.

Nền hòa-bình mà người Chăm mua với giá-khả đất, đổi với Hồ-Quý-Lý chỉ là một giai-doạn tạm ngưng, vì sau đó, Hồ-Quý-Lý đã tập-hợp được một đạo quân mới gồm 200.000 người, mục đích xâm-chiếm Vijaya bằng đường bộ và đường biển.

Virabhadravarmān đã kêu cứu với nhà Minh, nhưng không được trợ-giúp liền.

Sau đó, Hồ-Quý-Lý cũng cho rút quân, vì được tin Trung Quốc có vẻ muốn bảo - vệ Champa và ngày càng bất - bình nhà Hồ.

Trung-Quốc mang quân sang đánh và loại bỏ nhà Hồ vào năm 1407, Vương-Quốc Chăm được thoát nạn, thừa dịp đó, thu hồi lại phần đất bị nhượng 5 năm trước, nhưng Vinabadravarman phải đánh với quân của người con Chẽ Bông-Nga, do mối thù đã bị loại ra khỏi ngôi Vương Chiêm-Quốc.

Cùng lúc ấy, quân Tàu đánh chiếm Bắc-Việt và đến khoảng 1413 - 1414, thì đã đô-hộ toàn xứ và cũng vừa lúc Virabhadra-varman được nhà Minh nhìn-nhận là chư-hầu. Trước sự-kiện này G. Maspero đã nhấn mạnh thiện-cảm của Trung-Quốc đối với Champa, nhưng Jean Boisselier lưu-ý rằng Vua Chăm chỉ được phong Vương năm 1413, còn Vua Cam-Bốt hồi năm 1403, tức trước Champa những 10 năm (1).

Nền đô-hộ của Trung-Quốc tại Đại-Việt kéo dài đến 1428, thì vị anh-hùng Lê-Lợi sáng-lập nên nhà Tiền Lê, khôi-phục nền tự-chủ Đại-Việt.

Lê-Lợi mất năm 1433, Vua Chăm mà khi thụ lễ « abhiseka » lấy danh-hiệu là **Indravarman**, thấy thời-cơ thuận-tiện, tìm cách thu-hồi đất Hóa-Châu.

Cuộc chiến chỉ gồm vài cuộc đụng-độ nhỏ, rồi hai nước lại tái-lập nền bang-giao hòa-bình (1434).

Không thể làm gì đối với lân-bang miền Bắc, người Chăm tìm cách lấy lại những phần đất Nam-bộ về phía Cam-Bốt lúc đó

(1) Cf. L.P. BRIGGS, *The Ancient Khmer Empire*, p. 255.

đã suy-yếu vì áp-lực của Thái-Lan. Các công-cuộc xâm-chiếm này nhằm vùng châu-thô Sông Cửu-Long, và đi dọc theo miền duyên-hải, có lẽ tới Chatabun. Việc động-binh của người Chăm khiến vua Cam-Bốt là Ponhea Yat (*Paramaraja Dhiraja*) cầu-viện nơi Trung-Quốc, nhưng Trung-Quốc chỉ tỏ lời phiến trách Champa mà thôi (1408 và 1414). Champa đã đánh chiếm được một vùng đất gọi là Brah Kanda mà người ta đoán chắc là vùng Biên-Hòa ngày nay (1).

Theo sử-liệu Cam-Bốt, quân Chăm còn tiến lên đến Caturmukha tức Phnom-Penh, nhưng lại bị Vua Garmkhar đánh lui. (*L.P. Briggs đề-nghị cho vùng đất trên bao gồm tất cả Châu-thô*). Các sự-kiện này có lẽ đã không xảy ra trước 1434 được, vì Phnom-Penh chỉ được thiết-lập vào lối niên-hiệu này mà thôi.

Vira Bhadravarman Indravarman mất năm 1441, truyền ngôi cho con, theo sách Việt, tên là **Ma-Ha Quý-Lai** vốn là Hoàng Thái-Tử nhưng vì còn nhỏ tuổi, nên đã nhường ngôi lại cho người chú là **Ma-Ha Bí-Cái** (*Ma-Ha Vijaya*).

Vị tân-vương lại tái-diễn việc tấn công Hóa-Châu năm 1444 và 1445, nhưng chỉ tổ-chức được những vụ cướp phá ở đất địch hơn là những cuộc xâm-chiếm thực-sự.

Năm 1446, sau khi thỏa-thuận với Trung-Quốc, Đại-Việt xâm-chiếm Champa, đánh lấy thành Vijaya rồi rút lui, bắt theo Ma-Ha Bí-Cái, các đoàn cung-phi mỹ-nữ và một số lớn của-cải.

(1) A. CABATON, *l'inscription Chame de Bienhoa*, BEFEO, IV, p. 687.

Năm sau, vị vua này được giao hoàn các tước-vị Vua Chúa, nhưng phải ở lại Đại-Việt cho đến chết. Ngôi Vua Chiêm được về người cháu tên **Ma-Ha Quý-Lai**, được dân-chúng tôn lên, theo tập-tục.

Ma-Ha Quý-Lai đã xin vua Lê-Nhân-Tông (1422 - 1459) tấn-phong, nhưng lại bị người em út là **Ma-Ha Quý-Đo** truất-phế và bắt giam năm 1449.

Ma-Ha Quý-Đo bị giết năm 1458 sau khi đã thụ lễ phong vương của Trung - Quốc ; đó là, vị vua cuối cùng giòng Brsu Vamça.

Ngôi Vua Chiêm sau đó thuộc về một nhân-vật hiệu là **Bàn-La Trà-Nguyệt**, cháu rể của Bí-Cái; nhưng Bàn-La Trà-Nguyệt lại từ ngôi năm 1460, nhường lại cho người em út là **Bàn-La Trà-Toàn**.

Vì Vua Lê-Thánh-Tông (1460 — 1497) đã đòi hỏi quá mức, Trà-Toàn phải xua quân 2 lần vào những năm 1468 và 1469, tấn-công Hóa-Châu, đạo quân gồm hơn 100.000 người với một đoàn kỵ-binh hùng-mạnh.

Đề đổi phỏ, Lê-Thánh-Tông, năm 1470, đã cho một đạo chiến-thuyền 100.000 người và một đoàn quân 150.000 người tuyên-chiến với Champa. Cuộc chinh-phạt được chuẩn-bị tỉ-mỉ- đã thành-công, quân Đại-Việt sử-dụng pháo-binh, đã tiến được vào Chà-Bàn (Vijaya) năm 1471, 60.000 quân Chăm bị giết, 30.000 bị bắt làm tù-binh cùng với 50 thân thuộc trong Hoàng-tộc. Chiếc Ấn, một cái hộp bạc hình lưới kiếm mà từ ngàn xưa đã luân lưu trong các giòng dõi Vua Chăm, nay lọt về tay quân chiến-thắng.

Một vị Tướng Chăm tên **Bô-Trì-Trigom** góp tàn-quân về ẩn náu tại Panduranga, tự xưng Vương và gửi Sứ-giã đến triều-đình Đại-Việt xin nghị-hòa.

Đề tỏ ra không bằng lòng thái-độ của Đại-Việt, Trung-Quốc năm 1472 đã cho mang đến Champa sắc-chỉ phong Vương cho Vua Chăm đang bị giam-cầm tại Đại-Việt.

Đại-Việt phản-kháng và tuyên-bố rằng Champa đã thành Châu Giao-Nam rồi.

Mặt khác, trên chiến-thuyền giải về kinh-đô Đại-Việt, Trà-Toàn ngộ-bình và đã mất trong vùng Nghệ-An một ít lâu sau đó. Tro tàn của cuộc hỏa-táng đã được rải trong gió, dầu còn lại được cắm trên mũi thuyền rồng Đại-Việt với hàng chữ khắc « Đây là dầu tên gian-ác Trà-Toàn nước Chiêm-Thành », trước khi được đem về thờ tại đền thờ của Hoàng-tộc.

Theo một một vài sử-liệu, lối đối-xử này dường như không được phù-hợp với những sự tôn-kính đã dành cho Trà-Toàn lúc ban đầu, khi bị sanh-cầm.





Đại-úy Nguyễn-Đặng-Phương, Quận-Trưởng
Phủ (Châu-Độc) đang tiếp-xúc đồng-bào Chăm
Hồi-Giáo Châu-Độc nhân lễ khánh-thành Trung-tâm
Thiền-bá Hồi-Giáo-Pháp Katambong (1964).



Ông Zacob, Phó Liên
Hội Tổng An-Lương Châu
Độc (Châu-Độc).



Buổi tiếp-rước các phụ-nữ Chăm Hồi
Giáo Châu-Độc (Ha-ji), mới đi hành-hương
thiền về (1965).



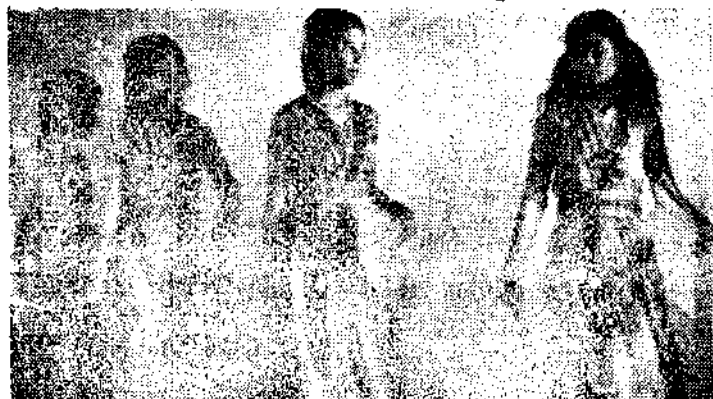
Ông Ly-Ossamaine Chủ-Tịch
Hội Trung-Ương Hiệp-Hội Chăm
Hồi-Giáo Việt-Nam (1965)



Tháp Pô Klông Ga-Rai
(Phan-Rang)



Thế-hệ sau cùng
(Chàm Phan-Rang)



Thôn-nữ Chàm
miền Trung
đang múa qh
theo cổ-lục



CHƯƠNG THỨ BẢY

Giai - Đoạn sau cùng của Vương-quốc Chàm

Giai-đoạn sau hết của lịch-sử Champa từ khi Kinh-thành Đồ - Bàn thất - thủ, có thể chia làm 4 thời-kỳ và mỗi thời-kỳ đánh dấu một quảng đường mới lần đưa đến sự suy-sụp cuối cùng :

— Trong thời-kỳ thứ nhất từ 1471 đến 1543, lãnh-địa Vương-Quốc đã bị thu hẹp nhưng vẫn còn duy-trì bang-giao với Trung-Quốc và xứ này vẫn tiếp-tục tấn-phong các Chiêm-Vương

— Đến năm 1543, niên-hiệu của đoàn sứ-giã chót hết của Champa tại Trung-Quốc, khởi đầu thời kỳ thứ 2, trong khi đó, lãnh-địa bị xâm-chiếm từ-từ ; thời-kỳ này chấm dứt năm 1653, khi Vua Chăm băng-hà trong ngục-thất và thành Kauthara (Khánh-Hòa ngày nay) bị mất vào tay nhà Nguyễn, vốn đã được nhà Lê giao cho cai-trị các tỉnh Thuận-Hóa và Quảng-Nam, từ năm 1559.

— Từ năm 1653 đến 1822, chút uy-quyền và tự-do còn lại cũng hoàn-toàn tan biến và Vương-Quốc Champa lúc đầu thu hẹp ở vùng Bình-Thượn ngày nay (cận Pandurango cũ), sau chỉ còn Phan-Rí.

— Từ 1822, về sau, Champa trở thành phần đất của nước Việt-Nam và chính với tính-cách này, lại phải chịu hậu-quả bi-thảm của cuộc chiến giữa Nguyễn-văn-Khai và Vua Minh-Mạng (1831-1836).

1471 — 1543



HEO G. Maspero (1) người ta thường cho rằng sau khi thành Đồ-Bàn (*Vijaya*) bị tàn-phá, biên-giới Bắc Vương-Quốc Chăm được Vua Lê-Thánh-Tông định cho ở mũi Varella.

Điều này dường như đã bị những dữ-kiện sau này của sử Việt-Nam bác-bỏ và nguyên-nhân là vì người ta không có đầy-dủ tin-tức về tiến-trình của sự phân chia lãnh-vực hành-chánh vùng Quảng-Nam ngày trước, từ năm 1471 đến triều Minh-Mạng.

Ngay năm 1469, Vua Lê-Thánh-Tông đã cải-tổ lại Thuận Hóa bằng cách sáp-nhập thêm Châu-Ô và Châu-Lý, phần đất đã do người Chăm nhượng lại từ năm 1306, nhưng đã nhiều lần bị mất và luôn-luôn sẵn-sàng biểu-lộ sự khao-khát tự-chủ.

Từ sau cuộc chiến thắng năm 1471, Vua Lê-Thánh-Tông đã cho sáp-nhập toàn-thể hoặc một phần vùng đất Chăm Amaravati (nhằm phần Bắc-Bộ tỉnh Quảng-Nam bây giờ). Những tỉnh Chăm nằm trong phần đất các 1 h hiện tại Quảng-Nam (phần Nam-Bộ), Quảng-Ngãi và Bình-Dịnh (tức *Vijaya*) lập thành tỉnh Quảng-Nam mới có 3 phủ.

Vùng Phú-Yên không có trong thành-phần kể trên vì Nguyễn-Hoàng đã chiếm năm 1561 và chỉ được tổ-chức thành Dinh

(1) G. MASPERO, *Le Royaume de Champa*, p. 240.

vào năm 1629 mà thôi (1). Biên-giới năm 1471 chắc là đã đi qua lối đèo Cù-Mông (2).

Đoạn trước, người ta đã rõ, Tướng (Bộ) Trì-Tri ăn-trốn về Pânduranga sau cuộc thảm-bại tại Vijaya. Sử-liệu Trung-Quốc dường như đã chỉ-định vị này với danh-hiệu **Cha-ya Ma-Phu-Ngan** (*Cha-ya : Jaya*) vốn là cháu của một ông Vua trước. Được Vua Lê-Thánh-Tông tấn-phong, Cha-ya Ma-Phu-Ngan sau đó đã xin triều đình Trung-Quốc phong Vương, nhưng lại mất năm 1478, ngay khi các sứ-giả Trung-Quốc mang sắc-chỉ tấn-phong vừa đến.

Theo sử nhà Minh, một người em tên **Cửu Lai** có lẽ có trách-nhiệm về cái chết này.

Cửu-Lai đã trị quốc từ 1478 đến 1505 và sang Trung-Quốc nhận lễ phong Vương. Nhưng khi đi ngang qua xứ Lào, vì một lý do không ai rõ, người con tên **Cha-Cưu Phú-Lô** lên kế ngôi và đã nhận cuộc tấn-phong của Trung-Quốc năm 1515.

Cho đến năm 1543, là niên-hiệu của phái-đoàn sứ-giả cuối cùng của Chăm sang Trung-Quốc, vị Vua này vẫn còn tại ngôi.

(1) L. CADIÈRE, *Le Mur de Đồng-Hới*, p. 143.

(2) L. AUROUSSEAU, Charles MAYBON, *Histoire moderne du pays d'Annam, compte rendu, BEFEO XX*, 4 p. 86, nói biên-giới này hồi năm 1490 chạy ngang qua gần Bắc-bộ Sông Cầu.

Theo LÊ-THÀNH-KHÔI, (*Le Viêt-Nam trang 230*) Champa đã lấy được một phần lãnh-địa này, nhờ những cuộc nội-loan của Đại-Việt. Biên-giới nhờ đó lùi thêm đến Đèo Cù-Mông. Loạn nói trên xảy ra khi Túc Tông lên ngôi (1504) và ở những năm cuối cùng nhà Lê. Nhưng tác-giả không có viện-dẫn tài-liệu nào cả.

Người ta không rõ Ông mất vào năm nào, nhưng sau năm 1543, Champa kể như không còn hậu-thuần ngoại-lai nữa và từ đó phải chịu theo những đòi hỏi của riêng Hoàng-đế Đại-Việt mà thôi.

Trong thời-kỳ này, người Chăm được sống yên-đàn, vì Đại-Việt lúc ấy cũng đang gặp những khó-khăn. Nhiều cuộc loạn-lạc xảy ra liên-tiếp từ năm 1504, đã chuyển sang giai-đoạn quyết-liệt năm 1509 và đã đưa đến cuộc chiến 1527, giữa nhà Mạc và nhà Lê, được nhà Nguyễn và nhà Trịnh tích-cực hậu-thuần từ năm 1540.



1543 — 1653

Cuộc chiến Lê-Mạc chỉ chấm dứt năm 1607.

Nhưng sự xung-đột giữa chúa Trịnh ở Bắc-Bộ và chúa Nguyễn ở Nam-Bộ cũng lại vừa đến hồi gay-cấn và đã chấm dứt bằng cuộc chiến thắng của nhà Nguyễn vào năm 1674.

Vì những nguyên-nhân phức-tạp do quyền-lợi của 2 bên, Nguyễn-Hoàng được giao cho cai-trị Thuận-Hóa, năm 1559 và đến 1570, lại được thêm Quảng-Nam nữa (*thành-lập năm 1471*).

Cuộc phân-tranh Trịnh — Nguyễn đi đến chỗ gay-go vào năm 1620 và biến thành một cuộc chiến công-khai năm 1629. Nhà Nguyễn không thể mở rộng bờ-cõi về phía Bắc nữa, khiến phải quay về Nam-Bộ tức về hai nước Champa và Cam-Bốt.

Vùng đất Chàm ở Phú-Yên dường như bị chiếm hồi năm 1611, được tề-chức thành Dinh Trấn-Biên năm 1629 và hai năm sau, dân-chúng đã được kiểm-tra. Biên-giới thời đó được ấn-định ở vùng mũi Varella.

Đồng-thời vì lo bảo-toàn an-ninh biên-giới phía Bắc chống lại cuộc tấn-công của chúa Trịnh, chúa Nguyễn đã cho đắp lũy Trường-Dục (1630) và Đồng-Hới (1631). Đây cũng là những biện-pháp phòng-thủ có dụng-ý nhắm vào công-việc mở rộng lãnh địa về Nam-Bộ, lấn vào đất Chàm.

Người Chàm trong thời-kỳ này dường như cũng không ngồi yên. Vào những năm cuối thế-kỷ 16, người ta thấy họ chiến-đấu ở

vùng biên-giới Cam-Bốt. Sự việc này đã khiến người Bồ-Đào-Nha nhận-định rằng mọi hành-động chống Cam-Bốt đều cần phải có sự chiếm-đóng Champa trước (1). Bồ-Đào-Nha đã không làm việc ấy, nhưng vai trò tối-trọng của họ cạnh nhà Nguyễn vào thế-kỷ 17 không đem một chút dịu-hòa nào đến cho chánh-sách nhà Nguyễn đối với Champa cả.

Về phía người Chăm thì cứ tiếp-tục sách-lược truyền thống quấy-nhiều Nam-Bộ. Linh-Mục De Rhodes ghi nhận rằng giữa năm 1620 và 1653, triều-đình Huế đã phải liên-tục duy-trì quân đội tại biên-giới Chăm và đã phải luôn-luôn ở vào tình-trạng chiến tranh với Champa.

Nhưng dù nhà Nguyễn có vịn vào lý-do nào để tiến vào Nam đi nữa thì đến năm 1653, người Chăm cũng đã phải chịu thêm thảm-họa mới trong việc bảo-vệ bờ-cõi : Hiền-Vương đã hoàn toàn chiến-thắng Vua Chăm là **Bà-Thâm**, chiếm đóng thành Kauthara và con sông Phan-Rang tạo thành biên-giới mới giữa Chăm và Việt.

Lãnh-địa mới chiếm trong đó có ngôi đền Pô Nagar ở Nhà-Trang, trở thành Dinh Thái-Khang tức Khánh-Hòa ngày nay

Theo sử-liệu Việt-Nam, một vị Vua Chăm tên **Bà-Bì** đã tự tử tại đây. Người ta đã đề-nghị cho vị Vua kẻ trên chính là **Pô Romê**, vị Vua mà Biên-niên-sử Hoàng-Gia Chăm tại Bình-Thuận ghi là đã trị-vì từ 1627 đến 1651 (3). Nhưng những bia-tháp có tên Pô Romê dường như không có dấu chi liên-hệ đến những sự kiện kẻ trên.

(1) B. GROSLIER, *Angkor et le Cambodge au 16^e siècle*, p. 40.

(2) L. CADIÈRE, *Le mur de Đồng-Hới*, p. 128.

(3) E. AYMONTIER, *Excursions et reconnaissances*, X, XIV, p. 151.

1653 — 1822

Thành Kauthara mất, Vương-Quốc Chàm bị thu hẹp trong lãnh-địa tỉnh Panduranga và chỉ được yên-đàn trong một thời-gian ngắn-ngủi.

Về phía Việt-Nam, cuộc tranh-chấp giữa chúa Miên Nam và Chúa Miên Bắc đã chấm dứt năm 1674. Chúa Nguyễn được tự-chủ ở Nam-Bộ, đã có thể dốc toàn-lực vào công-cuộc mở rộng bờ-cõi lấn vào đất Cam-Bốt và Champa.

Chánh-sách đối với Cam-Bốt của triều-đình Huế dường không phải chỉ nhất-quyết nhằm mục-tiêu chiếm-đóng. Việc tìm kiếm một thứ thăng-bằng giữa các quốc-gia miền Đông-Nam-Á một sự phân chia khu-vực ảnh-hưởng trở nên cần-thiết.

Nhà Nguyễn trở nên độc-lập có vẻ như không dự-định xâm chiếm ngay luôn cả đất Chàm, vì Vương-Quốc Champa đã bị đưa đến tình-trạng bất-lực, không còn đáng ngại nữa.

Nhưng tại Cam-Bốt thì ngược lại, Vua nhà Nguyễn phải khai-thác những thắng lợi đã thu-đạt 50 năm trước. Nguyên từ năm 1623, Vua Chey Chettha II cưới một Công-chúa Nam-Việt, đã nhượng lại cho Nam-triều những thuế-quan của Saigon. Vị Công chúa kể trên đã giữ một vai trò quan-trọng trong chánh-sách đối nội của Cam-Bốt.

Triều-đình Huế liền cho củng-cố địa-vị của mình trong vùng đồng-bằng giàu-có sông Cửu-Long và đồng-thời đặt quyền tối thượng trên các Vua Cam-Bốt.

Nhận thấy có thể tin ở sự 'chân-thật và đồng-thời sự yếu kém của Champa, dường như đã có một sự mềm-dẻo trong chánh-sách đối với xứ này vào những năm 1680, năm 1686.

Tu-sĩ Choisy ghi nhận rằng nhà Vua Nam-Việt đã khôi-phục các quyền-hành cho Vua Chăm và trong số, có cả quyền sanh-sát đối với người dân miền Nam phạm tội trong đất nước Chăm (1).

Cuộc bang-giao này nêu ra hai nhận-xét :

— Champa đặt lệ-thuộc chặt-chẽ vào nhà Nguyễn, sau cuộc xâm-chiếm Kauthara, đã được hưởng một số chăm-chế, khi mà hòa bình đã trở lại và kẻ chiến thắng nhận-dịnh địa-vị của mình cũng đã vững-vàng rồi trên đất Chăm.

— Về « quyền sanh-sát đối với người dân Nam-Việt », có thể xem như là một điều-khoản nói rộng quyền-hành cho Vua Chăm thì thực ra nó lại là bằng-chứng của sự xâm-nhập của một số khá đông người Việt-Nam vào trong lãnh-địa Panduranga, một sự xâm nhập mở màn cho một cuộc chiếm-đóng vĩnh-viễn của người Việt vào năm 1710. Trước khi cuộc xâm chiếm toàn-bộ này được thực-hiện, Linh-Mục Labbé ghi nhận rằng « người dân Nam-Việt đã bắt đầu định cư từ 35 hay 40 năm » trong vùng Đồng-Nai (vùng giáp ranh của Vương-Quốc Cam-Bốt và Champa) (2). Ngoài sự xác nhận một sự xâm-nhập của Việt-Nam, bản văn kể trên còn cho biết ranh-giới phía Tây của Champa.

(1) ABBÉ DE CHOISY, *Journal du voyage de Siam fait en 1685 et 1696*, Paris 1931, p. 254.

(2) G. TABOULET, *La geste française en Indochine t. I*, (Paris, 1955), p. 95.

Trong khi cuộc cải-tổ lãnh-thổ chiếm được của Cam-Bốt đang được Việt-Nam tiến-hành, (chấm dứt vào năm 1757), Champa lần hồi cũng chịu sự sửa đổi biên-giới.

Vì không chịu triều-cống, Vua **Bà-Tranh** đã bị bắt giải về Phú-Xuân (*Huế*) và năm 1697, quân nhà Nguyễn chiếm-đóng Phan-Thiết, đặt thành Phủ Thuận-Thành sau này là Bình-Thuận.

Biên-Hòa vốn trước kia do Champa đánh lấy của Cam-Bốt hồi đầu thế-kỷ 15, thì đến năm 1698, cũng lại đặt dưới quyền đô-hộ của Việt-Nam.

Do đó, Champa chỉ còn là một thửa đất bé nhỏ trong lãnh-địa nhà Nguyễn, kinh-đô đặt tại Phan-Rí, nơi mà ngày nay người ta vẫn còn tìm thấy một thiêu-số dân Chăm. Một khoảnh đất Chăm khác cũng còn tồn-tại về phía Bắc, cận vùng mũi Varella (1). Nhưng trong khi vùng Phan-Rí còn tập-trung những sinh-hoạt cuối cùng về tôn-giáo và mỹ-thuật Chăm, thì trái lại vùng Varella, dường như không còn một di-tích gì cả.

Mặc-dù không được rõ-rệt, những bản-đồ thế-kỷ 18 cũng ghi được những sự cắt xén nối tiếp các phần đất Panduranga.

Trên lịch-sử đồ-giải của Guedeville (1713—1719), lãnh-địa Champa dường như đã kéo dài từ phía Nam Sông Phan-Rang đến mũi Baké (phía Đông mũi Vung-Tàu).

Bản-đồ của Robert de Vaugondy, phát-hành năm 1751, cho thấy giới đất trên bị thu hẹp lại phân nửa. Biên-giới phía Bắc đi

(1) P. HUARD et M. DURAND, *Connaissance du Viêt-Nam*, Hanoi, 1954, p. 33.

ngang qua vùng Đông con sông Tràm Thuận-Vong (?) và biên-giới phía Nam ở cách 50 cây số ngàn về Tây-Nam Phan-Rí, định giới vùng tập-trung các « Bumôn », những đền tháp cuối cùng của người Chăm.

Triều-đình Chăm được đặt tại Bal Chanar, Phan-Rí, nơi mà các Sĩ-quan của chiến-thuyền Pháp « La Galathée » đã được tiếp rước và qua thiên ký-sự (1) của các Sĩ-quan này, người ta chỉ biết rằng Vua Chăm có đội Vương-miền bằng nỉ đỏ và mang những chiếc giày ống nhỏ. Đó là những chi-tiết dường như đã phản-chiếu ảnh-hưởng Hoa-Việt.

Bên cạnh Vua, có một viên quan Nam-Việt đứng bên phía tay mặt trong buổi châu và ngồi ở ngôi thứ hai trong Hội-đồng Hoàng-Gia. Tại Hội-đồng này, mỗi quyết-định đều cần có sự thuận ý của viên quan trên (2). Nền độc-lập của Champa do đó chỉ còn là một thứ ảo-ảnh, đề rồi sau đó không lâu lắm, nó sẽ mất hẳn.

Sự chiếm-đóng vĩnh-viễn trên toàn-thề đất Chăm còn lại có vẻ như là hậu-quả gián-tiếp của cuộc nổi-loạn của quân Tây-Son chống nhà Nguyễn ở Huế (1771 - 1802).

(1) Theo DE MANNEVILLETTE, *Instructions sur la navigation des Indes Orientales et de la Chine*, Paris 1745, p. 173. Cf. H. TABOULET; *La geste française en Indochine*, I, p. III.

(2) Theo DE MANNEVILLETTE, *Instructions sur la navigation des Indes Orientales et de la Chine*, Paris 1754, p. 447, ảnh-hưởng Hoa-Việt nhận xét trong y-phục có lẽ là do quyết-định của Chúa Nguyễn sau cuộc chiếm đóng năm 1667, những viên chức Chăm được giữ lại, nhưng tự hậu, họ phải mặc quần áo Việt-Nam, (Cf. Lê-thành-Khôi, *Le Viêt-Nam*, p. 265).

Sau khi quân Tây-Sơn kiểm soát được toàn-thể Nam-Việt, việc đánh chiếm lại của Nguyễn-Ánh phát-xuất từ những căn-cứ ở Thái-Lan năm 1787 đưa đến chỗ phải chiếm-đóng toàn lãnh-thò Chàm.

Vương-Quốc Chàm tại Phan-Rí có lẽ bị chiếm ít lâu trước 1795 và có lẽ cũng đồng-thời với khoảnh đất vùng mũi Varella. Trong một bức thư năm 1795, Linh-Mục Lavoué ghi chú sự biến đổi này nhursau : « *Bình-Thuận đã khác xưa. Vương-Quốc Chàm không còn nữa. Hiện chỉ còn là một tỉnh của Nam-Việt và không còn có Vua. Viên quan cai-trị là người Nam-Việt và có đủ uy-quyền đối với thổ-dân cũng như đối với những người trong Nam đến lập-nghiệp tại đó. Những thổ-dân có những chức-việc của họ, Những vị này chỉ cứu-xét những công việc thông-thường, nhưng khi có lỗi nặng, thì cần phải đến viên quan kể trên..* » (1)

Một cuộc chiếm-đóng đơn-thuần và đương-nhiên như vậy giúp người ta hiểu tại sao mà một quyền sách về địa-lý Việt-Nam vào đầu thế-kỷ 19, còn trình-bày Champa như một nước ngoài, như Cam-Bốt và Thái-Lan vậy (2).

Tuy-nhiên, những cuộc truất ngôi Vua Chúa Chàm, chỉ chấm dứt vào thời chiến-thắng của Nguyễn-Ánh mà thôi. Người Pháp mà người ta biết là đã góp một phần quan-trọng công-lao trong cuộc chiến chống Tây-Sơn, không chú-trọng đến số-phận Champa.

(1) L. CADIÈRE, *Documents relatifs à l'époque de Gia-Long*, BEFEO XII, VII, p. 32.

(2) L. AUROUSSEAU, Charles MAYBON, *Histoire moderne du pays d'Annam*, C.R. op. cit., p. 82.

Một bức thư như của Linh-Mục Lavoué chỉ là một thứ nhận xét đơn-thuần và những « thờ-dân » Phan-Rí không làm ai quan-tâm cả, khi mà mọi nỗ-lực đều đang dồn về công-cuộc thống-nhất Việt-Nam (1802-1820).

Sau khi tồ-chức triều-đình Champa tan rã, những biện-pháp áp-dụng cho cuộc sinh-hoạt dân-chúng như việc tái phân ruộng nương, việc lập lại bản-đồ địa-chính làm thiệt-hại rất nhiều cho người Chăm.

Người ta được biết rằng lối năm 1822 hoặc 1823, ngay khi bắt đầu triều-đại Minh-Mạng (1820 - 1840), Vua **Pô Chon**, nhìn thấy cảnh thần-dân Chăm bị tước-đoạt hết cả, đã tự ý từ bỏ một ngai vàng vô thực-quyền và trốn sang định-cư vĩnh-viễn ở Cam Bốt với một nhóm người trung-tín của mình (1).

Pô Chon và đoàn tùy-tùng lưu-vong đều theo đạo Hồi-Giáo.



(1) Năm Minh-mạng thứ 4, xem E. DURAND, *Les archives, des derniers rois Chams*, BEFEO, VII, p. 253.

TỪ 1822 VỀ SAU

Việc Vua Pô Chon (1) cùng một nhóm cận-thần thoát đi ẩn-lánh ở xứ người khiến người dân Chăm như con rắn mất đầu, không còn cấp lãnh-đạo cùng binh-đội chánh-thức bảo-bọc nữa. Nhưng không vì thế mà những phong-trào kháng-địch cũng tàn-rụi ngay theo. Trái lại, mỗi nhóm ở mỗi địa-phương, đều tùy hoàn cảnh và phương-tiện, đề tự lo-liệu lấy sự sống-còn, tiếp-tục đấu tranh cùng chịu đựng những thử-thách do tai-họa đất nước đem đến.

Đây là giai-đoạn mà người dân Chăm mất nước đã lấy chút tàn-hoi gắng-gượng nói lên tinh-thần bất-khuất của dân-tộc, trước thế mạnh của giặc, cho nên mọi cơ-hội đều được tận-dụng, để tìm một lối thoát danh-dự, một phần nào xoa dịu tự-ái dân-tộc.

Một cơ-hội đáng ghi là cuộc nổi-loạn từ 1831 đến 1834 của nhóm quân Lê-văn-Khôi chống Vua Minh-Mạng. Chính một phần nhờ hậu-thuần của những người Chăm kháng-chiến, mà Lê-văn-Khôi đã đánh chiếm được miền thung-lũng Phan-Thiết, Phan-Rí và Phan-Rang. Nhưng cũng trong dịp này, một số thôn-ấp Chăm đã bị hy-sinh, vì bị kết tội trung-thành với Vua Minh-Mạng.

Tiếp đó, người Chăm lại còn phải chịu một số thiệt-hại, do hậu-quả của những cuộc hành-quân của các đội-quân nhà Nguyễn dẹp trừ nhóm Lê-Văn-Khôi.

(1) Còn gọi là Chon Chanh, có người nói là do chức Quan Chương Chính do Triều-đình Huế ban-cấp.

Trên một phương-diện khác và nhứt là trong cuộc chung sống ở buổi đầu giữa hai giống Việt và Chăm, vốn hấp-thụ hai nền văn-minh tương-đối khác-biệt, người ta ghi-nhận được một số khó-khăn va-chạm ; do đó, một vài sự-việc đã đồn-dập xảy ra, dựa vào nhiều lý-lẽ phức-tạp, đề lần-hồi mới đưa đến chỗ dung hòa nhận chịu hoàn-cảnh và nhiên-hậu tạo ra một số lối-thoát thích-ứng về vật-chất cũng như tinh-thần.

Người dân Chăm còn lại một thiểu-số bé nhỏ (1), tiếp-nối

(1) Xem Dohamida, Người Chăm tại Việt-Nam ngày nay, Tạp-chí Bách-Khoa từ số 135 đến 147, (1962).

- E. Aymonier, 1891, ước lượng người Chăm Bình-Thuận tối-đa là 30.000 người và khoảng 3 lần đồng hơn đã sang định-cư ở Cam-Bốt,

(les Tchames et leurs religions).

Quyển « Annuaire Général de l'Indochine » năm 1907 — 1908 ghi :

- Phan-Rang : 4.000

- Bình-Thuận : 900

Thống-ká chính-thức năm 1910 và 1913 của Tòa Khâm-sứ Pháp ở Huế và Phnom-Penh cho biết :

- Trung-Việt : 13.389

- Cam-Bốt : 30.000

Một cuộc kiểm-tra tổng-quát mới đây riêng tại Việt-Nam (1963) :

- Ninh-Thuận : 17.700

- Bình-Thuận : 15.900

- Bình-Dịnh : 3.000

- Bình-Tuy : 916

- Tây-Ninh : 1.740

- Châu-Độc : 12.700

Cộng : 51.975 người Chăm

Ở Phan-Rí còn có lối 10.000 người Kinh Cựu tước Chăm tại Việt sống tập-trung trong những thôn-ấp riêng biệt.

cuộc sống trầm-lặng khiêm-tốn, bề ngoài cố khuynh-hướng như cố thu mình lại trong những thôn-ấp riêng, biệt-lập với các thôn-ấp người Việt đề mà vọng-tưởng những huy-hoàng đã mất.

Một Chẽ-Bồng-Nga hiền-ngang, một Pô Klong Gia-Rai tận-tụy chăm-sóc sự ấm-no sung-túc cho dân, một Pô Ro-Mê ngạo trên chiến-địa v.v... tạo thành những bậc danh-tài, những quyền-lực ngự-trị như những bóng ma, trong sanh-hoạt tinh-thần của người dân Chăm ở giai-đoạn sau cùng.

Hàng năm, đến dịp **Bur Ka-tê**, dịp mở cửa tháp (phơ pa-băng-yang), dân-chúng tập-nập cùng nhau đem lễ-vật lên các đền tháp dâng cúng, cầu xin phù-trợ; một vài gia-đình giòng-dõi Hoàng-tộc vẫn tiếp-tục lưu-truyền trách-nhiệm phụng-thờ cùng cất-giữ một số kỷ-vật do các Vua Chúa để lại.

Người dân Chăm miền Trung hiện chỉ còn lưu giữ 4 *kho tàng* Hoàng-tộc-Chăm. Các *kho-tàng* khác thì đều do người Thượng (Chu-ru, Ko-ho, Ro-glai) cất giữ, từ khi có phong-trào khủng-bố người Chăm thời Vua Minh-Mạng.

Tháng 12 năm 1957, Giáo-sư Nghiên-Thần (1) đã hướng dẫn một phái-đoàn chuyên-viên Viện Khảo-Cổ đi thăm hai nơi còn lưu giữ bảo-vật Vua Chăm thuộc quận Đôn-Dương (Tuyên-Đức).

(1) Nghiên-Thăm, Đi thăm kho-tàng của các Vua Chăm.

Văn-Hóa Nguyệt-san, Số 56, tháng XI - 1960, trang 1359 - 1366

Số 57, tháng XII - 1960, trang 1567 - 1575.

Địa-điểm thứ nhứt ở tại một làng người Chu-ru, tên gọi Sopmadronghay, có một ngôi đền cất bằng tre đan, mái lợp cỏ tranh sơ-sài, chứa các bảo-vật, được phân-loại như sau :

1— binh-khí : 2 súng hỏa-mai kiểu Á-rập, có chạm-trờ, nạm-đồng, đựng trong bao bằng cây và hơn 50 đoản-đao, long-đao, gươm-giáo, thương, mác, đinh-ba, câu-liềm.

2— tự-khí : khai bằng cây khảm-trai, ấm, chén trà, chốe rượu, đĩa, ống-nhờ bằng đồng, siêu nấu nước, chậu lớn bằng bạc chạm hình cánh sen, hộp đựng vôi, hộp đựng xương cốt (klong)...

3 — dụng-cụ giao-thông : một yên ngựa nạm đồng, mặt yên phủ nhung, nhạc ngựa, nhạc voi, roi có đính lục-lạc, một cần cáng vòng bằng sơn, một số cây chèo.

4 — y-phục : 2 mũ kiểu Chăm bằng gấm, dùng đi đường, phần trên tròn và phần dưới có 4 mảnh để phủ gáy, hai bên tai và phần trước có vành và chỗ hở để mắt nhìn, nhiều lăm chấn Chăm để làm xiêm đựng trong 3 rương, trong đó có cả 2 bộ triều-phục Việt-Nam, một xanh hoa lý và một xanh lam.

5 — rương đựng gần 40 ấn và triện chữ Hán, một xấp giấy chữ Chăm, một xấp giấy chữ Hán, 3 ngà voi.

Ấn kê trên cho biết vị Vua Chăm hiệu là Môn-Lai Phu-Tử, tên Việt-Nam là Nguyễn-văn-Chiêu, nguyên đã theo Vua Gia-Long năm 1790, trong cuộc-chiến chống quân Tây-Sơn, nhưng sau này trở lại chống Vua Gia-Long nên đã cùng cận-thần trốn lên Cao-Nguyên.

Địa điểm thứ hai là đền Krayo ở tại một làng người Chu-ru (Lo-Bui) bảo-vật gồm có :

— binh-khí : gươm, mộc và 25 khẩu súng bằng sắt nòng dài từ 75 phân đến 1 thước rưỡi.

— 8 cái giỏ bằng tre đan mắt cáo, chứa đựng những hộp hình ống bằng bạc hoặc bằng đồng hoặc bằng chì, bên trong có nhiều *Klong* bằng vàng đựng 9 miếng xương trán của vị Vua Chăm đã chết.

— một miếng vàng lá chạm thủng kiểu đề phủ lên trên hia, nhiều miếng vàng hình chữ nhật chạm trổ, mâm bằng đồng, siêu nước.

— 3 rương xiêm áo Chăm và triều-phục Việt-Nam.

Người được tổ-tiên lưu-truyền ủy-thác cất giữ các bảo-vật và trông-nom cúng lễ gọi là **Châm-Nây** hay **Chamunây**, chỉ biết là từ lâu lắm rồi, có một ông Vua Chăm đi ngang qua làng gởi lại những bảo-vật ấy để cất giữ cho đến ngày nay, nhưng không được rõ là Vua nào.

Địa-diểm thứ ba ở Pan-Thiêng trước là nơi tạm trú của một Vua Chăm, có nhiều bảo-vật quan-trọng, nhưng đến nay chỉ còn có 2 đồng-tiền Trung-Hoa đời Thanh mà thôi. Dân làng nay đã theo đạo Thiên-Chúa, không còn tin-tưởng và tiếp-tục thờ-cúng theo cò-lệ nữa.

Về các *kho-tàng* do người Chăm lưu giữ (1), trước hết tại Quận Phan-Lý Chăm (Bình-Thuận), ở Choa Ra-cham, có đền

(1) Việt-Nam khảo-cổ tập-sơn số 1 — 1960.

Thang Yang Pô Ong, chứa hài - cốt của ông **Dhat Nugar War Palei**, vị anh-hùng Chăm và 6 chiếc giỏ bằng tre đan đựng hộp *klong* bằng vàng và bạc thuộc 30 nhân-vật giòng Vua Chăm.

Kho-tàng Tịnh-Mỹ, (do Bà Nguyễn-thị-Thềm, thuộc giòng Hoàng-tộc, cất giữ) trước chiến-tranh 1945 là một *kho-tàng* quan trọng nhứt (22 đồ bằng vàng, 22 đồ bằng bạc), nhưng hiện chỉ còn một Vương-miền bằng vàng, 2 chiếc mũ nhỏ bằng vàng đề chụp lên búi tóc của Hoàng-Hậu, một đôi bông tai, một nửa chiếc vòng vàng, và một số quần áo hư nát.

Tại làng Hậu-Sanh, quận An-Phước (Ninh-Thuận), một ngôi đền chứa bảo-vật Pô Ro-Mê, đã bị cháy năm 1948 thiêu-hủy tất cả tài-liệu viết, nay chỉ còn 14 món hăng kim-khí trong số có một Vương-miền bằng vàng và 3 món đồ bằng bạc.

(Như vậy là hiện người Chăm miền Trung còn giữ được 2 Vương-miền bằng vàng, một tại Tịnh-Mỹ và một tại Hậu-Sanh).

Tại làng Hữu-Đức, quận An-Phước (Ninh-Thuận), *kho-tàng* gồm các đồ-thờ Nữ-Thần Pô Na-gar sáng-lập nền Champa : một bình vôi bạc, một số đồ đồng, đồ thau, một cái rương, một cái cồng có mui.

Quận An-Phước còn có một *kho-tàng* ở Phước-Đồng gồm 173 món đồ : vòng nhẫn bằng vàng, bạc, đồng, bình vôi v.v...

Theo chỉ-dẫn của người địa-phương ở Giã, còn một *kho tàng* có nhiều đồ quý, nhưng ở vào một vùng hẻo-lánh, không tiện liên-lạc.



Mười mấy thế-kỷ lịch-sử nổi danh với bạch-tượng, với trầm hương, với yến sào, với hàng muôn vạn quân-binh... Champa ở giai-đoạn sau cùng chỉ có ly-tan, đồ-nát, điêu-tàn.

Nhưng trong từ-ngữ Chăm, **Champa** còn chỉ-định một thứ hoa; hương thơm đậm-dà, tương-ứng với hoa Ngọc-Lan trong Việt-ngữ. Hương thơm phảng-phất của hoa Champa có lẽ đã làm say được một nhà thơ, nên Chế Lan-Viên có lần đã viết lên một ước-mơ :

*Ngày mai đây Xuân về trong Chiêm-Quốc,
Nước non Chăm vang dậy tiếng vui ca.*



ĐOẠN - KẾT



HO đến ngày nay, những cuộc nghiên-cứu công phu của các tác-giả Tây-Phương, tìm hiểu Dân-Tộc Chăm, đã soi-sáng được nhiều sự việc. Nhưng đối với khoa-học khảo-cổ bao giờ cũng thế, những khám-phá trong tương lai lúc nào cũng có thể, đột-nhiên, làm đảo-lộn sâu-xa cả những dữ-kiện mà bây giờ có vẻ như đã vững-chắc lắm rồi. Huống chi ở đây, lại còn rất nhiều tài-liệu chỉ được tìm-hiểu và khai-thác một cách thiếu-sót và đọc theo lịch-sử Chăm, một số sự - kiện được đưa ra có khi thiếu cả bằng-chứng cần-thiết về cổ-học.

Từ ngày xảy ra cuộc chiến 1945 tại Việt-Nam, mọi công cuộc tìm thêm các di-tích lịch-sử cùng sưu-khảo tận nơi các tài liệu về người Chăm, dường như đã ngừng lại ở mức dang-dờ.

Hiện người ta hầu như chưa biết gì về những biến-đổi trong việc thờ-phượng Vua Chúa (*tập-tục còn lưu-truyền đến ngày nay*) qua các thời-kỳ và cũng chưa ai tìm được một giải-đáp dứt-khoát cho vấn-đề xâm-nhập của Hồi-Giáo vào đất Chăm, vốn trước đã là cơ-sở của Ấn-Độ-Giáo và Phật-Giáo.

Ngoài ra, người ta cũng không quên rằng những sự-kiện lịch-sử Chăm được giả-thiết gây-dựng lại phần lớn, là do tài-liệu Trung-Quốc và Việt-Nam (nhờ những liên-hệ ngoại-giao với Champa), đem đối-chiếu cùng những bia - đá do các triều-dại Champa lưu lại, cho nên dù muốn dù không, đôi khi cũng không tránh khỏi một phần nào chủ-quan lệch-lạc. Nói khác, một số sự kiện đã được nhìn qua nhãn-quan của người ngoại-cuộc, thì sự thiếu trung-thực đối với tiềm-lực dân-tộc Chăm cũng chỉ là một sự dĩ-nhiên mà thôi. Do đó, người ta không thấy chi khác thường khi những tên Vua Chăm được ghi trong tập sách này đôi khi không có tánh cách **Chăm** chút nào cả.

- Sự thực, người ta đã nói khá nhiều về các triều-dại, về hoạt động của giới Vua Quan, tiêu-biểu cho sức mạnh quốc-gia, cho tầng lớp lãnh-đạo xã-hội Vương-Quốc Champa. Nhưng nếu đi sâu vào cuộc sống dĩ-vãng của một dân-tộc, thì chính sanh-hoạt ở hạ tầng cơ-sở, với vai trò sáng-tạo và xây-dựng của nó trong nền văn-hóa, mới đáng chú-ý nhiều nhất trong lịch-sử.

Qua các đoạn lịch-sử người ta nhận thấy nạn suy-vong của Champa không phải chỉ có ý-nghĩa là một sự đờ-vỡ đơn-thuần của một Vương-Quốc già-cỗi ở Đông-Nam-Á, mà lại chính là một bước đường gập-gờ, va-chạm của hai nền văn - hóa, với tất cả những hậu-quả thảm-hại về phía người Chăm.

Hiện-trạng khiếm-khuyết các dữ-kiện về nhân-chủng-học, về kinh-tế, về xã-hội... chưa cho phép người ta đi sâu vào từng giai đoạn để phân-tách những thành bại của dân-tộc Chăm trong nỗ lực phát-triển và sanh-lồn.

Tuy-nhiên, qua các sự-khiến liên-tiếp xảy ra suốt mười mấy thế-kỷ lịch-sử, từ tình-trạng hỗn-độn của buổi sơ-khai, dân-tộc Chăm đã giới-định được một lãnh-thổ, tổ-chức thành một Quốc-Gia, xây nên những thành-tích văn-hóa rạng-rỡ một thời.

Ở vào các địa-thế, duyên-hải, nơi gặp-gỡ của các thương thuyền nhiều nước, người dân Chăm đã biết kết-nạp, gạn-lọc những tinh-hoa nước ngoài, đem dung-hợp với cuộc sống của mình, để tạo nên và phát-huy một nền văn-minh dân-tộc, gây dư-âm cho đến ngày nay, mệnh danh là **Văn-minh Chăm**.

Nền văn-minh Chăm không tự hạn-định phạm-vi trong Vương-Quốc Champa, mà còn vươn ra ngoài biên-cương, ảnh-hưởng quan-trọng đối với một số Dân-tộc Cao-Nguyên-Trung-Phần như Ra-Đê hay Ê-Đê, Jarai, Rơglai cùng thuộc nhóm Malayo Polynésien, ngôn-ngữ rất gần người Chăm.

Có đọc những bản văn khắc trên các bia đá — đồng-thời cũng là hình-ảnh thi-ca của các Triều-đại Champa, qua trung-gian của Phạn-ngữ — có nhìn rõ những công-trình kiến-trúc tại các đền tháp, cùng những dấu vết của các công-sự bổ-phòng đã bị chiến-tranh phá nát, người ta mới hình-dung được những cái gì tinh-xảo, khéo-léo, vĩ-đại mà dân-tộc Chăm đã đạt trong lịch-sử.

Đã nhiều phen, dân-tộc Chăm đã vượt biên-giới cổ phát triển tiềm-lực hùng-cường cho nội-giống, nhưng những thất-bại về quân-sự, trước lực-lượng xâm-lăng ngoại-bang, đã khiến Vương-Quốc Champa sụp đổ; người dân Chăm mất nước, mất đất, mất cả những gì, tự cổ, đã bảo-vệ, đã dâng cao truyền-thống dân-tộc Chăm; nền văn-hóa Chăm do đó cũng theo cùng một số phận không may.

Đứng về phương-diện lãnh-đạo Quốc-gia và trong mọi thể yếu, dân-tộc Chăm, trong lịch-sử, đã vướng phải một trở-ngại

căn-bản là trước cũng như sau, Champa vẫn chưa thoát khỏi cơ-cấu tổ-chức phong-kiến, lãnh-thổ bị phân chia thành những khu-vực nhỏ với nhiều lãnh-chúa, nên dù muốn dù không trong việc trị nước, cũng khó mà thực-hiện một sự hòa-hợp lâu bền gom về một quyền-uy tối-thượng, thống-nhất, đề-nhiên-hậu tạo sức mạnh tự bảo-vệ và tiêu-diệt mọi áp-lực phá-hủy từ bên ngoài.

Nhưng xét về một phương-diện khác, khi mà hệ-thống Vua-Quan lãnh-đạo Vương-Quốc Champa không còn nữa, thì ngược lại, chính nhờ nhược-diểm kể trên mà dân-tộc Chăm đã có thể tồn-tại, sống vất-vưởng thêm mấy thế-kỷ sau cùng. Người dân Chăm sau khi đã mất tất cả, một số sống sót trong những thôn-ấp hẻo-lánh, trên mảnh đất cũ, đã cảm thấy thẳm-thía hơn bao giờ hết, cái nghĩa-vụ thiêng-liêng phải bảo-tồn và đề-cao những Amaravati, Kauthara, Panduranga... v.v... và quyền-luyến bao nhiêu với ý-nghĩa của một danh-từ « Chăm » quốc-hồn quốc-túy.

Nói khác, mằm-móng tinh-thần phân-ly có một thời đã đè nặng lên số phận Vương-Quốc Chăm. Nhưng đến khi mà hình-thức quyền-uy tối-thượng bao trùm lãnh-thổ đã mất chân đứng và tiêu tan, thì những cái gì còn sót lại của Vương-Quốc lại có thể ngoài những thừa đất rời-rạc, cô-lập, bé nhỏ ?

Những trang sử máu đã khép lại, nhưng chính những cơ-cấu thiếu hình-thức hào-nháng sau cùng này, đã tồn-tại, qua thời-gian, đã cất giữ được con người, tập-tục, cùng cuộc sống truyền-thống của dân-tộc Chăm.

Và cũng nhờ đó Vương-Quốc Chiêm-thành tức Champa không còn nữa, nhưng dân-tộc Chăm vẫn còn...



PHỤ - LỤC

*Tiếng nói của Người Chăm
trong lịch-sử Champa*

Đi tìm quá khứ



QUA nhiều thế-kỷ lịch-sử sóng gió, xã-hội Chăm ngày xưa, ít ra cũng có một vài sử-ghi chuyên ghi lại những bước thăng-trầm của con đường đã đi qua của dân-tộc.

Nhưng giai-đoạn sau cùng của Vương-Quốc Chăm bi-thuật quá, bao nhiêu thành-trị sự, là thành bình-địa, bao nhiêu người đã ngã gục, bao nhiêu người đành phải bỏ mà đi...

Trong thảm-cảnh ly-tán đó, mỗi người cố giữ được mạng sống cũng đã là cái may, thì còn làm sao lo bảo-toàn được những mảnh giấy thô, để làm mỗi cho lửa đỏ ?

Chỉ có một số văn-bia dùng phạn-ngữ khắc trên đá bị bỏ quên trong một góc rừng, nay-mãn còn sót lại, nhưng dù sao cũng không cung-ứng những sự-kiện liên-tục cần-thiết để kiến-tạo lại lịch-sử, một cách đầy đủ.

Hoàn-cảnh chiến-chinh đã tạo cách-biệt giữa những huy hoàng sáng-chói của ngày xưa và tình-trạng vô-vọng của giai-đoạn sau cùng.

Nói thế, không có nghĩa là người Chăm sau này đã quên đi tất cả những di-vãng của dân-tộc mình. Di-vãng đó vẫn tồn-tại, mặc dù những áp-lực bất-lợi của ngoại-cảnh, nhưng vì tồn-tại trong

lòng người, dưới những hình-thức phù-hợp, có tánh-cách hồn-nhiên, né tránh gò bó, cho nên những người tìm hiểu sau này, dựa vào tinh-thần phân-tích khoa-học Âu-Tây, thấy có nhiều điểm lạ-lùng, có tánh-cách huyền-thoại hơn là lịch-sử.

Mất tổ-chức Vua Quan, dân-tộc Chăm không còn hệ-thống chánh-thức lãnh-đạo xã-hội, tạo cơ-sở phát-triển văn-hóa Chăm.

Tuy-nhiên, sau những ngày loạn-lạc, tình-thế lần hồi rồi cũng được ổn-định, sanh-hoạt tập-thể của một nhóm ít người còn sống-sót lần hồi cũng dung-hợp với những phương-tiện vật-chất khả-dụng để mong trở lại nề-lối cũ được chừng nào hay chừng ấy.

Chính trong hoàn-cảnh trên, đã hình thành một số câu chuyện nay đã thành câu chuyện cổ, mà tác-giả thường là những kẻ vô-danh hay nghĩ-ngợi, vốn sẵn có đôi chút năng-khiếu sáng-tác.

Nội-dung của các câu chuyện cổ này đôi khi chất-chứa nhiều ám-diệu, ý-nghĩa sâu-xa, nhưng đôi khi cũng tùy thuộc nhiều vào hứng-khởi, vào trí tưởng-tượng, khiến hậu-thế khó mà vịn vào đó để tìm ra sự thật.

Nói khác đi, đây là lối nhìn của giới bình-dân, mà sự mộc mạc chân-thành lẫn-lộn với sự phức-tạp đến bí-hiềm. Nó không phải là sản-phẩm của những sử-gia chuyên-nghiệp, nên thường không bị bóp méo bởi một áp-lực nào cả, nhưng ngược lại, lắm lúc được tô thêm một ít huyền-thoại, một ít mặc-cảm, hay kiêu-hãnh, có lẽ đúng hơn, về những huy-hoàng sáng-chói đã mất.

Qua những giòng chữ cổ, người ta không hi-vọng tìm được những sự-kiện lịch-sử, được trình-bày một cách lớp-lang, theo thứ tự thời-gian được và dĩ-nhiên, nếu đem so-chiếu với phần lịch-sử Chăm do các tác-giả Tây-Phương gây-dựng lại với phương-pháp khoa-học, dựa vào sử-liệu Trung-Quốc và Việt-Nam, người ta sẽ thấy những điểm dị-đồng và rất khó vị-trí-hóa các sự-kiện vào những hoàn-cảnh đã được ghi nhận.

Hàm-chứa bao nhiêu tình-cảm, bao nhiêu đau thương, điều chắc-chắn là các bản văn cổ chép tay còn lưu lại, có đầy đủ giá-trị biểu-lệ tâm-trạng người dân Chàm ở giai-đoạn sau cùng của Vương-Quốc Chàm.

Tuy-nhiên, mỗi người mỗi phương, mỗi quan-niệm, cách biệt trong không-gian của các nhóm — từ những người ở lại mảnh đất cũ tại Phan-Rí, Phan-Rang, cho đến những người ly hương ở Cam-Bốt, ở Châu-Đốc — đã tạo nên một số sai-lạc nguyên thủy và lẫn lộn, do ảnh-hưởng của sinh-hoạt địa-phương, một số chi-tiết được thêm bớt mỗi nơi mỗi khác, thành khác-biệt đôi khi hầu như hoàn-toàn.

Đó là không kể nạn « tam sao thất bản », truyền-khẩu cho nhau, để nó sống trong lòng người theo-thuận-tiện, lâu ngày bỏ quên đến chừng nhắc lại, cũng có thể có đôi khác đi một vài phần.

Năm 1890, một người Pháp nghiên-cứu về người Chàm, được nhiều người biết là Etienne Aymonier đã thử dựa vào những câu chuyện cổ kể trên, để gây-dựng lại lịch-sử Chàm theo quan điểm của chính người Chàm.

Trước hết, việc sưu-tầm các bản cổ-văn gặp nhiều khó khăn, vì vào năm 1890, người Chàm chỉ mới vừa được đề yên, nên theo tâm-lý e-ngại chung, rất ít người chịu đưa ra những bản văn mình còn lưu giữ. Người dân Chàm đã sợ mất những lưu-niệm của tiền-nhân cũng có, mà sợ người ta dùng những tài-liệu đó để làm một cái gì có hại cho giống giống mình cũng có. Một số bản lại được người dân xem như là những kỷ-vật thiêng-liêng không phải lúc nào cũng bày ra xem được, mà trái lại, phải chờ ngày lành tháng tốt, có lễ cúng rất phức-tạp.

Thứ nữa là nhiều bản, nội-dung có khi cùng chung một đề tài, nhưng lại khác nhau về tiêu-tiết, và bên nào cũng nói mình là đúng cả, thì phải tin vào ai ?

Công việc sưu-tập của E. Aymonier đã được một phần nào dễ dàng nhờ có sự giúp-dỡ của các chức-việc Pháp tại địa-phương dựa vào một vài chức-sắc lãnh-đạo tinh-thần các thôn ấp Chăm.

Đối với những bản văn không xem ngay được, E. Aymonier đã đưa sẵn giấy mực, nhờ những chức-sắc Chăm kẻ trên sao chép lại.

Trong số những bản văn thâu-thập được ở Trung-Việt, có một **Biên-Niên-Sử Hoàng-Gia Chăm** mà E. Aymonier đã cho đính kèm để dẫn-chứng một bài khảo-luận về Văn-phạm Chăm (1) và chúng tôi xin đính tại sau đây, để tìm hiểu về phía chính người Chăm đối với lịch-sử dân-tộc Chăm.

Thực ra, đây cũng chỉ là một thứ kê-khai các Triều Vua Chăm, nhưng người ta không tìm đâu ra những Simhavarman, Indravarman... vốn là những danh-hiệu theo Phạn-ngữ, một thứ chữ chỉ được dùng trong các giai-cấp phú-hào, Vua Chúa của xã-hội Chăm thời cổ.

Các văn bia dùng Phạn-ngữ, còn sót lại, đã được chuyển về cất giữ tại các viện Bảo-Tàng, nhưng riêng người dân Chăm ngày nay thì hầu hết chỉ biết những Pô Ro-Mê, Pô Klông Ga Rai, Pô Bình Thuôn... đề hăng năm cúng bái mà thôi.

Điều đó một phần nào nói lên một sức đề-kháng đã nung nấu ngay trong giới bình-dân Chăm, hướng vào việc bảo-tồn những cái gì có tánh-cách riêng, thuần-túy Chăm, đề đào-thải những cái gì có tánh-cách vọng-ngoại, không xuất-phát từ trong lòng dân-tộc.

(1) Tạp-chí Excursions et Reconnaissances, XIV, số 31, 1889, tr. 1-92.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Sông pō Pa-tik đi nư-gâr chắm ta-gôk rai đi nư-thăk i-nư-ga-rai jung pa-tau đưng rai klâu pluh tha-la-panh thun. Bloh pō Pa-tik luik rai đi nư-thăk a-theh nan đi bắl Sri Ba-nưi Bloh pō Su-li-ká đi nư-gâr chắm ta-gôk rai đi nư-thăk a-theh jung pa-tau đưng rai klâu pluh da-la-panh thun. Bloh pa-tau Su-li-ká luik rai đi nư-thăk pu-be li-jang đi bắl Sri Ba-nưi nan rây.

Bloh pō Klông Ga-rai ta-gôk rai đi nư-thăk pu-be jung pa-tau đi bắl Sri Ba-nưi bloh Pō klông Ga-rai mưng rai ngắk bắl dok đi bắl Hi-ngâu đưng rai li-mư pluh li-mư thun, sông pō Klông Ga-rai vớk pắk thuól mưng rup đi thun nư-thăk ku-bau.

Bloh pō Sri A-la-răng đi nư-gâr chắm ta-gôk rai đi nư-thăk ku-bau jung pa-tau đưng rai pak pluh klâu thun bloh pa-tau Sri A-la-răng luik rai đi nư-thăk pu-be đi bắl Hi-ngâu nan jơ.

Bloh chây a-nưk pa-tau Sri A-la-răng ta-gôk rai đi nư-thăk pu-be jung pa-tau đi bắl Hi-ngâu. Bloh chây a-nưk mưng-rai ngắk bắl dok đi bắl A-Ngui đưng rai klâu pluh li-mư thun. Sông pa-tau chây a-nưk luik rai đi nư-thăk u-la a-neh.

Sông pō Đê-ba-ta Thuól đi nư-gâr chắm u-rang bi-kanh minh ta-gôk rai đi nư-thăk u-la a-neh jung pa-tau đi bắl A-Ngui đưng rai đva pluh năm thun luik rai đi nư-thăk a-theh.

Bloh Pa-tắl Thuól a-dây tha tean thong pa-tau Đê-ba-ta Thuól ta-gôk rai đi nư-thăk a-theh đi bắl A-Ngui đưng rai đva pluh klâu thun, sông pa-tau Pa-tắl Thuól luik rai đi nư-thăk i-nư-ga-rai.

Bloh pō Bình-nư-thuól a-dây tha tean thong pa-tau Pa-tắl Thuól ta-gôk rai đi nư-thăk i-nư-ga-rai jung pa-tau đi bắl A-Ngui đưng rai pak pluh năm thun luik rai đi nư-thăk ku-bau.

Săng pô Đa-ri-chanh đi nư-gâr chẳm u-rang bi-kanh minh ôh kanh gấuk pa-tau Bình-nư-thuôl ô. Ta-gôk rai đi nư-thăk ku-bau jung pa-tau đi bắi A-Ngui đưng rai đũa pluh li-mur thun. Săng pa-tau Đa-ri-chanh luik rai đi nư-thăk ku-bau.

Ôh ka jung pa-tau ô, bloh jôk mưng-rai mưng-thuôl đi bắi A-Ngui săng bôl chẳm đuôik gai bắi ta-nư mưng-rai duk đi bắi Pa-rang. A-đanh klâu pluh ti-juh thun.

Săng pô Ka-thit a-nưk pa-tau Đa-ri-chanh ta-gôk rai đi nư-thăk ku-bau jung pa-tau đi b'ýuh bắi Bat thi-nưng đưng rai đũa pluh đa-la-panh thun, săng pô Ka-thit luik rai đi nư-thăk i-nư-ga-rai.

Săng pô Ku-brah a-nưk pô Ka-thit ta-gôk rai đi nư-thăk i-nư-ga-rai jung pa-tau đi b'ýuh bắi Bat thi-nưng đưng rai klâu pluh li-mur thun. Bloh pô Ku-brah luik rai đi nư-thăk ri-mong.

Săng pô Ka-bih a-đây tha tean thông pô Ku-brah ta-gôk rai đi nư-thăk ri-mong jung pa-tau đi b'ýuh bắi Bat thi-nưng đưng rai klâu pluh ti-juh thun, bloh pô ka-bih luik rai đi nư-thăk ri-mong.

Săng pô Ka-rut-đrăk a-nưk pô Ku-bih ta-gôk rai đi nư-thăk ri-mong jung pa-tau đi b'ýuh bắi Bat thi-nưng đưng rai ti-juh thun. Bloh pô Ka-rut-đrăk luik rai đi nư-thăk kra.

Săng pô Mưng-hê-su-răk đi nư-gâr chẳm u-rang bi-kanh minh ôh kanh gấuk boh tean pô Ka-rut-đrăk ô, ta-gôk rai đi nư-thăk kra đi b'ýuh bắi Bat thi-nưng đưng rai năm thun luik rai đi nư-thăk ku-bau.

Bloh pô Ka-nư-rai a-đây tha tean thông pô Mưng-hê-su-răk ta-gôk rai đi nư-thăk ku-bau jung pa-tau đi b'ýuh bắi Bat thi-nưng đưng rai tha pluh klâu thun. Bloh pô Ka-nư-rai luik rai đi nư-thăk ku-bau.

Sông pō At ka-muôn, a-nuk tha tean thông pō Ka-nư-rai nư-thắc ti-kuh, ta-gôk rai đi nư-thắc ku-bau ngắk bắk đok mừng ji-ngiu b'ýủh bắk Bat-thi-nưng đưng rai đũa pluh ti-juh thun. Bloh Pō At luik rai đi nư-thắc ti-pai.

Sông pō Klong Ha-lâu nư-thắc mư-nuk đi nư-gâr chăm u-rang bi-kanh minh ô kanh gâuk boh tean pō At ô, ta-gôk rai đi nư-thắc ti-pai jưng pa-tau đok đi bắk Pa-rang đưng rai đũa pluh li-mư thun. Sông pō Klong Ha-lâu luik rai đi nư-thắc ti-pai.

Sông pō Nit nư-thắc pa-be a-nuk pō klong Ha-lâu ta-gôk rai đi nư-thắc ti-pai jưng pa-tau đok đi bắk Pa-rang đưng rai tha pluh tha thun. Bloh pō Nit luik rai đi nư-thắc ku-bau.

Sông pō Jai-pa-rang nư-thắc a-thâu a-đây tha tean thông pō Nit ta-gôk rai đi nư-thắc ku-bau đưng rai năm thun bloh pō Jai-pa-rang, luik rai đi nư-thắc a-theh.

Sông pō Êh Khang a-nuk pō Jai-pa-rang nư-thắc ti-kuh ta-gôk rai đi nư-thắc a-theh jưng pa-tau đok đi bắk Pa-rang đưng rai li-mư thun luik rai đi nư-thắc a-thâu.

Bloh Pō Mưh ta-ha nư-thắc pa-be u-rang bi-kanh minh ta-gôk rai đi nư-thắc a-thâu, jưng pa-tau đok đi bắk Pa-rang đưng rai năm thun, bloh pō Mưh-ta-ha luik rai đi nư-thắc ta-pai.

Sông pō Rô-mê nư-thắc u-la a-nêh mư-tâu pō Mưh-ta-ha ta-gôk rai nư-thắc ta-pai jưng pu-tau ngắk b'ýủh đok đi bắk Pa-rang đưng rai đũa pluh li-mư thun luik rai đi nư-thắc ta-pai. Bloh pō Nrop nư-thắc ku-bau a-đây tha tean thông Pō Rô-mê ta-gôk rai đi nư-thắc i-nư-ga-rai jưng pa-tau đok đi bắk Pa-rang đưng rai tha thun luik rai đi nư-thắc u-la a-nêh,

Bloh pô Phik-ti-rai đa pa-phủh, nư-thắc mư-nuk mư-tâu pô Ro-mê pa-tau yuôn brây sắk ta-gôk rai đi nư-thắc a-theh jung pa-tau đok đi bắi. Pa-rang đưng rai pak thun luik rai đi nư-thắc mư-nuk.

Bloh pô Ja-ta-mưh mư-tâu pô Phik-ti-rai pa-tau yuôn brây sắk đi nư-thắc mư-nuk đô đok từng kloanh a-panh nư-gâr chẳm đưng rai đũa thun. Bloh pa-tau yuôn brây sắk ka pô Thot nư-thắc pa-be a-nưk pô Phik-ti-rai đa pa-phủh đi nư-thắc pa-bui ta-gôk rai đi nư-thắc ti kuh jung pa-tau đok đi bắi Pa-rang đưng rai klâu plu h klâu thun luik rai đi nư-thắc kra; đok klâu kgan h.

Săng pô Sắk-ti-rai đa pa-tih nư-thắc ti-kuh a-đây tha tean thong pô Thot pa-tau yuôn brây sắk đi nư-thắc pa-bui ta-gôk rai đi nư-thắc ti-kuh jung pa-tau đok đi bắi Pa-rang đưng rai klâu plu h đũa thun luik rai đi nư-thắc pa be, bloh pô Ga-nuh đa pa-tih nư-thắc ku-bau ti-cho pô Sắk-ti-rai đa pa-tih pa-tau yuôn brây sắk ta-gôk rai đi nư-thắc kra jung pa-tau đok đi bắi Pa-rang đưng rai klâu thun luik rai đi nư-thắc a-thâu.

Săng pô Thut-ti-rai đa pa-tih a-nưk pô Thot pa-tau yuôn brây sắk jung khâm lik binh đi nư-thắc pa-bui đưng rai tha thun luik rai đi nư-thắc ti-kuh. Bloh pô Rat-ti-rai đa pa-tih nư-thắc i-nư-ga-rai ta-cho pô sắk-ti-rai đa pa-tih pa-tau yuôn brây sắk đi nư-thắc ti-kuh tắi nư-thắc ti-pai ta-gôk rai jung pa-tau pô đi bắi Pa-rang đưng rai đũa plu h tha-li-panh thun luik rai đi nư-thắc pa-be. Bloh pô Ta-thun đa mưh-rai nư-thắc ti-pai a-nưk pô Rat-ti-rai đa pa-tih pa-tau yuôn brây sắk đi nư-thắc pa-be jung cai-bach binh a-panh nư-gâr chẳm tha thun luik rai đi nư-thắc mư-nuk. Bloh pô Ti-thun ti-rai đa pa-phủh nư-thắc ku bau a-nưk pô

khâm lik binh pa-tau yuôn brây sắk đi nư-thắk mư-nuk tắl nư-thắk
 ti-kuh ta-gôk jung pa-tau đok đi bắl Pa-rang đưng rai tha pluh
 klâu thun luik rai đi nư-thắk ti-kuh bloh pô Ti-thun ti-rai đả pa-rang
 nư-thắk a-thâu u-rang bi-kanh minh pa-tau yuôn brây thắk đi
 nư-thắk ti-kuh jung prong tha thun bloh klah đi nư-thắk ku-bau.
 Săng chây Kây-brây nư-thắk mư-nuk a-nưk pô Ti-thun ti-rai đả
 pa-phủh pa-tau nhak brây sắk đi nư-thắk ti-pai jung châng a-panh
 nư-gâr chẳm đưng rai pak thun luik rai đi nư-thắk a-thuk bloh
 pa-tau nhak brây sắk ka pô Ti-thun ti-rai đả pa-rang đi nư-thắk
 a-theh jung châng a-panh nư-gâr chẳm đok đả-la-panh thun Bloh
 pa-tau muk ba nao đông nai đi nư-thắk ku-bau jơ.

Bloh pô La-thuôn pa-phủh nư-thắk u-la a-neh a-nưk bol
 minh pa-tau yuôn brây sắk đi nư-thắk ku-bau jung châng a-panh
 nư-gâr chẳm đưng rai ti-juh thun luik rai đi nư-thắk pa-be. Bloh
 pa-tau brây sắk ka pô Chơn Chanh đi nư-thắk pa-be đok đi bắl
 Pa-rang đưng rai đả pluh pak thun luik rai đi nư-thắk a-theh jơ.

Ny ku-hrea đôm rai pa-tau mừng jung ta-nuh jung A-đẳm
 tắl a-rắk ny đôm pa-tau jung êng-kắt đả pluh li-mư rai ; đôm
 pa-tau jung hu sắk năm rai ; đôm hu sắk jung prong năm rai ; tồk
 sắk pa-tau Nhạc jung prong đả rai.

Ny ku-hrea thun mừng pa-tau Âu-loah tắl a-rắk ny, đả-l,
 panh ri-tuh klâu pluh klâu thun ».

Biên - Niên - Sử Hoàng-Gia Chăm

« Ny tha-tik thi-thik Ka-ri-ya »! (1) Cái này làm ra để biết niên-hiệu các triều-dại từ tạo thiên lập địa.

Các Vua tự-lập.

Năm con Chuột, Pô Âu-loah từ cõi trên xuống làm Vua Vương-Quốc Chăm trị-vì được ba mươi bảy năm tại kinh-đô Sri Ba-nui. Đến năm con Chuột, Pô Âu-loah trở về cõi trên, đề Pô Nư thuôn-lăk lên ngôi Vua Vương-Quốc Chăm cũng trong năm con Chuột, và làm vua trong bốn mươi một năm tại Sri Ba-nui. Đến năm con Rồng, Pô Nư-thuôn-lăk trở về trời.

Lại đến Pô Pa-tik lên ngôi Vua Vương-Quốc Chăm năm con Rồng, trị-vì trong ba mươi chín năm. Xong, Pô Pa-tik rời ngôi vàng năm con Ngựa, tại Sri Ba-nui. Xong, Pô Su-li-ka lên ngôi Vua Vương-Quốc Chăm năm con Ngựa, trị-vì ba mươi tám năm rồi rời ngôi, năm con Dê, kinh-đô vẫn ở Sri Ba-nui.

Xong, Pô Klong Ga-rai lên ngôi Vua Chăm năm con Trâu tại Sri Ba-nui, rồi Pô Klong Ga-rai dời đó về Hi-ngầu trị nước trong năm mươi lăm năm. Pô Klong Ga-rai trở về cõi trên với luôn thề xác vào năm con Trâu.

(1) Công-thức mở đầu.

Xong, Pô Sri A-la-rang lên ngôi Vua Chàm năm con Trâu, tại ngôi bốn mươi ba năm, rồi Vua Sri A-la-rang rời ngôi năm con Dê cũng tại kinh-đô Hi-ngâu đó.

Xong, Chây A-nuk, con của Sri A-la-rang lên kế-vị năm con Dê tại bãi Hi-ngâu. Rồi Chây A-nuk đi lập Hoàng-Cung tại kinh-đô A-ngui, trị-vì ba mươi lăm năm. Vua Chây A-nuk rời ngôi năm con Rắn.

Lại đến Pô Đê-ba-ta Thuôr một người lạ (1) lên ngôi Vua Chàm năm con Rắn tại kinh-đô A-ngui, trị nước hai mươi sáu năm và rời ngôi năm con Ngựa.

Xong, Pô Pa-tăl Thuôr, em cùng mẹ với Vua Đê-ba-ta Thuôr, lên ngôi năm con Ngựa tại bãi A-ngui, trị-vì hai mươi ba năm, rồi Pô Pa-tăl Thuôr rời ngôi năm con Rồng.

Xong, Pô Binh-Thuôr, em một mẹ với Pa-tăl Thuôr lên ngôi năm con Rồng, lên ngôi trị nước tại A-ngui, trong bốn mươi năm và rời ngôi năm con Trâu.

Lại đến Pô Đa-ri-chanh tại Vương-Quốc Chàm là người lạ, không có bà con gì với Pô Binh-Thuôr cả, lên ngôi năm con Trâu, trị nước tại bãi A-ngui, trong hai mươi lăm năm, rồi vua Pô Đa-ri-chanh rời ngôi vào năm con Trâu.

Chưa có Vua kế ngôi, thì có giặc-giã lại xâm-nhiều A-ngui. Người dân Chàm đã thiên-đô về Phan-Rang. Thời-gian là ba mươi bảy năm.

Lại đến Pô Ka-Thit, con của Vua Pa-ri-chanh lên ngôi năm con Trâu, trị-vì tại Thành-lũy Bat-thi-nung, trong hai mươi tám năm, rồi Pô Ka-Thit rời ngôi năm con Rồng.

(1) Không thân thuộc với giòng Vua trước.

Lại đến Pô Ku-brah, con của Pô Ka-Thit lên ngôi năm con Rồng tại Thành Bat-thi-nung, trị nước trong ba mươi lăm năm. Pô Ku-brah rời ngôi vào năm con Cọp.

Lại đến Pô Ka-Bih, em một mẹ với Ku-brah lên ngôi năm con Cọp tại thành Bat-thi-nung, trị vì ba mươi bảy năm, rồi Pô Ka Bih rời ngôi vào năm con Cọp.

Lại đến Pô Ka-rut-drăk con của Pô Ka-Bih lên ngôi năm con Cọp tại Thành Bat-thi-nung trong bảy năm. Xong, Pô Ka-rut drăk rời ngôi năm con Khỉ.

Sau đó, trong Vương-Quốc Chăm, Pô Mung-hê-su-răk một người lạ, không có bà con với Pô Ka-rut-drăk, lên ngôi năm con Khỉ tại thành Bat-thi-nung, trị vì sáu năm rồi xuống ngôi vào năm con Trâu.

Xong, Pô Ka-nu-rai, em một mẹ với Mung-hê-su-răk lên ngôi năm con Trâu tại thành Bat-thi-nung, trị vì trong mười ba năm, rồi Pô Ka-nu-rai rời ngôi năm con Trâu.

Lại đến Pô At, cháu của Pô Ka-nu-rai (cha Pô At và Pô Ka-nu-rai là anh em một mẹ khác cha), tuổi con Chuột lên ngôi năm con Trâu, cho cất một Hoàng-Cung và ở ngoài vòng thành Bat-thi-nung, trị nước trong hai mươi bảy năm, rồi Pô At xuống ngôi năm con Thỏ.

Lại đến Pô Klong H'lâu tuổi con Gà, chỉ là người lạ không thuộc giòng họ Pô At, lên ngôi năm con Thỏ, tại bãi Pa-Rang, trị nước hai mươi lăm năm, rồi Pô Klong H'lâu rời ngôi năm con Thỏ.

Lại đến Pô Nit, tuổi con Dê, con của Pô Klong H'lau, lên ngôi năm con Thỏ tại bãi Pa-Rang, trị nước mười một năm rồi Pô Nit rời ngôi năm con Trâu.

Lại đến Pô Jai-pa-rang, tuổi cợn Chó, là em một mẹ với Pô Nit, lên ngôi năm con Trâu, trị nước sáu năm rồi Pô Jai-pa-rang rời ngôi năm con Ngựa.

Lại đến Pô Êh-Khang, con của Pô Jai-pa-rang, tuổi con Chuột, lên ngôi năm con Ngựa, tại Pa-Rang, trị-vì năm năm, rời ngôi năm con Chó.

Xong, Pô Muh-ta-ha, tuổi con Dê, chỉ là một người lạ, lên ngôi năm con Chó tại Pa-Rang, trị nước được sáu năm rồi Pô Muh-ta-ha rời ngôi năm con Thỏ.

Lại đến Pô Ro-mê, tuổi con Rắn, rề của Pô Muh-ta-ha, lên ngôi năm con Thỏ, kiến-tạo nên một đô-thị tại kinh-đô Pa-Rang, trị-vì hai mươi lăm năm và rời ngôi năm con Thỏ. Xong, Pô Nrop, tuổi con Trâu, em một mẹ với Pô Ro-mê lên ngôi năm con Rồng tại Pa-Rang, trị nước một năm, rời ngôi năm con Rắn.

Xong, Pô Phik-ti-rai đa pa-ghủh, tuổi con Gà, rề của Pô Ro-mê, được vua **Yuôn** ban sắc, lên ngôi năm con Ngựa tại Pa-Rang, trị-vì được 4 năm, rời ngôi năm con Gà.

Xong, Pô Ja-ta-muh, rề của Pô Phik-ti-rai đa pa-ghủh được Vua **Yuôn** ban sắc, năm con Gà với tước « Đề-Đốc Đại-Tướng Quân ». Cai-trị đất nước Chàm, trong hai năm. Rồi Vua **Yuôn** lại tấn-phong Pô Thot, tuổi con Dê, con của Pô Phik-ti-rai đa pa-ghủh, vào năm con Heo, lên ngôi năm con Chuột tại Pa-Rang trị nước ba mươi ba năm, rời ngôi năm con Khỉ ; còn 3 vị nữa.

Lại đến Pô Săk-ti-rai đả pa-tih, tuổi con Chuột, em một mẹ với Pô Thot, được Vua **Yuôn** tấn-phong năm con Heo, lên ngôi năm con Chuột tại Pa-Rang, trị nước ba mươi hai năm, rồi ngôi năm con Dê.

Xong, Pô Ga-nủh đả pa-tih, tuổi con Trâu, cháu của Pô Săk-ti-rai được Vua **Yuôn** tấn-phong năm con Khỉ tại Pa-Rang, trị nước được ba năm, rồi ngôi năm con Chó.

Lại đến Pô Thut-ti-rai đả pa-tih, con của Pô Thot được Vua **Yuôn** ban chức « khâm-lý-binh » (?) năm con Heo, trị nước được một năm rồi rời ngôi năm con Chuột. Tiếp đó, Pô Rat-ti-rai đả pa-tih tuổi con Rõng, cháu Rat-ti-rai đả pa-tih, được Vua Việt tấn-phong năm con Chuột, lên ngôi năm con Thỏ, tại Pa-Rang, trị-vì hai mươi chín năm và rời ngôi vua năm con Dê.

Xong, Pô Ta-thun đả muh-rai, tuổi con Thỏ, con của Pô Rat-ti-rai đả pa-tih, Vua **Yuôn** ban tước « Cai-bạch-binh » (?) năm con Dê, trị nước Chàm được một năm, rồi ngôi năm con Gà.

Xong, Pô Ti-thun ti-rai đả pa-phủh, tuổi con Trâu, con của Pô « khâm-lý-binh, » Vua **Yuôn** tấn-phong năm con Gà, đến năm con Chuột thì lên ngôi tại Phan-Rang, trị nước mười ba năm, rồi ngôi năm con Chuột.

Xong, Pô Ti-thun ti-rai đả pa-rang, tuổi con Chó, chỉ là người lạ, (đối với giòng vua trước), Vua **Yuôn** tấn-phong năm con Chuột « nổi danh » một năm và thoát đi vào năm con Trâu. Liên đến, Chây Kây Bráy, tuổi con Gà, con của Pô Ti-thun ti-rai đả pa-phủh, Vua Nhạc (Nguyễn-Nhạc Tây-Son) tấn-phong năm con Thỏ thành « chương » (?) cai-trị nước Chàm được bốn năm, rồi ngôi năm con Ngựa.

Xong, Vua Nhạc chuyển ngôi cho Pô Ti-thun ti-rai da Pa-rang năm con Ngựa, làm quan Chương, cầm quyền xứ Chàm được tám năm. Sau đó, vua bắt đem đi Đồng-Nai năm con Trâu.

Xong, Pô La-Thuôn pa-phủ, tuổi con Rắn, chỉ là con dân già, Vua Yuôn bổ chức « chương » năm con Trâu, cầm quyền nước Chàm bảy năm, rồi ngôi năm con Dê. Xong, vua tấn-phong Pô Chơn, năm con Dê, trị-vì tại Phan-Rang hai mươi năm, rồi ngôi năm con Ngựa.

Nay tính những triều vua từ khi lập địa, tạo nên A-Đăm cho tới bây giờ, riêng các vị Vua độc-lập thì có hai mươi lăm triều-đại. Số vua được tấn-phong là sáu vị. Số vua được nhận tước Chúa sáu vị. Nhờ có Vua Nhạc tấn-phong 2 trào vua.

Nay tính từ năm vua Âu-loah cho đến bây giờ chung hết là tám trăm ba mươi ba năm.



Xem như trên, người ta thấy người Chàm cũng đã dùng mười hai Con Giáp — và tập-tục này vẫn lưu-truyền đến ngày nay — chỉ-định các niên-lịch : Chuột, Trâu, Cọp, Thỏ, Rồng, Rắn, Ngựa, Dê, Khỉ, Gà, Chó, Heo, (khác người Việt ở một Con Giáp : con Thỏ thay vì con Mèo).

Ở giai-đoạn sau cùng của Vương-Quốc, người Chàm không còn dùng niên-lịch Ca-ka nguyên-thủy nữa. (Theo niên-lịch ca-ka, năm 1 của người Chàm tương-ứng với năm 78 Tây-Lịch).

E. Aymonier đã căn-cứ vào triều vua Pô Chơn, là vị vua cuối cùng của người Chàm, đã rời bỏ Phan-Rang, lưu-vong

sang Cam-Bốt, một ít lâu sau khi Minh-Mạng lên ngôi (Vua Minh-Mạng lên ngôi năm 1819), để so-chiếu niên-hiệu các triều vua với Tây-Lịch.

Biên-Niên-Sử Chăm đã ghi Pô Chơn rời ngôi vào năm con Ngựa ; nếu tính vào Tây-Lịch thì 1822 là năm con Ngựa, nhằm ba năm sau khi vua Minh-Mạng lên ngôi.

Lấy năm 1822 kê trên làm tiêu-chuẩn, E. Aymonier đã theo thời-gian các Triều Vua ghi trong Biên-Niên-Sử, để tính ngược lại, cho đến Triều Vua đầu là Pô Âu-loah khởi đầu vào năm 1000.



Bảng kê các triều Vua Chăm

VUA TẠI SRI BA-NUI (1)

- 1 — Pô Âu-loah hay Ol-loh, 1000 — 1036.
- 2 — Pô Nơ-thuôn-lăk, 1036 — 1076.
- 3 — Pô Pa-tik, 1076 — 1114.
- 4 — Pô Su-li-ka, 1114 — 1151.

VUA TẠI BẮL HI-NGÀU

- 5 — Pô Klong Ga-Rai, 1151 — 1205.
- 6 — Pô Sri A-La-rang, 1205 — 1247.

(1) Người Việt xưa thường gọi người Chăm là người Hời, một danh-từ mà người Chăm xem cũng như « Annon » đối với người Việt vậy. E. Aymonier đã vào vào chữ Hời đó, suy đoán rằng Sri Ba-nui có lẽ là ở vùng Đàng-Hời.

VUA TẠI BẮL A-NGUI

- 7 — Cháy A-nuk, 1247 — 1281.
- 8 — Pô Đê-ba-ta Thuôr, 1281 — 1306.
- 9 — Pô Pa-tăi Thuôr, 1306 — 1328.
- 10 — Pô Bính Thuôr, 1328 — 1373.
- 11 — Pô Pa-ri-Chanh, 1373 — 1397

CÁC LÃNH-CHÚA TẠI BAT-THI-NUNG

- 12 — Pô Ka-Thit, 1433 — 1460.
- 13 — Pô Ku-Brah, 1460 — 1494.
- 14 — Pô Ka-Bih, 1494 — 1530.
- 15 — Pô Ka-rut-drăk, 1530 — 1536.
- 16 — Pô Mung Hê su-răk, 1536 — 1541.
- 17 — Pô Ra-nu-rai, 1541 — 1553.
- 18 — Pô At, 1553 — 1579.

CÁC LÃNH-CHÚA TẠI PA-RANG

- 19 — Pô klong H'lâu, 1579 — 1603
- 20 — Pô Nit, 1603 — 1613
- 21 — Pô Jai Pa-rang, 1613 — 1618.
- 22 — Pô Êh-khang, 1618 — 1622.
- 23 — Pô Mưh Tă-ha, 1622 — 1627.
- 24 — Pô Rô-mê, 1627 — 1651.
- Giai-đoạn loạn-lạc. 1651 — 1652.
- 25 — Pô Nrop, 1652 — 1653.
- Giai-đoạn không có Vua : 1653 — 1654. (1)

(1) Vì Biên-Niên-Sử không đề-cập, nên có thể giả-thiết là giai-đoạn khuyết Vua.

CÁC CHÚA ĐƯỢC TẤN PHONG

- 26 — Pô Phik-ti-rai đa pa-phủh, 1654 — 1657.
- 27 — Pô Ja-ta-muh, 1657 — 1659.
 - Giai-đoạn không Vua : 1659 — 1660.
- 28 — Pô Thot, 1660 — 1692.
 - Giai-đoạn không Vua : 1692 — 1695.
- 29 — Pô Săk-ti-rai đa pa-tih, 1695 — 1728.
- 30 — Pô Ca-nuh, 1728 — 1730.
- 31 — Pô Thut-ti-rai, 1731 — 1732.
 - Giai-đoạn không Vua : 1732 — 1735.

CÁC CHÚA DO TRIỀU-ĐÌNH HUẾ BỔ-NHẬM

- 32 — Pô Ra-ti-rai đa pa-tih, 1735 — 1763.
- 33 — Pô Ta-thun đa muh-rai, 1763 — 1765.
- 34 — Pô Ta-thun đa pa-phủh 1763 — 1780.
- 35 — Pô Ti-thun đa Pa-rang 1780 — 1781.
 - Giai-đoạn không Vua 1781 — 1783.
- 36 — Chây Krây Brây, 1783 — 1786.
- 36 bis — Pô Ti-thun đa Pa-rang 1786 — 1793.
- 37 — Pô La-thuôn 1793 — 1799.
- 38 — Vua sau cùng : Pô Chon-Chanh, 1799 — 1822.

Đứng đầu bảng-kê các Triều Vua kê trên là Pô Âu-loah hay Ol-loh, đã từ cõi trên « giáng xuống » trị nước.

Trong một bản cõ-văn chép tay có nói :

« Hồi năm con Chuột, một nhân-vật, thực-chất là Âu-loah, đã nỗ-lực làm đẹp Vương-Quốc Chăm, nhưng vì đất nước bị tai họa dọa-dẫm (lòng dân căm-phẫn, Vua lại xa dân), vị này đã phú thác hồn và xác cho Trời và sang Mecca trong 37 năm rồi trở lại Vương-Quốc sống như cọng cỏ. (1)

(1) Ý muốn nói không còn quyền lực gì nữa.

Mecca là Thánh-địa của người Hồi-Giáo tại Arabie Séoudite, nên người ta có lý-do để suy-đoán rằng danh-hiệu Âu-loah hay Ol-loh kể trên có lẽ đã do chữ « Allah » của Á-Rập, Thượng-đế duy-nhất mà mọi người Hồi-Giáo tôn-thờ.

Biên-Niên-Sử « tính từ những Triều Vua khi lập địa, tạo nên A-Dăm » thủy-tổ của loài người và bắt đầu từ Triều Vua Âu loah, suy ra, đây có lẽ chỉ là một lối hành-văn nhằm nhấn mạnh Triều Vua này tại một địa-phương hoặc từ khi Vương-Quốc Chàm bị thu hẹp lại còn ở Phan-Rang và Phan-Rí mà thôi, vì ai cũng rõ Vương-Quốc Chàm đã được thiết-lập từ thế-kỷ đầu Tây-Lịch nhưng lãnh-thô lại chia thành nhiều khu-vực đặt dưới quyền các lãnh-chúa.

Sự đồng-hóa Pô Âu-loah là Thượng-đế với danh-hiệu một vị Vua, có lẽ là do sự ngưỡng-mộ quá độ của dân-chúng chúng tỏ một thứ uy-quyền bao-la rộng của vị vua này trong Vương-Quốc. Và lại một số thần-linh được người dân Chàm cúng bái hằng năm cho mãi đến ngày nay cũng chỉ là những vị Vua ngày trước đã có công với đất nước Chàm.

Trong các vị Vua đó, đầu-tiên có thể nói đến **Pô Klong Ga-Rai**.

Theo thơ-văn cổ, Pô Klong Ga-rai sanh ngày thứ bảy nhằm ngày thứ tư của nửa tháng trăng khuyết, tháng mười một Chàm, mình-mẩy đầy lác và phong cùi, nên đã được Ông Bà nuôi nấng kỹ-lưỡng không hề cho chân dẫm đất và lúc đầu được đặt tên Pô Ông.

Năm bảy tuổi, Pô Klong Ga-rai giữ bò cho Vua. Bò do Pô Klong Ga-rai giữ luôn-luôn lục-tục phía sau các bầy bò khác. Một hôm theo một đoàn người đến Ea-Ra, một con bò bị thất-lạc.

Pô Klong Ga-rai đi tìm khắp nơi không gặp, bèn leo lên cây nhìn ở chân trời thì thấy con bò nầy đang bị cột trong một vườn trồng bông gòn, đằng sau một tư-dinh hết sức to lớn. Mừng quá, Pô Klong Ga-rai tuột mau xuống đất, thân cây bị rung-chuyển đã đột-nhiên trở nên đỏ chói từ rễ đến ngọn, biến thành con Rồng, nhìn Pô Klong Ga-rai một cách kính-cần.

Pô Klong Ga-rai đã nhờ người lớn tuổi dẫn đến lâu-dài ấy đề xin con bò lại, thì gặp ngay nhà của Thầy Cả chiêm-tinh, nên không ai dám vào xin cả và chỉ im-lặng chờ bên ngoài. Thầy-Cả chiêm tinh thấy thế bèn cho mời tất cả vào hỏi-han câu chuyện.

Những người già bèn vào quỳ lạy và bẩm : « Đó là con bò của Kvor Pang đưa cho đứa cháu giữ, thuộc đoàn chúng tôi ».

Thầy Cả chiêm-tinh liền cho gọi Pô Klong Ga-rai vào, nhưng vì mình-mấy Pô Klong Ga-rai đầy lác và phong hủi, đàn bà, trẻ con và gia-nhân đều ghê sợ trốn tất cả và lật-đật hoàn trả con bò lại.

Thầy Cả chiêm-tinh bèn nói với vợ : « Hãy nhìn cho rõ người bị phong hủi ấy. Y có một sức mạnh hơn người, và sau nầy sẽ làm vua đó ».

Rồi quay sang đứa con gái nói tiếp : « Đừng điên như vậy, sau nầy con sẽ là Hoàng-Hậu và nối danh với Người ấy. Phong hủi kia chỉ là bông hoa mà bề trên đã gắn vào người để che dấu vẻ đẹp cùng sức mạnh hơn người của y mà thôi. Đến ngày lành tháng tốt, một con Rồng sẽ tẩy sạch châu thân y ».

Pô Klong Ga-rai đã gặp Pô Pa-tih-tức Pô Klong-Chanh và kết bạn với nhau, rồi cùng đi buôn bán trâu như mọi người. Một

hôm đến chỗ đá chẻ (pa-tâu ta-blah là một phiến đá vụn-thạch nứt làm đôi, trên có khắc nhiều văn bia, hiện còn tại Râm, Phan-Rang), Pô Klong Ga-rai bị đau nhức từ đầu đến chân, nên không thể đội trâu nữa được.

Pô Klong-Chanh rất lấy làm lo-ngại, đã đề Pô Klong Ga-rai tại chỗ đá chẻ rồi trở về nhà báo cho mẹ biết, cùng mang cơm và nước cho bạn...

Khi Pô Klong-Chanh trở lại cùng nhiều người thì thấy một con Rồng đang liếm khắp châu thân Pô Klong Ga-rai, và bạn mình đã mất hết phong hủi ghê-tởm, trở nên đẹp-dẽ lạ thường.

Chợt tỉnh-dậy thấy Pô Klong-Chanh trước mặt, Pô Klong Ga-rai có ý hờn trách bạn tại sao lại bỏ đi để Pô Klong Ga-rai một mình giữa rừng trong khi bị bệnh.

Pô Klong-Chanh thấy cảnh-tượng biết bạn mình thực là chánh vị-vương chứ không phải người thường, nên đã dâng cơm trâu và nước cho Pô Klong Ga-rai dùng trước.

Nhưng Pô Klong Ga-rai không chịu cho Pô Klong-Chanh gọi mình là lãnh-chúa mà chỉ muốn được gọi là em như trước rồi cả hai cùng nhau ăn uống.

Một ngày kia, nhớ tới vụ con bò và người trẻ tuổi bị phong hủi chần bò, vị Thầy Cả Chiêm-tinh bèn mang lễ-vật đến nhà trao tặng ông bà Kvor và Pang, kết-thân.

Pô Klong Ga-rai đã nhận cô con gái của vị Chiêm-tinh-gia kia làm vợ. Toàn-thể Vương-Quốc vui-rộn lên, người ta tổ-chức săn thú và dân chúng đã vui say, ăn uống với những thức ăn do các con thú săn được.

Các bạch-tượng lấy voi đạp lên nền đất, kêu lên ăm-ì. Tại Ea Ru, một con bạch-tượng đặt Pô Klong Ga-rai trên lưng, cùng một đoàn voi lên đường đến Sri Ba-nuri và Pô Klong Ga-rai đã đóng đô tại đây.

Tục truyền rằng, Pô Klong Ga-rai đã dùng xảo-thuật thắng được một cuộc thách-đố với Yang Ba-Kran, trong việc biểu-dương lực-lượng hoàn-tất xây-dựng đền-tháp khiến Yang Ba-Kran (người Khơ-me) phải đem quân-binh ra khỏi vùng của Pô Klong Ga-rai.

Có một buổi trưa, Pô Klong Ga-rai làm một cái bè chuối thả xuống nước, chiếc bè ấy nổi lênh-bềnh rồi trôi ngược giòng sông lên cách chỗ thả hai dặm, rồi ngừng lại. Pô Klong Ga-rai đã chỉ ngay địa-diểm ấy và ra lệnh khởi-công việc đào kinh, mang thịnh-vượng lại cho xứ-sở.

Có hai con kinh: một con kinh giao cho toàn đàn bà con gái tự đào lấy, còn một con kinh khác thuộc toàn đàn ông con trai. Hai con kinh này tồn-tại đến ngày nay, cách ngôi đền Pô Klong Ga-rai ở Phan-Rang lối hai dặm đường. Một con kinh đào theo đường thẳng bị bỏ dở không dùng được, còn một con kinh khác đào theo đường cong như con rồng uốn khúc đã tưới nước cho một vùng trồng-trọt.

Người ta nói con kinh bỏ dở là con kinh của bọn đàn ông đào, vì lẽ trong khi đào, bọn đàn ông mê gái, chênh-mảng đã kéo nhau đến tán-tĩnh trâu ghẹo các cô nên không làm đến đâu cả !

Theo một số tài-liệu chữ Chăm chép tay khác, Pô Klong Ga-rai trước khi lên ngôi tên Ja Tha-Mung, lên ngôi năm Ngọ và trị-vì được 55 năm.

Theo tục-truyền, Pô Klong Ga-rai đã dạy người Chăm đắp đập và lấy nước tưới ruộng, để sau cùng thăng thiên, thành một vị Thần-linh che-chở người dân Chăm cho đến ngày nay.

Một người bạn, đồng-thời cũng là quan cận-thần của Pô Klong Ga-rai là **Pô Klong Ka-Sê** hay Klong Ka-Sat cũng được thần-linh-hóa, nhưng vị này nguyên « sanh từ làn khói, hơi nước », đã sống không vợ, không con, không cha, không mẹ, không nhà cửa chi cả nên người dân Chăm thường thờ vị này trong rừng, dưới những tàng cây râm mát.

Một vị Vua khác mà người dân Chăm tin-tưởng và hiện thường van vái là **Pô Bình Thuôr** mệnh-danh là *Chây-Ba-Ngu* tức ông Hoàng Bông Hoa, đã bị chết trong cuộc chiến chống xâm-lăng và là một vị Vua tài-ba thao-lược, đã tạo nhiều thành tích vẻ-vang cho đất nước Chăm.

Người ta đã phỏng- đoán có lẽ Pô Bình Thuôr là Chế-Bồng Nga đã ghi trong Việt-Sử, đã mất năm 1392. Nhưng nếu căn-cứ vào niên-hiệu này thì Chế-Bồng-Nga đã mất 19 năm sau khi Pô Bình Thuôr mất (theo bảng các Vua kể trên).

Theo tập-truyền, Pô Bình Thuôr cũng như Pô Ro-mê (sẽ nói sau) đều có diện-mạo khôi-ngô, dễ nhìn và cả hai cùng phạm nhược-diêm là đã cưới đàn-bà Việt, nên đã gây tang-tóc cho Vương-Quốc Chăm.

Theo tin-tưởng tại địa-phương, Pô Bình Thuôr đã đề thủ cấp lại đất địch còn thân mình chạy về được đến Boh Băi-ri-ya gần Nại (nay thuộc Quận Thanh-Hải, Phan-Rang). Bộ áo giáp trắng với những viên bằng vàng được một ông *Chăm-Nây* cất giữ tại Boh Băi-ri-ya.

Nhưng lại có tục-truyền không chịu cho thủ-cấp Pô Binh Thuôr đã lưu lại đất địch, mà là ở tại Glai Ja-bung hay Klây Ja-bung, vùng Krong Ba-Tau phía Tây Phan-Rang, nơi mà người Ro-glai đã cất giữ trong một hộp bằng đồng với một cái khiên và một số bản cõ-văn chép tay. Người Ro-glai chỉ có thể mang những kỷ-vật này ra xem, sau khi cúng-lễ một con dê và ngoài ra một năm hai lần, lại phải cúng thêm hai con gà và năm mâm cơm. Bằng không thì sẽ bị đau ốm.

Người ta tự hỏi tại sao một vị Vua có công chống đỡ ngoại-xâm và đồng-thời cũng là một trong vài nhân-vật cuối cùng cho Vương-Quốc Chăm lớn mạnh, đã gây bao nhiêu tin-tưởng trong lòng dân-chúng Chăm như vậy, lại không được chánh-thức thần-linh-hóa như Pô Klong Ga-rai hay ít nữa cũng như Pô Ro-mê sau này.

Theo E. Aymonier, mặc dù tục-truyền cho rằng đầu và thân Pô Binh Thuôr đã trở lại đất Chăm, nhưng lại thiếu lễ hỏa-táng, tới cần trong tập-tục Chăm cổ. Ngoài ra, dù người ta có chấp-nhận việc thủ-cấp và thân mình Pô Binh Thuôr đã được dịch-quân trả lại đi nữa, thì sự việc giao-trả đó cũng đủ làm một trở-ngại, để Pô Binh Thuôr chánh-thức nhận được những nghi-thức cúng-bái tại một đền tháp nguy-nga như Pô Klong Ga-rai vậy, nhưng dù sao, Pô Binh Thuôr cũng đã có một ngôi miếu thờ (bức tượng thiếu đầu) tại Xã Bính-Nghĩa, quận Thanh-Hải (Ninh-Thuận). Có một điều lạ là dân-chúng Chăm sống tại vùng lân-cận ngôi miếu kể trên, có tập-tục không ăn thịt heo, mặc dù họ không phải là tín đồ Hồi-Giáo. Người ta nói Pô Binh Thuôr không chịu thứ thịt này.

Trong cuộc sống, hằng ngày, người dân Chăm miền Trung ngày nay cũng thường van-vái một vị khác là Pô Rô-mê và hằng năm đến ngày ấn-định (bur Ka-tê) vẫn cùng nhau đem lễ vật lên Tháp Pô Ro-mê cúng bái.

Theo Biên-Niên-Sử, **Pô Ro-mê** là rề của Pô Mưh Tə-hə, đã dựng một thành-lũy trên bờ Krong La, tại một địa-diềm mà đường cái-quan cắt ngang con sông gọi là *Cha-nah Klău*. Ngoài ra Pô Ro-mê, còn cho đào một con kinh dẫn thủy từ con sông này, gần chỗ gọi là **Tăk-krêk** lúc chặt cây **krêk** hiện không còn dấu vết gì nữa cả.

Đối với hậu-thế Chăm, Pô Ro-mê là người cuối cùng đã bảo-vệ nền độc-lập quốc-gia Chăm và đã chết trong cảnh giam-cầm.

Với những chiến-công hiển-hách được tô thêm nhiều chi tiết huyền-thoại, Pô Ro-mê đã được người dân Chăm thần-linh-hóa và đưa lên ngang hàng với Pô Klong Ga-rai vậy.

Có bản văn Chăm chép tay có viết : « Pô Ro-mê nguyên tên là Ja Pot, sanh năm Răn tại Klây Kaok ở Ka-Rik », tức Phan-Rí.

Một cận-thần của Pô Ro-mê là « Ja Themeng Kei » sanh năm con Gà, sau đó cũng thành một Thần-linh quan-trọng tên **Pô Ri-yak** tức « Thần sóng biển », có đền thờ tại xã Dinh-Hải, quận Thanh-Hải (Ninh-Thuận).

Một vị *Pô Thea* hữu-trách Tháp Pô Ro-mê có kể cho E. Aymonier câu chuyện như sau :

— Cha mẹ của mẹ Pô Ro-mê vốn thuộc khá-giả. Đang còn con gái không đi lại với người đàn ông nào cả, Bà lại mang thai nên đã bị cha mẹ tưởng lầm là hư thân mất nết và đuổi đi. Không nơi nương-tựa, Bà đã phải đi lượm từng hạt lúa, đẽ dờ dổi. Trong tình-trạng cơ-cực và đơn-độc đó, Bà đã hạ-sanh Pô Ro-mê dưới tàng cây, và có một con Rồng đã làm mất tất cả dấu vết của

cuộc sanh-nở này. Thấy vậy, dân-chúng lân-cận đã đến đốt lửa lên và dựng lều sơ-sài để che mưa nắng cho Bà. Địa-diểm này sau đó được gọi là *Yang-Thok* (Thần Nhao), thuộc vùng *Pa-Rik*.

Bà đã nuôi-dưỡng con bà ở làng *Ra-zoh*.

Đến tuổi thành niên, Pô Ro-mê đã bị các bạn trẻ đồng lứa ngạo là con hoang, nên đã chạy về hỏi mẹ, xem cha mình là ai. Nghe mẹ trả lời là mình không có cha, Pô Ro-mê xấu-hổ, quyết bỏ làng cũ về sang ngụ tại *Ha-mu brâu*, ở *Ka-rang* (thuộc làng Lạc-Tự), nhưng tại đây cũng lại bị chê-nhạo, nên phải theo mẹ sang ngụ ở làng *Boh Mơ-thuh*, xứ Phan-Rang làm mục-đồng cho Vua Mưh Ta-ha.

Pô Ro-mê bắn rất tài, nên thường săn bắn được rất nhiều chim cu, công và gà rừng. Một ngày kia, sau một hồi săn bắn chẳng được gì, Pô Ro-mê mệt-mỏi và đã nằm lại ăn trâu, lưng dựa trên một thân cây to ngã gốc. Chợt cúi xuống nhờ bã trâu Pô Ro-mê nhận ra hai con mắt đỏ trên thân cây. Thì ra, đó là con Rồng ! Do đó, ngọn núi nơi xảy ra việc trên, sau được gọi *Chok-Bông ma-ta* (núi đỏ mắt) nằm về phía Tây Phan-Rang.

Sợ quá, Pô Ro-mê chạy trốn quanh-co một hồi, nhưng bình-tĩnh lại thì không tìm được đường về nữa.

Ở nhà chờ lâu không thấy Pô Ro-mê dẫn trâu về, các gia-nhân của Vua mới chia nhau đi tìm và đã gặp bầy trâu lừa về. Còn Pô Ro-mê thì mãi lâu sau mới gặp được và nơi gặp đó được người ta gọi là *ka-plah páp* (con đường gặp-gỡ).

Pô Ro-mê đã trưởng-thành, khi Vua Mưh Ta-ha có ý-dịnh từ ngôi.

Có một hôm, thỉnh-linh nghe tiếng Pô Ro-mê đuổi chó ở dưới nhà bếp, vị Trưởng Chiêm-tinh-gia Hoàng-tộc đã kêu lên :
 « Tiếng nói của Vua Champa tương-lai đó ! »

Sau khi cho dời Pô Ro-mê đến, vị này đã xem-xét dung nhan Pô Ro-mê và đã tâu Vua nên nuôi-dưỡng Pô Ro-mê kỹ-lưỡng.

Vua Mui Ta-ha đã làm theo lời tâu này và đã gả con gái là **Bia Thanh-Chih** cho Pô Ro-mê rồi cho kế-vị mình ở ngôi Vua Chàm.

Nhưng vì Bia Thanh-Chih bị hiếm-muộn, Pô Ro-mê đã cho người sang tận Lào tìm thuốc-thang để có một đứa con nối ngôi nhưng vô hiệu. Do đó, Pô Ro-mê đã cưới một người con gái gốc Ra-dê, tên là **Bia Thanh-Chanh**.

Với Bia Thanh-Chanh, Pô Ro-mê có được một đứa con gái sau đó gả cho ông Hoàng Phik Chok và chính Phik Chok đã liên kết với Vua **Yuôn** và cho triều-đình Huế rõ nhược-điểm trong tâm tánh của Pô Ro-mê : sự yếu đuối trước sắc đẹp mỹ-nhân.

Vua **Yuôn** đã cho một Công-Chúa thật đẹp giả dạng làm khách-thương sang nước Chàm.

Do sự sắp-xếp khéo-léo, tin-tức về nữ khách-thương duyên dáng ngoại-bang này đến tai Pô Ro-mê, nên Pô Ro-mê đã cho dời đến và khi vừa mới thấy mặt thì đã phải lòng ngay. Người Chàm gọi vị Công-Chúa **Yuôn** này là **Bia Ut** hay Nữ-Hoàng Ut cũng thế.

Sau 3 tháng sống trong Hoàng-Cung Chàm, Bia Ut, theo kế-hoạch vạch sẵn, đã giả đau nặng, bằng cách đặt bánh phòng dưới lớp chiếu trên giường, để gây tiếng động tựa hồ như gãy xương gãy cốt, mỗi khi trở mình.

Bối-rối vì nỗi đau-đớn của người đẹp, Pô Ro-mê đã cho dời các bà đồng đến hỏi thăm căn-bệnh, nhưng các bà đồng này, vốn đã được tên phản-ngịch Phik Chơk xúi bảo, nên đã tâu trình căn-bệnh là do cây **krêk**, cơ-sở bảo-lồn Vương-Quốc.

Nhà Vua liền cho dời các thầy thiên-văn đến hỏi ý-kiến xem có thể chặt bỏ cây **krêk** được không. Các vị này đều đồng loạt tâu : « Vương-Quốc sẽ sụp-đổ ».

Nhưng vì quá đam-mê, nhà Vua không chịu nghe lời can gián trên và đã hạ-lệnh chặt bỏ cây **krêk** thiêng.

Trong 3 ngày liền, cây **krêk** vẫn đứng nguyên, mỗi nhát búa chặt vào thân cây, tức thì được liền trở lại như cũ.

Được tấu-trình sự việc trên, nhà Vua nổi giận, đã đích-thân đến tại chỗ, vác búa đốn cây **krêk**.

Ba nhát búa của nhà Vua đã làm cho cây **krêk** rên-rỉ và ngã gục xuống, máu từ thân cây chảy ra có vôi như người ta vậy.

Ngay khi đó, thì cũng vừa có tin cấp báo một đạo quân **Yuôn** nương theo đường biển, tiến đánh Champa.

Nhà Vua liền ra lệnh cho 2 viên Tướng Tiên-phương (hạ-lau ba-lang) là Sha Bin và Pa-lak Bin dừng động-tĩnh chi cả, để cho nhà Vua tự xuất-quân kháng-cự.

Nhưng hai Tướng trên bất tuân lệnh Vua, và đã giàn quân phản-công địch-quân, giết được rất nhiều người, đầu chặt thành hình tháp cao như những ngọn núi.

Pô Ro-mê lại xác-nhận lệnh truyền, nhưng 2 tướng vẫn không nghe, cứ tiếp-tục chiến-đấu. Pô Ro-mê phải phái nhiều lính chúa khác đến nơi hạ lệnh ngưng đánh, nếu bất tuân chém đầu ngay.

Sha Bin và Pa-lak Bin đành tuân lệnh trở về trào, xin hoàn trả lại vua áo mào cùng các tước-phẩm, rồi đi ẩn trên núi.

Trong khi đó, địch vẫn liếp-tục ồ-ạt tiến quân vào đất Chăm.

Pô Ro-mê sau cùng đã xuất-quân phản-công chém giết rất nhiều quân binh địch, đầu chất thành những ngọn núi. Địch chịu không nổi, phải rút quân và nhà Vua còn rượt theo chém giết một số nữa.

Khi Vua trở về trào, các Thầy chiêm-tinh đã khuyên Vua nên đuổi nàng Công-Chúa **Yuôn** ra khỏi Hoàng-Cung thì nước nhà mới yên-ổn, nhưng Pô Ro-mê cho đó là lời sàm-tấu, nhất quyết không nghe.

Địch-quân trở lại xâm-nhiều vài lần nữa, nhưng đều bị Pô Ro-mê đánh bại cả và cứ mỗi lần như vậy, các Thầy chiêm-tinh đều đứng ra khuyên Vua như trên.

Trước sự việc đó, các thân phụ-trợ Vương-Quốc, lấy làm bất-bình nhà Vua, nên đã cùng nhau rời bỏ Vương-Quốc.

Một lần sau cùng, giặc xua quân đánh chiếm Champa và đã chiến-thắng. Pô Ro-mê bị bắt giải về kinh-đô Huế trong một cái chuồng bằng sắt.

Một người con gái của Pô Ro-mê là Pô Mul (vợ của Phik ti-rai đa pa-guh) đứng ra đốc-thúc quân lính Chăm rượt theo kịp đoàn tù-xa và cùng quân **Yuôn** thương-lượng.

Quân **Yuôn** đã giết chết Pô Ro-mê và trả thi-hài cho Pô Mul đem về làm lễ hỏa táng theo tập-tục.

Vị Công-Chúa Ra-de tức Hoàng-Hậu Bìa Thanh-Chanh đã tự nhảy vào giàn hỏa theo chồng về bên kia thế-giới.

Đề nêu gương tiết-liệt trung-trình kể trên, người ta đã xây một bức tượng thờ Bia Thanh-Chanh ngay trong Tháp Pô Ro-mê Phan-Rang. Còn Tượng Bia Thanh-Chih đã được đặt ở bên ngoài Tháp.

Bia Ut, người đẹp gây nên cái chết của Pô Ro-mê, đã bị hành-quyết sau đó, theo lệnh của Pô Mul và các lãnh-chúa.

Nhơn câu chuyện Pô Ro-mê kể trên, người ta được biết cây **krêk**, theo tin-tưởng của người dân Chàm, là rường-cột Vương-Quốc Chàm.

Cây **krêk** tức là cây lim xanh, thuộc loại danh-mộc, gỗ rất cứng và mủ màu đỏ như máu. Tại Phan-Rang, cây **krêk** khá nhiều, nhưng có một địa-diểm ở thôn Hậu-Sanh, xã Đại-Phước, quận An-Phước (Ninh-Thuận), còn dấu-vết của Thành-lũy (b'ýuh) Chàm ngày xưa, có một cây **krêk** có dấu đốn đã lâu năm và người dân Chàm tin rằng đó là cây **krêk** đã bị đốn trong lịch-sử.

Đến nay, cây **krêk** kể trên đã mọc trở lại xanh tươi như mọi cây **krêk** khác ở lân-cận.

Người Chàm Châu-Đốc và Cam-Bốt, thuộc giòng-dối những người Chàm ly-hương, hiện cũng còn lưu-truyền một huyền-thoại về cây **krêk**, nội-dung có đôi phần khác câu chuyện trên, qua bài thơ Phiuh Đì-Sak xin lược-dịch dưới đây :

— Tất cả hãy lắng nghe mà theo gương, để tránh đừng vấp phải tương-tự ở mai-hậu !

Ngày xưa, có hai chị em là hai nàng Công-Chúa : Juk Bang, Juk Bea và hai vị Tướng Chàm Chây Nok và Chây Bok.

Bên cạnh cửa Hoàng Cung, có cây **krêk** là ước rẽ Vương-Quốc Chàm.

Nhiều cuộc lễ lớn đã diễn ra tại trào và người ta không thấy người Việt, người Tàu hay người Miên nào cả.

Vào tháng 4 năm con Trâu, một viên quan đầu Tỉnh đã báo-trình cuộc nổi-loạn của người Chu-Ru, Ko-Ho và Stiêng. Hai vị Chây đã tấu-trình sự việc lên Vua và nhà Vua sau khi hỏi ý-kiến các Quan trong triều, đã cấp 500 quân cho Chây Nok và Chây Bok đi đánh dẹp.

Nhà vua đã cấp áo giáp cho hai Tướng và đã cầu xin thần linh giúp chiến-thắng. Ngày giờ xuất-quân cũng được xem xét rất kỹ-lưỡng.

Vào đúng ngọ, hai Chây lên đường, Nok đi tiên-phuông, Bok giữ phần hậu-tập.

Đoàn quân tiến lên như một đám rừng giáo mác, cờ trắng dẫn đầu rồi tới cờ đỏ, cờ xanh, cờ tím. Sắc màu chói mắt, cảnh-vật trông thật đẹp.

Hãy tạm gác chuyện này sang bên để qua một việc khác.

Người **Yuôn** đã làm cho chúng ta cơ-cực thống-khò bao nhiêu, chỉ vì chúng ta đã xâm-phạm gốc nguồn. Họ đã xâm-nhiều và họ còn muốn đánh chiếm tất cả !

Một người **Yuôn** già và nghèo cho đến đời chỉ có được một bữa cơm mỗi ngày, nhưng có một đứa con gái tuyệt đẹp, mong có ngày dẫn sang đất Chàm. Hai cha con xuống một chiếc ghe nhỏ, mang theo một ít hàng-hóa, đã phải đi năm ngày đường mới đến biên-giới Chàm và để cho các chức-việc Chàm xét hỏi.

Người con gái luôn nở nụ cười trên môi, đã tự-nhiên pha-trò và đã đề cho một viên-chức Chàm ôm lấy châu-thân, trong khi đó cụ già làm ra tuồng như không hay biết gì cả về cử-chỉ của đứa con gái, đề chỉ bận lo sắp xếp những sùng con tây cùng ngà voi.

Viên chức Chàm mặc bấy sắc-đẹp, đã cho hai cha con nhập xuất biên-giới thông-thả. Sau khi đã bán buôn 3, 4 tháng trên đất Chàm, họ lại quay về nước. Viên chức ở biên-giới còn bảo họ hãy khéo thu-xếp để chóng trở lại.

Hàng-hóa Chàm họ mang về đã được người **Yuôn** ưa thích, chỉ 7 ngày sau, họ đã trở lại và lần này, có cả thấy mười chiếc ghe.

7 ngày sau đó, họ lại đến trạm biên-giới và được viên chức hữu-trách bảo cứ mua bán tự-do.

Người con gái nói : « Có tới bảy chiếc tàu ».

— Không hề gì !

Thế là nàng cứ đem lụa đến, để mang ngà voi đi.

Giờ hãy qua câu chuyện khác.

Người con gái mừng-rờ cứ tiếp-tục mang ngà voi về cho cha mẹ. Họ cất chòi đề ở và người **Yuôn** theo họ đến rất nhiều.

Nhà Vua nghe được tin người **Yuôn** đến ngụ ở biên-giới đông như thế, bèn cho người đi lấy tin và các quan đại-thần hạ lệnh dờ tất cả nhà cửa và tổng-xuất họ đi hết. Nàng con gái khác biệt với tình-nhân và được tặng nhiều đồ vật trước khi lên đường.

Giờ sang câu chuyện khác.

Vua **Yuôn** lâm trào được các Quan cho biết chính cây **krêk** và 2 viên Tướng là những trở-ngại chánh-yếu cho cuộc xâm-chiếm Champa, nên đã ngỏ ý gả một Công-Chúa cho Chiêm-Vương.

Một viên quan đã tâu-trình về câu chuyện mua bán của 2 cha con ông già nọ, nên mọi người đều cho ý-kiến của Vua là hay cả.

Vua **Yuôn** bèn chọn một Công-Chúa xinh nhất và nói rõ ý-dịnh :

— Hãy ráng tìm đủ mọi cách đồn bỏ cây **krêk**. Nếu thành công ta sẽ nhường lại ngôi báu ».

Nàng Công-Chúa vui nhận sứ-mạng và xuống ghe, đi với 2 tỳ-nữ. Đi được 7 ngày thì đến trạm biên-giới Chàm.

Quân-lính Chàm báo-động, nhưng bên **Yuôn** đã lên tiếng :
« Chúng tôi đem Công-Chúa chúng tôi sang Champa ».

Được tâu-trình, Vua Chàm liền sai cận-thần đến nơi rước Công-Chúa về trào. Công-Chúa **Yuôn** đã trang-diễm lộng-lẫy, nhà Vua vừa thấy dung-nhan thì phải lòng ngay và xin cưới. Thế là trâu và heo bị làm thịt không kè xiết để ăn mừng lễ cưới.

Quá đam-mê nàng Công-Chúa **Yuôn**, nhà Vua đã bỏ hết các người vợ trước, không ngó-ngàng tới nữa.

Trước tình-cảnh đó, hai chị em Juk Bang và Juk Bea cố-gắng khuyên-can nhà Vua về với nhiệm-vụ chân-chính, nhưng không ai còn có thể lay-chuyển nhà Vua được nữa.

Hãy tiếp-tục câu chuyện : Hỡi các đàn-ông và đàn-bà, hãy lấy đó mà giữ mình!

Một ngày kia, nàng Công-Chúa **Yuôn** giờ mang tên là **Nai Bia Ut**, bỗng kêu la lâm trọng-bệnh, nhưng không có thuốc thang nào chữa khỏi cả.

Nhà Vua lo-ngại, đến thăm thì Nai Bia Ut nũng-nịu tâu :

« Thừa Chúa-Thượng, thiếp thấy sao lạ quá, không bao giờ thiếp thấy bệnh quá như vậy. Thiếp thấy dường như máu trong mình đã chảy đi cả, và da thịt bị xâu-xé như miếng vải bị kéo qua bụi gai vậy ! »

Các ngự-y, thầy thiên-văn được vời đến tức-tức.

Thầy thiên-văn lần tay tính tuổi, cung-vận của Nai Bia Ut thì thấy chẳng có chi lạ cả, bèn trình lên Vua sự việc.

Nhà Vua nổi giận, mắng : « Sao ? Các người ngu-đầu dám nói ái-hậu của Ta chẳng đau bệnh gì cả hả ?

Hỡi tất cả, lắng tai mà nghe đây.

Nhà Vua quá mê-muội, chẳng còn nghe ai nói gì nữa cả. Đừng theo gương đó ! Nhà vua mù-quáng đã làm mất Vương-Quốc.

— Ái-hậu đau ở đâu ?

Nai Bia Ut mếu-máo : « Thiếp hông biết, hình như ở dưới bụng ».

Nhà vua nghiêm mặt :

« Ái-hậu đừng giấu-diếm Ta nữa, Ta sẽ làm mọi cách để Ái-hậu mau mạnh ».

Nai Bia Ut càng nhăn-nhó :

« Trời ơi ! Thiếp như chết cả nửa thân mình rồi, Bệ-Hạ ơi !

Nhà Vua hoảng-hốt :

« Trẫm phải làm sao bây giờ ? »

Nai Bia Ut khóc-lóc :

« Chỉ tại cây krêk đó, cây krêk đã trù-ốim thiếp. Thiếp sẽ chết, nếu Bệ-Hạ không thương thiếp ! »

Nhà Vua nổi trận lôi-đinh :

« Hỡi krêk, ta sẽ đốn ngươi, nếu ngươi cứ làm như vậy, để báo đáp lại bao nhiêu dân-dự, kinh-trọng mà Ta đã dành cho ngươi ».

Nhà Vua liền triệu các Quan đến và phán :

« Ngày trước, cây krêk đã che-chỡ cho Ta, nhưng nay krêk lại bức-bách ái-hậu Ta. Các ngươi hãy nói cho krêk rõ, krêk sẽ bị đốn ngã, nếu cứ tiếp-tục làm như vậy. Theo tập-tục, các ngươi hãy chuẩn-bị lễ-vật gồm 3 con trâu, một số heo và gà lông trắng, rồi các ngươi làm lễ cúng đề báo cho krêk rõ quyết-định của Ta ».

Các cận-thần làm y lời Vua và trình với cây krêk :

« Xin Ngài đừng làm rộn Chúa-Thượng ».

Cây krêk đáp :

« Ta nào có làm chi đâu ? Chúa-Thượng chỉ nghe người đàn-bà **Yuôn** nói láo ».

Các quan vào tấu-trình Vua việc thi-hành lệnh, nhà Vua liền cho Nai Bia Ut hay, và nàng đã giả bộ bệnh vừa được thuyên-giảm. Nhà Vua lấy làm vui mừng. Phải, nàng đã giả bộ mang thai.

Chỉ ba ngày sau, căn bệnh lại tái-phát và lần này có mỗi trăm-trọng hơn nữa :

« Chỉ có ai muốn cho thiếp chết mới nói rằng thiếp là người đàn-bà hư ».

Nhà Vua nổi giận liền hạ lệnh :

« Quân bầy, đồn nó phút cho rời đi ! »

Kẻ thuộc-hạ nghe lệnh, nhưng không một ai dám tuân theo.

Hai Công - Chúa Juk Bang và Juk Bea thấy thế cũng than-thở :

— Than ôi ! Anh ta chỉ nghe lời đường mật của người đàn-bà hư ấy, Vương-Quốc sẽ sụp-đổ và các Quan cũng chết mất hết. Phải rồi, một khi cây **krêk** mà ngã xuống rồi, xứ chúng ta sẽ chịu tai-họa tày-trời ».

Hai Công-Chúa vào can riêng Vua anh một lần nữa và chỉ cầu xin đừng động đến cây **krêk** phù-trợ Vương-Quốc ; hai nàng đã sánh người đàn-bà **Yuôn** kia như là ngọn lửa phá-hại.

Nhà Vua phẫn-nộ la lên :

« Sao ? Các em út đồng-thời là thần-dân Ta bấy giờ lại dạy Vua, anh cả hay sao ? »

Hai Công-Chúa bỏ chạy trốn, nhà Vua không rượt theo, mà chỉ sai quân hầu-cận đem đến một cây búa :

« Ta sẽ đích-thân đốn cây **krêk** đáng ghét ấy ! »

Nghe Vua nói vậy, một số thuộc-hạ lật-dật mang búa ra đốn hạ cây **krêk** ; từ những vết búa, vọt ra những vòi máu, giết chết hết cả những người đó.

Sau cùng, nhà Vua phải tự cầm búa đốn lấy ; máu tuôn tràn ra, thân **krêk** ngã xuống, rên-rỉ như một con voi. Nhà Vua trở về Cung thấy Nai Ut bỗng-nhiên được mạnh-khỏe như thường, thì mừng lắm và cảm thấy như sẽ sẵn-sàng quên tất cả, vì nàng.

Nai Ut sau đó, biên thư cho cha biết **krêk** đã bị đốn ngã rồi, không còn sợ gì nữa.

Vua cha Nai Ut được tin liền triệu-tập các quan đại-thần, bàn-định kế-hoạch, rồi biên thư báo bịnh, gọi rề và con : « Nể nhà Vua rề của ta mắc bận, thì ít ra con gái ta phải đến, vì Hoàng Hậu đang cần con gái ta bên cạnh, chỉ cần lưu lại một tháng thôi ! ».

Được tin, Nai Ut càng tỏ ra đau ốm dữ-dội thêm. Nhà Vua Chàm bèn nói : « Vậy thì ái-hậu cứ đi đi, để khi sanh đẻ rồi hãy trở qua cũng được ». Nàng bèn cùng đoàn tùy-tùng xuống thuyền.

Vua **Yuôn** lại triệu-tập các quan, tập-hợp binh-đội và tuyên chiến với người Chàm. Vua Chàm sung-sốt khi được tin và cũng triệu-tập các quan luận-bàn kế-hoạch đối-phó.

Hãy sang qua chuyện khác.

Chay Nok và Chay Bok vốn đã đi đánh dẹp loạn Chu-Ru và Ko-Ho, đã khóc lên khi hay tin cây **krêk** bị đốn :

« Chúng mình rồi cũng sẽ chết ».

Bước vào sân châu, yết-kiến Vua, Chây Nok và Chây Bok nhìn thấy cây **krêk** bị đốn ngã, lại khốc rống lên ; nhà Vua thấy được bèn nổi giận và sai quân chém đầu.

Một cuộc xâm-lăng dữ-dội của người **Yuôn** đã xảy ra, nhà Vua đã xuất quân đánh tan cả, nhưng một đoàn quân địch khác tiếp đó lại xuất-hiện càng mạnh hơn nữa. Bị giết bao nhiêu, các đoàn quân **Yuôn** càng đến đông gấp bội.

Một vài Chúa Vùng đã bắt đầu rung-dộng, bàn việc xin hàng, nên bị nhà Vua trừng-phạt và hành-quyết tất cả.

Trong lúc nguy-cấp, hai Công-Chúa bèn đến trước Vua, ngỏ ý xin dùng cây **krêk** đã bị đốn ngã từ ba tháng trước để cứu nước : thân cây sẽ cưa làm ván, các nhánh cây sẽ dẻo thành cột buồm, còn gốc rễ thì làm tay lái. Nhận thấy y-kiến khá hay, nhà Vua bèn ra lệnh gọi nhân-công và thợ mộc. Và nhà Vua đã lên trên chiến-thuyền đóng bằng **krêk** này để chống giặc. Khi cần chèo, tự chiến-thuyền lướt tới cũng đã bằng cả trăm tay chèo rồi. Nhà Vua khiêu-chiến, tức thì quân giặc ra ứng-chiến. Giặc bị tàn-sát quá nhiều, nhưng càng bị giết, giặc càng đến đông thêm lên. Sau cùng người **Yuôn** cho lui binh và cho đập đập ngang con sông bằng cừ, cột và giây sắt.

Ghe **krêk** đã ngừng lại trước các cột sắt, không chịu tiến tới nữa. Nhà Vua nổi giận đã chặt mũi ghe. Liền khi đó, toàn hải-đoàn Hoàng-Gia Chàm bị chìm hết cả. Nhà Vua đập bẻ nát mũi ghe, chiếc ghe bị lỗ hổng, nhà Vua phải té xuống nước. Giặc ào-ạt phản-công, tàn-sát quân Chàm một phần lớn, Vua lợi được vào bờ bị rượt nà theo.

Sau một lúc đắn-đo, nhà Vua đã chạy trốn bằng cách đi lùi; những dấu chân in trên đất đã đánh lừa được giặc một lúc lâu.

Nhà Vua đã ẩn trốn được trong một hang rắn mối trên cát và con nhện đã đến dệt màn che bít lỗ đi vào.

Giặc tìm kiếm khắp nơi không có, vì bị dấu chân đánh lừa, vừa tính rút quân, thì một con rắn mối ác-ôn bỗng kêu lên một tiếng. Giặc nghe được, tưởng là tiếng rên-siết bèn cùng nhau bới cát lên thì bắt gặp Vua Chàm.

Giặc đã nắm cổ Vua lên và chém đầu.

Chiếc đầu rơi xuống đã bảo thân mình còn lại chạy về Hoàng-Cung, đề rồi đầu sẽ đến họp nhau sau. Thân mình bèn lên đường.

Nhưng thương thay! Đám trẻ chăn trâu trông thấy cảnh lạ-lùng từ xa, rủ nhau chạy lại gần rồi reo lên: « Trời ơi! Mình không đầu mà cũng đi được nè! »

Chiếc thân nghe nói thì bị ngã tại chỗ và máu vọt ra, giết hết tất cả đám trẻ. Chiếc thân nằm đó và bắt đầu sinh thú.

Mặt khác, cái đầu đã về được đến Hoàng-Cung và lên tiếng gọi các cung-nữ. Quen tiếng, các cung-nữ lật-đật chạy đến nhưng gặp cái đầu không có mình, các cung-nữ hoảng-sợ chạy trốn cả. Cái đầu xấu-hổ, bèn quay lại phía giặc để cho quân-sĩ đem nộp Vua của họ.

Nai Ut đã được gọi đến để nhận-điện. Cái đầu bèn nói với Vua **Yuôn** : « Xin cứ chặt đầu này làm đôi đi ; như vậy, sẽ không còn ai xem thường Vương-Quốc của Ngài ». Vua **Yuôn** quay sang Nai Ut phán : « Đúng là ông Hoàng này đã có một sức mạnh vô-dịch ».

Chúng tôi viết nên quyển sách này để nhớ lại những cái không may của nước chúng tôi cùng sự ngu-xuẩn theo lời đường mật của đàn-bà con gái. Trong mai-hậu, đừng có nghe họ nữa ! »



Qua câu chuyện về cây **krêk** kể trên, người ta thấy có nhiều chi-tiết khác biệt trong câu chuyện giữa người Chăm lưu lại miền Trung và những người Chăm ly-hương tại Châu-Đốc và Cam-Bốt, nhưng về đại-cương, câu chuyện vẫn giữ một tinh-thần chung, hối-tiếc một lỗi-lầm cùng đau-thương cho một gốc-nguồn và cơ-đồ dân-tộc.

Từ những ngày chân ướt chân ráo đi ăn-nấu tránh-giặc, những người Chăm định-cư ở Châu-Đốc, Tây-Ninh và Cam-Bốt lần hồi cũng tụ-hợp lại thành những thôn-ấp, tiếp nối cuộc sống truyền thống, trong sự bảo-tồn phong-tục tập-quán Chăm.

Mặc dầu phải sống trong khung-cảnh xa-lạ, thiếu những di-tích lịch-sử hiển-hiện trước mặt do tiền-nhân lưu lại, những người ra đi lại được may-mắn hơn những người ở lại, nhờ không phải chịu những ràng-buộc khắt-khe của những biện-pháp Việt-hóa do triều-đình Huế ban-hành.

Ngoài ra, sự hiện-diện của một vài nhân-vật trong Hoàng tộc, cùng trải qua những gian-khổ lưu-vong, đã duy-trì được một phần nào sắc-thái cổ-hữu của dân-tộc Chàm, nhắc-nhở mọi người quay hướng về những giếng-mối lãnh-đạo giống-giòng.

Ở đây, người ta không tìm được một *Biên-Niên-Sử* tương tự như ở Phan-Rang, Phan-Rí; người ta chỉ hay kể cho nhau nghe những chiến-công hiên-hách của một vài *Tướng-Soái* hữu công — như Ông *Brâm* chẳng hạn « sức mạnh có thể chuyển núi dời non » — những chuyện giặc tàn-sát « con nít bị xỏ-xấu, bỏ vào cối mà quết » v.v...

Chính qua những câu chuyện ly-kỳ kể trên, người ta nhắc đến tên các *Trào Vua Chàm*, nhưng Vua nào trước, Vua nào sau, thì chỉ có thể dựa vào hay là liên-hệ thân-tộc của các vị Vua hay đúng hơn là chỉ có thể dựa vào trí nhớ của các cụ già, nhứt là các cụ già thuộc giòng Hoàng-tộc.

Nhờ vậy, người ta lập ra được ba bảng-kê các *Triều Vua Chàm*.

Bảng A và B do **Pô Ku**, giòng Vua *Pô Chon*, ngụ tại một làng Chàm ở Chuk-Sa tỉnh Lô-vêk (Cam-Bốt).

Bảng C do **Snê-ha No-rê**, một Tu-si Chàm Hồi-Giáo nổi danh, được nhiều người kính-nể do cuộc sống tu-hành tại một ngọn núi gần Oudong và trước đã được Hoàng-thái-Hậu Cam-Bốt che-chở.

Bảng - Kế các Triều Vua Chăm

(BẢNG A)

- 1 — Nur-sa-vanh trị-vì tại Băi Sruh-băi-lai, vợ tên Bia A-ra-yah với các cận-thần : Pa-gin-đa A-li, Pan A-li, Bu-ba-ker, U-mar, Os-man.
- 2 — Sa-nim-par, con Nur-sa-vanh.
- 3 — Pô Panh, con của Sa-nim-par.
- 4 — Pô Pa-ru-mi, con của Sa-nim-par.
- 5 — Pô Ma-ha Ra-ja.
- 6 — Pô Thi-ra-ya Ja-tăm-poh, con của Ma-ha Ra-ja.
- 7 — Pô Klong Ba-ra-hun, con của Pô Thi-ra-ya.
- 8 — Pô Nrop, con của Pô Klong Ba-ra-hun.
- 9 — Pô Jum Pa-rang, con của Pô Nrop.
- 10 — Pô Ti-rai, con của Pô Jum Pa-rang.
- 11 — Pô Chik-kok, con của Pô Ti-rai.
- 12 — Pô Đa-mun, con của Pô Chik-kok.
- 13 — Pô Bak, con của Pô Đa-mun.

Hai vị sau cùng là Ja In, Ja Bai, theo tập-tục, đã trị-vì khi người Chăm rời bỏ Cam-Bốt nhường chỗ cho người Khơ-Me từ Miến-Điện sang.

Bảng - Kê các Triều Vua Chăm

(BẢNG B)

Trị-vì tại Bả Sruh-bả-lai

- 1 — Pô Sa-nim-par.
- 2 — Pô Panh.
- 3 — Pô Ma-ha Ra-Jăk.
- 4 — Pô Su-rya Ja-ta-muh.
- 5 — Pô Klong Ga-hul.
- 6 — Pô Jum Pang-rang.
- 7 — Pô Phinh di-suôr.
- 8 — Pô In di-rai.
- 9 — Pô Phinh di-săk.

Trị-vì tại Chơk Đa-ning Kruk

- 10 — Pô Nit.
- 11 — Pô Nrop.
- 12 — Pô Klong Ta-rai.
- 13 — Pô Rat Ta-lang.
- 14 — Pô Vat La-Kau.
- 15 — Pô Chơk Tăk.
- 16 — Pô A-ru.

Pô A-ru đã trị-vì Vương-Quốc-Chàm nhân-danh Vua **Yuôn** và đã được triệu đến Triều-đình Huế rồi xử phạt lưu lại ở đấy.

Được tin trên, người Chàm đã nổi dậy, cho đến khi Pô A-ru được đưa trở về, mới êm.

Nhưng chỉ một năm sau, Pô A-ru lại bị bắt đồng-thời v. các Chúa Chàm khác, nhiều người bị đi đày.

Vợ của Pô A-ru là Nai Lét cùng với 2 em là Nai Tit v. Nai Tong được đưa đến Pursat trên đất Cam-Bốt.

Vào năm Tí, người Khor-Me nổi dậy, cả 3 Công-Chúa tr. được đưa về Champa, trong khi đã có Nai Khan-va đang trị nước v. sự phù trợ của một viên quan Việt-Nam.

Sau Pô A-ru :

- Pô Yang Pu-tih.
- Pô Ti-Kai (con của Pô Rat).
- Pô Chơn hay Pô Chơk-kok.
- Pô Nong, mất vào khoảng năm 1845.
- Pô Tih, mất lối 1870.

Và sau cùng là Pô Ku, sanh năm 1840, người đã cung-cấp cho E. Aymonier tài-liệu kể trên.



Bảng - Kê : *các Triều Vua Chăm*

(BẢNG C)

- 1 — Pô Panh.
- 2 — Pô Sa-nim-par.
- 3 — Pô Pur-mi.
- 4 — Pô Bia đa-lìh bùm.
- 5 — Pô Ma-ha Ra-jăk.
- 6 — Pô Su-rya Ja-ta-muh.
- 7 — Pô Nit.
- 8 — Pô Jum Pa-rang.
- 9 — Pô Phinh Đi-săk.
- 10 — Pô Phinh Đi-suôr.
- 11 — Pô Nrop.
- 12 — Pô A-dea.
- 13 — Pô Ka-sang.

Pô Ra-ta-lang em một mẹ với Po Chok-kok đã trị-vì tại Băi Cha-nar ở Pa-rik Pa-Rang.

Pô Chok-kok anh của Pô Chon đã sang Cam-Bốt, có ngừng lại ở Bon Pang, để đợi người liên-lạc với Vua Cam-Bốt.

Vua Cam-Bốt đã cho viên quan Bi-muk Vong-Sa đến tận nơi tiếp đón người Chăm và đã cho đưa từng nhóm đến định-cư tại Pou Preah En, Sêh Sambuôr, Krêkor, Roka Ba Pram thuộc tỉnh Thbông Klunum.

Đối với người Chăm Châu-Đốc, Tây-Ninh và Cam-Bốt, danh-hiệu các Triều Vua trong 3 bảng-kê trên, tượng-trung một cách giản-dị cho gốc-nguồn, cho lịch-sử đấu-tranh của dân-tộc (của nhóm có lẽ đúng hơn). Người ta chỉ biết rằng nó thuộc về dĩ-vãng ở một ngày xa xưa, nhưng thời-gian ở đây bất-định và chỉ có những tên Vua hữu-công mới nổi-bật lên, khắc ghi trong lòng dân-chúng.

Một vài tên Vua trùng-hợp với Biên-Niên-Sử tìm được ở Phan-Rang, nhưng phần lớn thì đều khác lạ.

Người ta nhớ rằng toàn-thể người Chăm Châu-Đốc, Tây-Ninh và Cam-Bốt đều là tính-đồ Hồi-Giáo (Islam) và cho đến ngày nay sinh-hoạt tôn-giáo vẫn duy-trì liên-hệ thường-xuyên với Trung-Tâm Hồi-Giáo ở Thánh-Địa Mecca (Arabie Séoulite), cho nên trong bảng-kê người ta nhận thấy một vài danh-hiệu Hồi-Giáo.



- Người dân Chăm hiện sống ở đâu ?
- Liên-hệ giữa Xưa và Nay ra sao ?
- Xã-hội Chăm đã và đang phát-triển theo chiều hướng nào ?

Xin đón xem quyển :

PHONG-TỤC CHĂM

Sắp xuất-bản nay mai

Mục - Lục

| | Trang |
|---|-------|
| Lời tựa của Giáo-Sư Nghiêm-Thăm | 7 |
| Mở đầu | 9 |

CHƯƠNG THỨ NHẤT

CHAMPA VÀ DÂN-TỘC CHÀM

| | |
|----------------------------|----|
| Lãnh-địa Chăm | 11 |
| Giòng-gióng Chăm | 16 |
| Xã-hội Chăm | 21 |

CHƯƠNG THỨ HAI

NGƯỜI CHÀM LẬP-QUỐC

| | |
|---|----|
| Lâm-Áp | 27 |
| Cri Mara — Vi Krântavarmen II | 29 |

CHƯƠNG THỨ BA

TỪ TRIỀU-ĐẠI PÂNDURANGA ĐẾN TRIỀU-ĐẠI INDRAPURA

| | |
|--------------------------------|----|
| Triều-Đại Pânduranga | 42 |
| Triều-Đại Indrapura | 45 |

CHƯƠNG THỨ TƯ

VƯƠNG-QUỐC CHÀM TỪ ĐẦU THẾ-KỶ 11 ĐẾN GIỮA THẾ-KỶ 12

| | |
|-----------------------|----|
| 1000 — 1074 | 52 |
| 1074 — 1113 | 56 |
| 1113 — 1117 | 58 |

CHƯƠNG THỨ NĂM

VƯƠNG-QUỐC CHÀM TỪ CUỐI THẾ-KỶ 12 ĐẾN CUỐI THẾ-KỶ 13

| | |
|--|----|
| Cuộc chiến Cam-Bốt — Champa | 64 |
| Quân Mông-Cồ xâm-lăng Champa | 70 |
| Việc cướp Huyền-Trần, Công-Chúa Đại-Việt | 74 |

CHƯƠNG THỨ SÁU

LƯƠNG-QUỐC CHÀM TỪ 1307 ĐẾN KHI RỜI BỎ THÀNH VIJAYA, 1471 TÂY-LỊCH

| | |
|--------------------------------|----|
| 1307 — 1342. | 78 |
| Uy-danh Chẽ-Bồng-Nga | 87 |
| 1390 — 1471. | 89 |

CHƯƠNG THỨ BẢY

GIẢI-ĐOẠN SAU CÙNG CỦA QUỐC-VƯƠNG CHÀM

| | |
|-----------------------------|-----|
| 1471 — 1543 | 98 |
| 1543 — 1653 | 101 |
| 1653 — 1822 | 103 |
| Từ 1822 về sau | 109 |
| ĐOẠN - KẾT | 113 |

PHỤ-LỤC

| | |
|--|-----|
| TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI CHÀM TRONG LỊCH-SỬ CHAMPA | 117 |
|--|-----|



Sách tham - khảo

- E. AYMONIER, **Les Tchames et leurs religions,**
Paris, E. Leroux, 1891.
- A. CABATON, **Nouvelles recherches sur les**
Chams, Paris, E. Leroux, 1901.
- H. PARMENTIER, **Inventaire descriptif des mo-**
numents chams de l'Annam,
Paris, E. Leroux, 1909.
- J. LEUBA, **Un Royaume disparu Les Chams**
et leur art, Paris et Bruxelles,
G. Van Oest, 1923.
- G. COEDES et
H. PARMENTIER, **Listes générales des Inscriptions**
et des Monuments du Champa et
du Cambodge, Hanoi, IDEO, 1923.
- G. MASPERO, **Le Royaume de Champa,**
Paris et Bruxelles, G. Van Oest 1928.
- J. Y. CLAEYS, **Introduction à l'étude de l'Annam**
et du Champa, Hanôï, Imp. d'E.O.
1934.

G. COEDES, **Histoire ancienne des Etats hindouisés d'Extrême-Orient,**
Hanoi, IDEO, 1944.

LÊ-THÀNH-KHÔI, **Le Viêtnam,**
Histoire et Civilisation,
Paris, 1950.

P. HUARD et M. DURAND, **Connaissance du Vietnam,**
Hanoi, 1954.

J. BOISSELIER, **La Statuaire du Champa,**
Paris, E.F.E.O., 1963.

Frank M. LEBAR,

Gerald C. HICKEY,

John K. MUSGRAVE : **Ethnic groups of mainland Southeast Asia,** *New Haven, Human Relations Area Files Press, 1964.*

MỘT SỐ BÀI KHẢO-LUẬN ĐÃNG TRONG CÁC TẬP :

- *Bulletins de l'Ecole Française d'Extrême-Orient.*
- *Excursions et Reconnaissances.*
- *Bulletins de la Société des Etudes Indochinoises* v. v...





الجمعية الشامية الإسلامية البينامية



Ban Quản-Trị Trung-Uơng

Hiệp-Hội Chăm Hồi-Giáo Việt-Nam

Niên - khóa 1965 - 1966

1- Cố-vấn đoàn :

- Tuan Hakim Haji Mơ-Ly
- Haji Ahmad
- Haji Muhamad-Saleh
- Nguyễn-Giàu tự Ahmad
- Pital Masalès
- Danh-Ysa tự Abdol-Gofôr
- Jabbar

2.- Ban chấp-hành :

- | | |
|-----------------|-------------------------|
| Chủ-Tịch | : Ly-Ossameine |
| Phó Chủ-Tịch | : Danh Samaël |
| Tổng Thư-Ký | : Jacob |
| Thủ-Quỹ | : Abdol-Katia |
| Phụ-tá Thủ-Quỹ | : Mách-Ly |
| Ủy-viên Giáo-lý | : Abdelloh |
| Phụ-tá Giáo-lý | : Mohamad-Yeussóf |
| Ủy-viên Xã-Hội | : Châu-văn-Hà tự Hariff |
| Phụ-tá Xã-Hội | : Hại Abdorrohmang |

HIỆP - HỘI CHÀM HỒI - GIÁO VIỆT - NAM

thành-lập do Nghị-Định số 490/NV-KS ngày 10-8-61 của Bộ Nội-Vụ.

Số 23 TK 10, Bến Chương-Dương - SAIGON

* MỤC - ĐÍCH và TÔN - CHỈ :

- duy-trì và phát-huy giữa người Chăm Hồi-Giáo, tinh-thần đạo-đức, trong lễ-lối sinh-hoạt, theo tập-quán truyền quy-định trong Thánh-Kinh Quran.
- giúp phương-tiện cho người Chăm Hồi-Giáo thực-hiện Hội-Giáo-điều nhân dịp Hôn Tang Tế.

* H.H.C.H.G.V.N. có đặt các Chi-Hội tại :

- | | |
|--------------|------------|
| ● CHÂU-ĐỐC | ● SAIGON |
| ● NINH-THUẬN | ● TÂY-NINH |

DÂN - TỘC CHÀM, LƯỢC - SỬ
CỦA DOHAMIDE VÀ DOROHIEH, IN
XONG NGÀY 10-12-65 TẠI NHÀ IN
LÊ - VĂN - PHƯỚC 72, PHÁT - DIỆM
SAIGON, NGOÀI 3000 BẢN THƯỜNG
CÒN CÓ 200 BẢN ĐẶC-BIỆT CÓ
CHỮ KÝ CỦA TÁC-GIẢ KHÔNG BÁN.

GIẤY PHÉP SỐ : 3295/BTT/BC3/XB
NGÀY 9-2-1965



Đại-Biểu Chàm Hồi-Giáo Việt-Nam (Ông Dahamide) đang phát-biểu ý-kiến tại Hội-nghị các nước Hồi-Giáo Đông-Nam-Á và Viễn-Đông, họp tại Kuala Lumpur (Mã-Lai-Á) hồi tháng 2 năm 1964.



Tiếp-nối con đường quay về gốc-nguồn, tác-giả sẽ lần - lượt xuất - bản :



- ★ Phong-tục Chàm.
- ★ Chuyện cổ-tích Chàm.
- ★ Văn-minh Chàm.
- ★ Tự-diễn Chàm-Việt
- ★ Tự-diễn Việt-Chàm.
- ★ Vấn-đề Dân-tộc thiểu-số tại Việt-Nam.



الجمعية الشامية الإسلامية البينامية



HIỆP - HỘI CHÀM HỒI - GIÁO - VIỆT - NAM
Số 23 TK 10, Bến Chương-Dương - SÀI-GON

GIÁ : 100 \$

T. P {
C. N { 110 \$

Nhà SÁCH KHAI-TRÍ
92, L. L. L. SÀI-GON